VIỆT NAM:
QUAN HỆ ĐỐI TÁC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN

Báo cáo không chính thức tại
Hội nghị Nhóm Tư vấn Các Nhà Tài trợ cho Việt nam

Hà nội, ngày 2-3 tháng 12 năm 2003

LỜI CẢM ƠN

Tài liệu này là sản phẩm của nỗ lực tập thể và quan hệ đối tác ở Việt Nam với sự đóng góp của nhiều nhóm đối tác giữa Chính phủ – Nhà tài trợ – Tổ chức phi Chính phủ (TCPCP) và các nhóm làm việc về hài hòa hóa các thủ tục và nâng cao hiệu quả nguồn vốn ODA của các nhà tài trợ. Tất cả các nhóm đối tác đã hợp tác nhằm giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển và cải thiện công tác điều phối và cung cấp Viện trợ Phát triển Chính thức (ODA). Tài liệu này không thể hoàn thành nếu không có sự hợp tác, đóng góp và hỗ trợ tích cực của rất nhiều các đối tác phát triển, bao gồm các cán bộ chính phủ, các nhà tài trợ và các TCPCP. Danh sách các đầu mối liên lạc chính (mặc dù không nhất thiết họ là trưởng nhóm) của các Nhóm được nêu lên trong báo cáo này được trình bày chi tiết dưới đây. Trường hợp các cơ quan, tổ chức không được nêu tên sau đây không có nghĩa là họ không đóng góp hoạt động gì trong nhóm đối tác.

Liên Minh Châu Âu	Andrew Jacobs (EU)
LMDG	Dean Frank (CIDA)/ Bella Bird (DFID)
Liên Hiệp Quốc	Jordan Ryan/Mette Fjalland (Văn phòng Điều phối)
Nhóm Công tác Xoá nghèo/Tổ công tác chống nghèo đói	Martin Rama/Nguyễn Nguyệt Nga (WB) Alessandro Pio (ADB); Nguyễn Tiến Phong (UNDP)
Nhóm đối tác Hành động Giới	Trần Mai Hương/Kristen Pratt (NCFAW)
Nhóm Môi trường	Nguyễn Ngọc Ly (UNDP)/Tạ Đình Thi (MONRE)
Nhóm Sự tham gia của người dân	Katrine Pedersen (UNDP)
Nhóm Cải cách DNNN và Cổ phần hoá	Daniel Musson (WB)
Nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa	Philippe Scholtes (UNIDO)
Nhóm Khu vực tài chính	James Seward/Tom Rose (WB)
Nhóm Thương mại	Martin Rama/Nguyễn Minh Đức/Theo Larsen (WB)
Nhóm Diễn đàn Doanh nghiệp	Deepak Khanna (IFC)
Nhóm Giáo dục	Mandy Woodhouse (Oxfam GB)/ Erik Bentzen (UNICEF)/ Bill Tod (SCF-UK)/ Samuel Lieberman (WB)
Nhóm Y tế	Pascale Brudon (WHO)
Nhóm HIV/AIDS	Nancy Fee (UNAIDS)
Nhóm Lâm nghiệp	Vũ Văn Mễ (FSSP - MARD)
Nhóm các Xã nghèo nhất	Lê Thị Thống (MPI)
Nhóm Thiên tai	R. Kuberan (UNDP)
Nhóm nước	Trần Nam Bình (MARD-ISG)
MARD-ISG	Trần Nam Bình (MARD-ISG)
Nhóm Giao thông	Mr. Kikuchi (JICA)
HCMC ODAP	Phạm Văn Thân (ODAP)
Nhóm Đô thị	Walter Meyer (SDC)
Nhóm Cải cách hành chính	Phạm Văn Điềm (MoHA)/Nguyễn Tiến Dũng (UNDP)/ Đào Việt Dũng (ADB)/Soren Davidsen (WB)
Nhóm Luật pháp	Lưu Tiến Dũng (UNDP)
Nhóm Quản lý Tài chính công	Nguyễn Bá Toàn (Bộ Tài chính)

Bồ Thị Hồng Mai (Ngân hàng Thế giới)phụ trách quá trình xây dựng tài liệu này và điều phối việc thu thập các báo cáo theo chủ đề từ các Nhóm Đối tác Phát triển và là tác giả của phần giới thiệu tổng quan. Nguyễn Bích Thuỷ (NHTG) đã hỗ trợ đắc lực cho báo cáo này.

Các phiên bản báo cáo này có thể được cung cấp tại Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam, Tầng trệt, 63 Lý Thái Tổ,và tại trang www.worldbank.org.vn , www.un.org.vn và www.vdic.org.vn

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VÀ TỔNG QUAN 1

NHÓM CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO 12

GIỚI 16

MÔI TRƯỜNG 21

SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN 23

CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP QUỐC DOANH 26

KHU VỰC TÀI CHÍNH 30

CẢI CÁCH THƯƠNG MẠI 40

DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 54

GIÁO DỤC 58

HIV/AIDS 61

Y TẾ 65

QUAN HỆ ĐỐI TÁC GIẢM NHẸ THIÊN TAI (NDM) 69

QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP (FSSP & P) 72

QUAN HỆ ĐỐI TÁC GIÚP ĐỠ CÁC XÃ NGHÈO NHẤT 85

NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (ISG) 89

QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODAP) - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 94

GIAO THÔNG VẬN TẢI 96

DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ 100

NGÀNH LUẬT PHÁP 103

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÔNG 115

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG 123

HÀI HOÀ THỦ TỤC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VỐN ODA 129
LIÊN MINH CHÂU ÂU 129
LMDG (NHÀ TÀI TRỢ CÙNG QUAN ĐIỂM) 130
LIÊN HIỆP QUỐC 131

Giấy phép xuất bản số 215/QĐ - CXB cấp ngày 21/11/2003

TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
AFD	Cơ quan Phát triển Pháp
BCĐQG	Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phát triển và Cải cách Doanh nghiệp
BTP	Bộ Tư pháp
BTM	Bộ Thương mại
CEPT	Thuế ưu đãi có hiệu lực chung
CIDA	Tổ chức Phát triển quốc tế Canada
CIE	Trung tâm Kinh tế Quốc tế
CPNET	Mạng lưới thông tin chính phủ
CLTT&GN	Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo toàn diện
CPLAR	Chương trình Hợp tác về Cải cách công tác Quản lý Đất đai
DANIDA	Cơ quan phát triển Quốc tế Đan Mạch
ĐHQG	Trường Đại học quốc gia Việt Nam
EU	Liên minh Châu âu
FAO	Tổ chức của LHQ về lương thực và nông nghiệp
GDP	Gross Domestic Product
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản
JBIC	Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật bản
KfW	Ngân hàng Tái thiết Đức
LPTS	Trường Đào tạo Ngành luật
MDG	Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ
NGO	Tổ chức Phi chính phủ
NORAD	Cơ quan phát triển Na-uy
NHCP	Ngân hàng cổ phần
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
NHT	Nhóm Hỗ trợ quốc tế (ISG)
ODA	Viện trợ Phát triển Chính thức
OSS	Chế độ một cửa
PPA	Đánh giá nghèo có sự tham gia của người dân
RPA	Đánh giá nghèo cấp Vùng
SDC	Hợp tác Phát triển Thụy sỹ
SIDA	Cơ quan Phát triển Quốc tế Thuỵ sỹ
TNT	Toà án Nhân dân tối cao
UN	Liên Hiệp Quốc
UNFPA	Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hiệp Quốc
UNV	Tình nguyện viên Liên Hiệp Quốc
UNHCR	Cao ủy Liên Hiệp Quốc về Người tỵ nạn
UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc
UNODC	Văn phòng Kiểm soát ma tuý Liên hợp quốc
VDG	Mục tiêu phát triển Việt Nam
VHLSS	Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam
VQLKTTW	Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM)
VPQH	Văn phòng Quốc hội
VKSNT	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

GIỚI THIỆU VÀ TỔNG QUAN
VIỆT NAM: QUAN HỆ ĐỐI TÁC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN

Giới thiệu:

1. Trong năm vừa qua, mối quan hệ đối tác đã đạt được tiến bộ to lớn trong việc tăng cường hiệu quả của công tác cung cấp và quản lý viện trợ phát triển chính thức (ODA) ở Việt Nam, trong đó vai trò sở hữu của Chính phủ trong chương trình nghị sự của mối quan hệ đối tác ngày càng được tăng cường. Một khuôn khổ ODA hiệu quả hơn đã được hình thành và các sáng kiến mới đã được đưa ra. Cộng đồng quốc tế cam kết theo sát các mục tiêu và chiến lược dài hạn của Việt nam và các nhà tài trợ đang thiết kế các kế hoạch hành động để hỗ trợ và thực hiện Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo Toàn diện (CLTT&GN) của Việt Nam được Thủ Tướng phê chuẩn tháng 5/2002.

Mối quan hệ đối tác phát triển được nhấn mạnh trong tài liệu này đã góp phần to lớn vào CLTT&GN và hiện đang nỗ lực bảo đảm rằng việc thực hiện CLTT&GN và các chiến lược ngành sẽ đạt được hiệu quả tối đa với mục tiêu giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển của mình. Các thách thức trong việc thực hiện và giám sát CLTT&GN vẫn còn tồn tại, ví dụ như việc chuyển các mục tiêu phát triển thành các kết quả cụ thể thông qua các chỉ số kết quả của các chính sách tương ứng, cũng như là việc làm thế nào để giảm các chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả vốn viện trợ trong khi vẫn duy trì được vai trò sở hữu của Chính phủ. Tuy nhiên, nhìn chung, Việt Nam vẫn đang đi đúng hướng trong việc thực hiện các mục tiêu tự đặt ra.

Phần chính của báo cáo này bao gồm một loạt các báo cáo ngắn do 20 nhóm quan hệ đối tác phát triển và các nhóm làm việc về hài hòa hóa thủ tục và nâng cao hiệu quả vốn viện trợ của các nhà tài trợ ở Việt Nam chuẩn bị (xem mục lục), nêu lên những tiến bộ và kết quả phát triển đạt được kể từ Hội nghị Nhóm Tư vấn các Nhà Tài trợ lần trước và những thay đổi to lớn trong lĩnh vực này. Báo cáo của các nhóm đã nhấn mạnh những thay đổi hành vi thông qua việc trả lời 3 'câu hỏi chủ yếu' (Khung 1). Phần trả lời cho 3 câu hỏi này đã tạo nên nội dung chính của các báo cáo ngắn trong báo cáo đối tác này; một vài nội dung chủ yếu trong mỗi báo cáo được trình bày tóm tắt trong Khung 2. Hầu hết các nhóm đối tác có sự tham gia của đại diện Chính phủ, các nhà tài trợ và rất nhiều nhóm còn có sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ.

Khung 1: Ba "câu hỏi chủ yếu"

1) Nhóm quan hệ đối tác của bạn đạt được tiến bộ gì trong sáu tháng qua trong việc hỗ trợ thực hiện CLTT&GN, cũng như các chương trình và chiến lược của ngành?
2) Trong 12 tháng tới, nhóm quan hệ đối tác của bạn sẽ thực hiện những hành động cụ thể gì, bao gồm cả việc gắn hỗ trợ của các nhà tài trợ vào chiến lược CLTT&GN?
3) Các tiêu chí thành công sửa đổi hay các điểm mốc chính của của bạn cho năm 2004 là gì để bảo đảm rằng nhóm quan hệ đối tác đạt được các kết quả phát triển? Xin đưa các tiêu chí hoặc điểm mốc đó vào một mô hình ma trận có xác định rõ các mục như thời gian, các hoạt động theo kế hoạch, kết quả và những đối tác chính

Khung 2.1: Những điểm nổi bật trong hoạt động của các Nhóm Đối tác trong sáu tháng qua

Nhóm Giảm nghèo

- Ban thư ký đã được thành lập sau khi thành lập Uỷ ban Chỉ đạo để thực hiện Chiến lược CLTT&GN và Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo/Hỗ trợ Tăng trưởng và Giảm nghèo
- Năm cuộc hội thảo vùng với sự tham dự của hơn 750 đại biểu cấp giám đốc đã được tổ chức nhằm thảo luận phương pháp tiếp cận CLTT&GN và tác động của nó đối với quy trình hoạch định của địa phương và của các ngành
- Một bản đề cương đã được xây dựng và thảo luận nhằm đặt ra một khuôn khổ chung cho việc thực hiện Đánh giá Đói nghèo cấp vùng
- Chính phủ sắp bổ xung một Chương về Cơ sở Hạ tầng vào CLTT&GN

Vấn đề Giới

- Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan điều phối một nhóm công tác trong khuôn khổ Chương trình Hành động Giới (GAP) nhằm giám sát một đội gồm ba chuyên gia tư vấn được giao nhiệm vụ nghiên cứu chi tiết CLTT&GN trên quan điểm bình đẳng giới
- Một cuộc Đối thoại Phân tích về Giới trong CLTT&GN đã được tổ chức tháng 6/2003 nhằm giới thiệu báo cáo: "CLTT&GN: Phân Tích trên quan điểm về Giới" cho các cơ quan chính phủ và các đối tác phát triển.
- Dự án NCFAW-UNDP-RNE VIE 01-01-01 về Giới trong Chính sách công đã thực hiện thành công một khóa đào tạo giáo viên 7 ngày cho 25 giáo viên về giới cấp quốc gia

Môi trường

- Đánh giá về Nhóm Hỗ trợ Quốc tế về Môi trường (ISGE) đã được tiến hành và do vậy hoạt động của ISGE đã được phục hồi dưới sự lãnh đạo của Bộ Tài nguyên và môi trường
- Khuôn khổ cho các nhiệm vụ và định hướng của ISGE đã được xây dựng

Sự Tham gia của Người dân

- Nhóm đã thay đổi tên thành Nhóm Công tác Không chính thức về Sự tham gia của Người dân và đã thay đổi Tuyên ngôn Hoạt động để thể hiện rõ hơn mục tiêu và tính chất hiện nay
- Chia sẻ những kinh nghiệm và bài học tốt nhất từ các hoạt động xây dựng năng lực, đặc biệt trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản
- Rà soát lại các văn bản pháp luật mới - Nghị định Dân chủ Cơ sở và Nghị định về Hiệp hội

Khung 2.2: Những điểm nổi bật trong hoạt động của các Nhóm Đối tác trong sáu tháng qua

Cải cách DNNN và Cổ phần hóa
- Tiếp tục thực hiện chương trình nhiều năm về cải cách DNNN
- Vận hành mạng an sinh xã hội cho người lao động thôi việc khỏi DNNN trong sáu tháng qua
- Đã đạt được mục tiêu bước đầu thực hiện 30 cuộc đánh giá hoạt động của 30 DNNN và đang tiến hành đánh giá thêm các DNNN

Khu vực tài chính
- Nhóm công tác đã mở rộng vượt ra khỏi khuôn khổ cải cách ngân hàng và bao gồm cả các vấn đề tài chính, bao gồm việc phát triển thị trường vốn
- Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách ngành tài chính với sự hỗ trợ mạnh mẽ của các nhà tài trợ thể hiện qua số lượng các dự án hỗ trợ liên quan ngày càng tăng
- Cải thiện, mở rộng và cập nhật ma trận toàn diện về hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ cho vay của các nhà tài trợ cho chương trình cải cách ngành tài chính của Chính phủ

Cải cách thương mại
- Chính phủ tiếp tục tự do hóa xuất khẩu và nhập khẩu và nhìn chung đã thực hiện chương trình cải cách của mình trong một số lĩnh vực nhanh hơn mức dự tính ban đầu
- Một vài nhà tài trợ đang tài trợ cho các hoạt động với mục tiêu chuẩn bị cho Việt Nam sớm gia nhập WTO

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)
- Cuộc họp của nhóm đối tác về Doanh nghiệp vừa và nhỏ được tổ chức vào ngày 7/11/2003 để bàn về tình trạng hiện thời của khu vực SME và để tiếp tục phát triển chương trình nghị sự của khu vực
- UNIDO đang tập hợp một bảng ma trận về hoạt động của các nhà tài trợ như một công cụ tương tác để tất cả các cơ quan tham gia vào khu vực SME có được một hệ thống thông tin đầy đủ và năng động
- Phát triển khu vực SME sẽ được coi là một cột trụ chính trong Chương trình Hỗ trợ quốc gia cho Việt nam của Nhật sắp được công bố.

Giáo dục
- Kế hoạch Hành động Giáo dục cho Mọi người 2003-2015 được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt (Tháng 7 2003)
- Chính phủ bắt đầu phát hành trái phiếu để huy động thêm vốn cho ngành giáo dục

HIV/AIDS

- Xây dựng Chiến lược Quốc gia đầu tiên về Phòng ngừa và Kiểm soát HIV/AIDS
- Thực hiện phương pháp mới về dự tính và dự báo HIV và AIDS

Khung 2.3: Những điểm nổi bật trong hoạt động của các Nhóm Đối tác trong sáu tháng qua

Y tế
- Xây dựng Qũy Chăm sóc Sức khỏe cho Người Nghèo
- Tiếp tục đầu tư vào cải thiện cơ sở hạ tầng y tế và tăng số lượng các cơ sở y tế xã và cung cấp các dịch vụ y tế tại các khu vực xa xôi hẻo lánh
- Xây dựng Đào tạo Vệ sinh có sự tham gia của cộng đồng
- Xây dựng khuôn khổ cải thiện sức khỏe của trẻ em và giáo viên trong trường học

Giảm thiểu tác hại của Thiên tai
- Đã hoàn tất tài liệu Khung và Kế hoạch Hành động cho Nhóm Quan hệ đối tác NDM đến năm 12/2005
- Nhóm Quan hệ Đối tác NDM đã hoàn thành nghiên cứu đánh giá năng lực thể chế về giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam
- Đã xây dựng website về Mối Quan hệ Đối tác NDM (http://www.undp.org.Việt Nam/ndm-partnership)

Chương trình hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp
- Đã chính thức khởi động lại việc Hài hòa hóa Khuôn khổ Thực hiện Dự án (HIF) cho Ngành Lâm nghiệp trong khuôn khổ FSSP
- Chuẩn bị Thiết lập Qũy tín thác cho ngành lâm nghiệp

Hỗ trợ các xã nghèo nhất
- Nhóm Đối tác về Hỗ trợ các xã nghèo nhất (PAC) bắt đầu bước sang giai đoạn thứ hai vào tháng 3/2003 sau khi phê chuẩn đề xuất về quan hệ đối tác của nhóm và đạt được thỏa thuận về chương trình làm việc cho năm 2003.
- Dưới sự lãnh đạo của Bộ Kế hoạc và Đầu tư, nhóm PAC mới bắt đầu thực hiện một chương trình tổng thể nhằm tiếp tục củng cố và phát huy kinh nghiệm đạt được và rút ra các bài học về hỗ trợ các xã nghèo từ các dự án và chương trình thực hiện tại các cộng đồng.

Nhóm Hỗ trợ Quốc tế - MARD
- Một Tài liệu Khung và một Kế hoạch Hành động Ban chỉ đạo ISG đã phê chuẩn một loạt các tài liệu tạo khuôn khổ cho hoạt động của ISG trong ba năm 2003-2005
- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Vụ Quản lý tài nguyên nước

Hỗ trợ Phát triển Chính thức Tp Hồ Chí Minh (HCMC ODAP)
- Tổ chức một hội thảo vào tháng 5 nhằm đánh giá hoạt động của các dự án ODA tại Tp Hồ Chí Minh
- AFD và EU đã chính thức được chấp nhận tham gia Quan hệ đối tác ODAP tại cuộc họp của Ban Chỉ đạo tháng 5/003
- Một cuộc khảo sát sơ bộ tại các Đơn vị quản lý dự án ODA được tiến hành tháng 9 sẽ giúp Nhóm ODAP xây dựng một khuôn khổ hiệu quả để chia sẻ thông tin trong tương lai

Khung 2.4: Những điểm nổi bật trong hoạt động của các Nhóm Đối tác trong sáu tháng qua

Giao thông

- Trong lĩnh vực giao thông nông thôn, một vài sự kiện và nghiên cứu đã được thực hiện nhằm tìm ra phương thức để đạt được những mục tiêu do chính phủ đề ra về Giao thông Cơ bản cho Mọi người
- Trong lĩnh vực giao thông quốc gia và liên tỉnh, các nhà tài trợ đã hỗ trợ nâng cấp đường quốc lộ, cầu và các dự án đường sắt
- WB, JICA và JBIC đã tham gia tích cực vào 2 dự án đô thị lớn tại Hà nội và TP Hồ Chính Minh cũng như các tuyến đường huyết mạch khác.

Diễn đàn Đô thị

- 15 đối tác ban đầu (tháng 10/2003) đã ký kết Một Bản Ghi nhớ (MOU) làm cơ sở cho các cam kết và hành động chung rộng lớn hơn. Dự kiến trong tháng tới, sẽ có thêm đối tác ký kết vào Bản Ghi nhớ này.
- Đang xác định và bắt đầu thử nghiệm một số biện pháp thúc đẩy và thực hiện CLTT&GN cấp thành phố
- Hiện đang thực hiện nhân rộng Chế độ một cửa (OSS) tại 35 tỉnh, bao gồm rất nhiều huyện thị

Nhu cầu Luật pháp

- Thực hiện việc chuyển giao một cách suôn sẻ từ dự án Đánh giá Nhu cầu Pháp luật vốn khá thành công sang việc xây dựng Chiến lược Xây dựng hệ thống Pháp luật
- Có nỗ lực lớn trong việc tăng cường chức năng giám sát của Quốc hội
- Chiến lược Xây dựng Hệ thống Pháp luật đến năm 2010 đã được trình cho Chính phủ phê chuẩn

Quản lý tài chính công

- Ký kết Dự án Cải cách Quản lý Tài chính Công 6 tháng 6 năm 2003
- Bộ Tài chính, Ngân hàng Thế giới và 7 nhà tài trợ song phương đã phê chuẩn Dự án Qũy Tương hỗ kéo dài nhiều năm nhằm mục đích hoàn thành và thực hiện Chương trình Hiện đại hóa Tài chính Toàn diện.

Quản lý Hành chính công

- Thủ Tướng đã phê chuẩn 6 trong tổng số 7 kế hoạch hành động của Chương trình PAR tổng thể
- 55 trong tổng số 61 tỉnh, thành phố và hầu hết các bộ và cơ quan trung ương đã xây dựng kế hoạch riêng về cải cách hành chính đến năm 2005

Định hướng của Mối quan hệ Đối tác - Tăng cường hiệu quả

3. Mặc dù triển vọng kinh tế thế giới không được vững chắc trong năm nay, Việt Nam dự tính GDP thực sẽ tăng ở mức 7% năm 2003, một trong những tỷ lệ cao nhất trên thế giới. Mức tăng trưởng này đạt được là nhờ Chính phủ, cộng đồng tài trợ và các cơ quan xã hội dân sự tiếp tục cam kết mạnh mẽ thực hiện chiến lược CLTT&GN và các chiến lược ngành. Trong 12 tháng qua, mối quan hệ đối tác đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc tăng cường tính hiệu quả của ODA và giảm chi phí giao dịch (Khung 4).

Các nhóm làm việcvề hài hòa hóa các thủ tục và nâng cao hiệu quả vốn tài trợ gồm EU, LMDG ("Nhóm Tài trợ có Đồng quan điểm") có 10 nhà tài trợ song phương, Sáng kiến của 5 Ngân hàng, UN đã tiếp tục mở rộng các hoạt động quan hệ đối tác với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ trong năm qua.

Khung 4: Các mốc chủ yếu trong lĩnh vực hài hóa hóa thủ tục trong 12 tháng qua

Liên Minh Châu Âu

- Tháng 3/2003 đại diện của 12 thành viên EU tại Hà nội đã hợp tác với Việt nam và Phái đoàn Ủy ban Châu Âu để thỏa thuận một Kế hoạch hành động về Hài hòa hóa và Phối hợp.
- Một lịch trình thực hiện Kế hoạch Hành động cần được soạn thảo, tuy nhiên đã có những tiến bộ nhất định và sự cộng tác chặt chẽ trong việc xác định dự án đang được tiến hành.

LMDG

- LMDG tài trợ cho một chuyên gia tư vấn làm việc với BKH&ĐT để soạn thảo Kế hoạch hành động Hài hòa hóa. Đây là dự án tiếp theo hội nghị tại Rome đầu năm nay
- LMDG tiếp tục hỗ trợ thực hiện một cơ chế nhằm củng cố hệ thống nòng cốt của chính phủ.

Năm Ngân hàng

- Sau khi đi vào hoạt động, sáng kiến 5 Ngân hàng đã bắt đầu làm việc về các vấn đề hài hòa hóa thủ tục trong mua sắm, quản lý tài chính, các chính sách an toàn về môi trường và xã hội và quản lý danh mục đầu tư. Báo cáo chi tiết về các kết quả đạt được đã được đưa ra Hội nghị Vùng về Hài hòa hóa ngày 24-25/1/2003, kết quả của hội nghị này được báo cáo tại Diễn đàn Cấp cao Rome vào thang 2/2003.
- Chính phủ và 5 ngân hàng (AFD và KfW gia nhập sáng kiến này vào tháng 3/2003) đã hoàn thành Báo cáo chung về Tình hình danh mục (JPP3) vào ngày 29/5 nhằm thảo luận về một chương trình hành động để giải quyết những khó khăn cơ bản trong thực hiện vốn ODA.
- Nỗ lực hài hòa hóa của 5 ngân hàng đã đạt được những tiến bộ đặc biệt trong 3 lĩnh vực sau: (i) tài liệu đấu thầu tiêu chuẩn cho đấu thầu ở địa phương; (ii) báo cáo tiến bộ chung được coi như một phần của chương trình hành động cho JPP3; và (iii) phân tích về hài hòa hóa trong quá trình chuẩn bị dự án mới được đưa vào trong chương trình làm việc của nhóm sáng kiến vào tháng 6/2003.

Liên Hiệp quốc

- Các hướng dẫn mới nhằm nâng cao việc phối hợp lên kế hoạch chiến lược và sẽ có hiệu lực kể từ vòng CCA/UNDAF sắp tới 2005-2010
- Giới thiệu một khuôn khổ chung cho quá trình liên kế hoạch, ngân sách và báo báo kết quả công việc hàng năm kể từ cuối năm 2003
- Tại Hội nghị toàn cầu UNDG S&H tại Nairobi vào tháng 9, UN Việt nam đã đồng ý Nam đã nhất trí thực hiện thí điểm thành phần Quản lý Kiến thức. Điều này bao gồm việc giới thiệu và phát triển cơ sở dữ liệu chung (Devinfo) nhằm chứa đựng các dữ liệu cơ sở cho việc đánh giá, phân tích và báo cáo việc thực hiện MTPTTNK/CLTTGN
- Tiến bộ trong việc áp dụng dịch vụ chung cùng với việc thành lập Trung tâm dịch vụ UN và một bước tiến trong việc mua sắm chung
- Chương trình phối hợp cho thanh niên đầu tiên của UN được bắt đầu thực hiện

Thách thức về Lãnh đạo

Viện trợ hiện đang ở mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ, một trong những thách thức lớn nhất cho cả những nhà tài trợ và những người nhận tài trợ là làm thế nào để thiết lập một sự cân bằng mới giữa các nước đang phát triển và phát triển về vấn đề viện trợ và thương mại và cần phải tiếp tục cam kết xóa đói giảm nghèo trên thế giới (Khung 3).

Khung 3: Một sự cân bằng mới trên toàn cầu: Thách thức về lãnh đạo
Nguồn: Trích Bài phát biểu của Tổng Giám đốc Ngân hàng thế giới James Wolfensohn trong hội nghị thường niên WB/IMF

Tỷ lệ tài trợ hiện đang ở mức thấp nhất từ trước đến nay. Mức viện trợ đã giảm từ 0.5% GDO đầu những năm 60 xuống khoảng 0.22% hiện nay. Thực tế này diễn ra trong lúc thu nhập ở các nước phát triển đạt mức cao chưa từng có.

Trong bối cảnh đó, Ngân hàng đã xem xét cách thức thúc đẩy tiến bộ thực hiện Mục tiêu Thiên nhiên kỷ thông qua việc xây dựng chính sách tốt hơn, sử dụng viện trợ hiệu quả hơn và mức viện trợ cao hơn. Dựa trên kế hoạch hiện nay, kết quả phân tích của chúng tôi cho thấy:

- Thứ nhất, việc trợ đang được sử dụng hiệu quả hơn trước nhờ những cải thiện ở nhiều nước đang phát triển và việc phân bổ viện trợ phát triển hiệu quả hơn.
- Thứ hai, kết quả phân tích của chúng tôi cho thấy các nước đang phát triển có thể dễ dàng hấp thụ gấp đôi mức tài trợ bổ xung 16 tỷ USD một năm cam kết tại Monterrey cho năm 2006.

Đây còn là mức dự tính khiêm tốn. Mức tài trợ 50 tỷ USD bổ xung một năm mà Bộ trưởng Tài chính Anh Brown đề suất có thể được đưa vào sử dụng một cách có hiệu quả rất nhanh.

Triển vọng tài trợ như vậy khuyến khích các nước đang phát triển thực hiện các cải cách nhanh chóng hơn. Các nhà lãnh đạo sẽ dễ có các hành động hơn nếu như họ biết rằng họ sẽ có nguồn lực ổn định trong thời gian tới. Ngược lại, các nhà lãnh đạo sẽ không có hành động gì nếu như nguồn tài chính và lợi ích của cải cách không được bảo đảm.

Hành động về thương mại cũng quan trọng tương ứng. Giao giảng về lợi ích của thương mại tự do trong khi vẫn duy trì mức trợ cấp và hàng rào cao nhất đối với chính những hàng hóa mà các nước nghèo có lợi thế so sánh cao nhất là điều không nhất quán. Các nước đang phát triển cũng cần tự giúp đỡ chính mình trong vấn đề này vì họ phải trả thuế rất cao trong quan hệ thương mại Nam-Nam.

Sự cân bằng trong thế giới chúng ta sẽ không được bảo đảm nếu không có những nỗ lực nghiêm túc nhằm tăng cường sự hiểu biết của nhân dân về tầm quan trọng của đói nghèo và bất bình đẳng. Thế hệ của tôi khi trưởng thành đã nghĩ rằng có hai thế giới của những người nghèo và người giàu và hai thế giới này khá cách biệt nhau. Tuy nhiên, nhận định đó là sai khi đó và thậm chí bây giờ còn sai hơn.

Bức tường mà nhiều người tưởng tượng làm ngăn cách các nước giàu và nước nghèo đã đổ xuống cách đây 2 năm vào ngày 11/9.

Chúng ta gắn bó với nhau trên rất nhiều khía cạnh: không chỉ thông qua thương mại và tài chính mà còn thông qua tình trạng di cư, môi trường, bệnh tật, ma túy, tội ác, xung đột và cả khủng bố nữa. Chúng ta, cả những người giàu và người nghèo, gắn bó với nhau bởi một mong muốn chung là để lại một cuộc sống tốt đẹp hơn cho con cháu chúng ta. Chúng ta còn cùng nhận thức rằng nếu như chúng ta thất bại trên phần đất ta đang sống thì phần còn lại của trái đất sẽ trở nên dễ bị tổn thương. Đó là ý nghĩa thực sự của toàn cầu hóa.

Chúng ta biết rằng các cuộc bầu cử thắng và thua phụ thuộc vào các vấn đề trong nước. Những chính là vấn đề toàn cầu và đặc biệt là vấn đề đói nghèo sẽ giúp định dạng thế giới mà con cháu chúng ta sống. Các nhà lãnh đạo phải cùng nhau ủng hộ vấn đề phát triển. Đây là một vấn đề vừa mang tính trong nước vừa mang tính quốc tế.

5. Cách tiếp cận của Mối quan hệ Đối tác, được vận hành thông qua Chiến lược CLTT&GN và "Lộ trình Quan hệ Đối tác" đóng vai trò hết sức quan trọng đối với thành công của quá trình phát triển tại Việt Nam. Các nhóm quan hệ đối tác tham gia ngày càng sâu rộng vào các chiến lược phát triển của đất nước và đã đạt được tiến bộ đáng kể trong năm qua. Một số nhóm đã có những bước đi quan trọng trong lộ trình quan hệ đối tác gồm sáu giai đoạn trong năm qua (Bảng 1) và một số nhóm đang sử dụng phương thức mới trong hoạt động của mình.

Một số nhóm đã được tái khởi động với sự tham gia mạnh mẽ của Chính phủ và các nhà tài trợ như Nhóm Hỗ trợ quốc tế về Môi trường; trong khi các Nhóm khác đang trải qua một quá trình củng cố và điều chỉnh cho phù hợp với sự thay đổi của bộ máy chính phủ và khuôn khổ luật pháp. Một trong những nguyên nhân của những diễn biến mới này là mức độ sở hữu ngày càng tăng của chính phủ trong quan hệ đối tác. Chính phủ đóng vai trò chủ trì nhiều Nhóm Quan hệ đối tác và còn hỗ trợ và quản lý hoàn toàn một số Nhóm khác (Ví dụ, Nhóm Quan hệ Đối tác Viện trợ Phát triển Chính thức Tp Hồ chí Minh ODAP) thông qua bộ máy chính quyền.

Biểu 1: Lộ trình Quan hệ Đối tác

Nguồn: Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (2001)

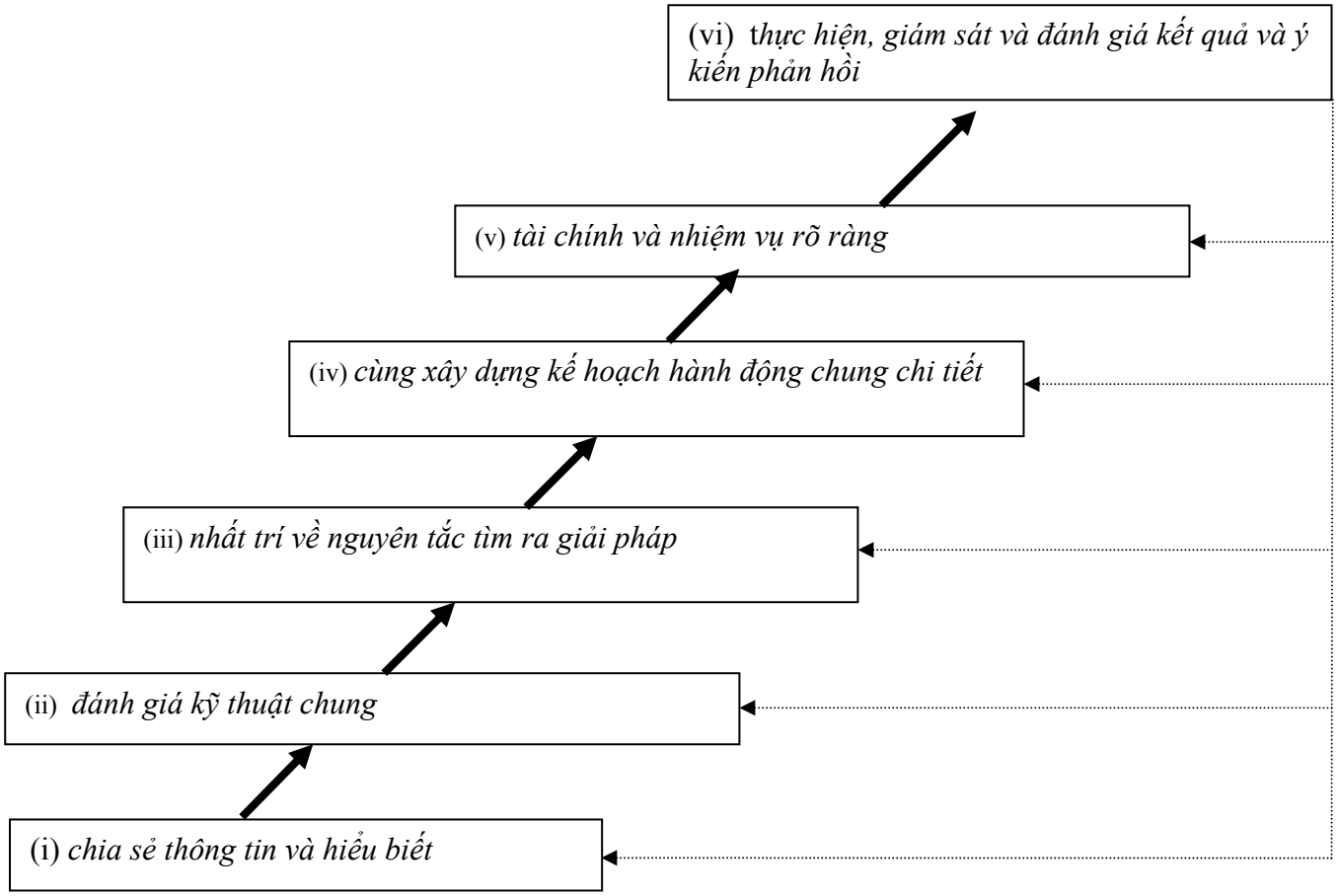

6. Lộ trình từ giai đoạn ‘chia sẻ thông tin và hiểu biết’ tới giai đoạn ‘thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả và ý kiến phản hồi’ không nhất thiết phản ánh hoặc làm minh chứng về tầm quan trọng và tính hiệu quả của họ. Một số nhóm coi cấu trúc chính thức (ví dụ: Nhóm hỗ trợ quốc tế - ISG) là hữu ích và hiệu quả trong việc tăng cường hiểu biết, tính minh bạch và điều phối giữa các cơ quan Chính phủ và các nhà tài trợ quốc tế. Những nhóm khác thấy phương thức chia sẻ thông tin là một cơ chế hiệu quả cho các thành viên của mình. Rõ ràng là không có một công thức chung phù hợp cho tất cả các nhóm. Điều quan trọng là các thành viên của nhóm quyết định mô hình nào là tốt nhất đối với họ để đạt được mục tiêu mong muốn. Thành công của một nhóm công tác cũng phụ thuộc vào mức độ linh hoạt trong cơ cấu và hình thức hoạt động phù hợp với sự thay đổi của môi trường.

7. Chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhóm và rút ra các bài học để tăng cường tính hiệu quả của quan hệ đối tác là điều hết sức quan trọng. Các điểm sau đây được đề cập đến trong các báo cáo và góp ý của các nhóm:

- Việc chia sẻ thường xuyên các thông tin liên quan đến chiến lược, kế hoạch hành động, chính sách, ưu tiên đối với các ngành và CLTT&GN là cần thiết để đạt được tính hiệu quả của một nhóm công tác.

- Tính linh hoạt và mức độ cam kết: mặc dù một cơ cấu làm việc linh hoạt là quan trọng nhưng sự tham gia tích cực và có tính chất xây dựng của các thành viên là điều tối quan trọng.

- Cần chú trọng đặc biệt đến việc chia sẻ kinh nghiệm và các bài học

- Cần củng cố kỹ năng về các hoạt động truyền thông cấp bộ, cần tăng cường sự phối hợp các nhà tài trợ và giữa các bộ

- Mở rộng quyền sở hữu, bao gồm sự sở hữu mạnh mẽ của chính phủ mang lại thành công và kết quả thực chất

- Cần đánh giá các hoạt động của mối quan hệ đối tác hoặc có nghiên cứu các về các điển hình tốt nhất. Điều này sẽ có lợi cho tất cả các nhóm.

- Hoạt động đối tác có thể dẫn đến tăng chi phí giao dịch nếu không có sự cam kết mạnh mẽ từ các thành viên của nhóm và thiếu sự sở hữu của chính phủ.

8. Bên cạnh những tiến bộ đã đạt được, thách thức vẫn còn tồn tại trong hầu hết các lĩnh vực. Đó là các khe hở, sự chồng chéo và chi phí giao dịch cao. Chi phí giao dịch được thừa nhận là quá cao ở Việt Nam, và điều này đặt ra một gánh nặng rất lớn đối với Chính phủ. Tình trạng này cũng có nghĩa là còn nhiều lĩnh vực có thể cùng hợp tác với nhau hiệu quả hơn. Hợp tác trên tinh thần quan hệ đối tác thực sự, dù thông qua cơ cấu chính thức hay không chính thức, là điều kiện tiên quyết để vượt qua những thách thức đồng thời nâng cao hiệu quả viện trợ.

9. Kinh nghiệm của Việt Nam chỉ rõ lợi ích đạt được khi các nhà tài trợ và các TCPCP làm việc trong quan hệ đối tác với chính phủ để hỗ trợ tất cả các giai đoạn của quá

trình phát triển. Đất nước đã bước vào một giai đoạn mới trong việc thực hiện CLTT&GN. Đây là thời điểm cần xác định rõ các mục tiêu phát triển và hoạch định các chính sách phù hợp để đạt được những mục tiêu này (Khung 5). Việc đảm bảo một mối quan hệ đối tác mạnh mẽ giữa tất cả các bên liên quan đang trở nên ngày càng quan trọng hơn.

Khung 5: Gắn kết Nguồn lực với Chính sách
Nguồn: Báo cáo Phát triển Việt Nam 2004

CLTT&GN không chỉ là một danh mục chi tiết những biện pháp chính sách, mà nó còn là một quá trình nêu ra những mục tiêu phát triển rõ ràng, dựa trên các bằng chứng và tham vấn để xác định những chính sách phù hợp nhất nhằm đạt được những mục tiêu đó, và những nguồn lực dành cho thực hiện những chính sách đã lựa chọn. Mục tiêu dài hạn của chương trình cải cách là nhằm đưa CLTT&GN vào quá trình lập kế hoạch ở mọi cấp, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo.

Để đạt mục tiêu này, cần có những biện pháp lập kế hoạch ngân sách hiện đại ở những cơ quan chủ chốt của chính phủ như Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT, các bộ ngành chính, bao gồm giáo dục, y tế, giao thông, và phát triển nông thôn. Trên thực tế, vị trí của Bộ Tài chính có thể củng cố, như là một cơ quan đầu mối trong soạn thảo ngân sách, thông qua việc xây dựng những cơ chế đối tác tốt hơn với Bộ KH&ĐT, các bộ chủ quản, và các tỉnh. Khuôn khổ chi tiêu trung hạn phải trở thành một phần trong mỗi chu kỳ ngân sách, bao gồm phân loại chỉ tiêu theo chức năng kinh tế và dự toán tổng chi của bộ hoặc tỉnh. Việc lập ra khuôn khổ chi tiêu trung hạn ở cấp ngành sẽ là một biện pháp nhằm lập kế hoạch trước cho chi tiêu và quản lý chính sách ở các bộ và các tỉnh.

Một thước đo về sự thành công sẽ là sự kết hợp giữa chi đầu tư và chi thường xuyên, dẫn đến những kế hoạch chi tiêu chi tiết, thống nhất với khuôn khổ dự toán ngân sách cho tương lai, với một số các mục tiêu định hướng hoạt động phù hợp với CLTT&GN. Cũng cần cải thiện một bước tính trách nhiệm tài chính trong khu vực nhà nước. Trong đó cần bao gồm tăng cường tính minh bạch trong quá trình lập ngân sách và những khoản ngoài ngân sách, cải thiện lịch trình thực hiện, độ tin cậy, tính nhất quán, và công khai các thông tin ngân sách, vai trò độc lập hơn và hiệu quả cao của Kiểm toán Nhà nước Việt Nam, và công khai các báo cáo kiểm toán.

Việc "mở rộng" CLTT&GN vào cuối 2003, với một chương mới về cơ sở hạ tầng quy mô lớn, là một bước tiến đáng khích lệ. Nó mở ra triển vọng để đánh giá lại những ưu tiên đầu tư công cộng xét từ giác độ tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo. Mặc dù chiếm tới gần 1/5 GDP của Việt Nam, nhưng CTĐTC về cơ bản mới chỉ là tập hợp những dự án do các bộ chủ quan, các tỉnh và các tổng công ty trình lên. Những tiêu chí dùng để lựa chọn dự án, và việc gắn chi cho đầu tư với chi thường xuyên còn rất yếu kém. Chương mới trong CLTT&GN xem xét lại CTDTC, và vị trí của nó trong toàn bộ quá trình lập kế hoạch và ngân sách.

Các báo cáo theo chủ đề

10. Việc tư liệu hóa về hoạt động của các nhóm quan hệ đối tác trong suốt năm 2003 và đặt ra chặng đường phía trước đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ. Chính vì thế, các bên đã nhất trí rằng các Nhóm quan hệ đối tác nên đưa ra các báo cáo ngắn theo từng chủ đề trên cơ sở trả lời các 'câu hỏi chính' được quy định chi tiết trong Khung 1. Những báo cáo ngắn này là nội dung chính của báo cáo quan hệ đối tác.

Thông tin thêm và tài liệu tham khảo

Những thông tin thêm về các mối quan hệ đối tác ở Việt Nam có thể được tham khảo tại: www.un.org.vn , www.undp.org.vn , www.vdic.org.vn, www.worldbank.org.vn

Những tài liệu sau đây cung cấp các thông tin chi tiết về phương pháp hợp tác thông qua quan hệ đối tác và CLTT&GN ở Việt Nam

Hội nghị Nhóm Tài trợ cho Việt Nam (tháng 12/2001). *Đưa quan hệ Đối tác vào hoạt động tại Việt nam*- Báo cáo không chính thức cho Hội nghị Nhóm Tài trợ, Hà Nội

Hội nghị Nhóm Tài trợ cho Việt Nam (tháng 6/2002), *Đưa quan hệ Đối tác vào hoạt động tại Việt nam*: Tài liệu cập nhật. Báo cáo Không chính thức cho Hội nghị Nhóm tài trợ giữa kỳ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (SRV) (2002) *Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo Toàn diện*, Hà Nội

Ngân hàng Thế giới với Ngân hàng Phát triển Châu á (2002). *Việt Nam: Thực hiện lời hứa.* Báo cáo Phát triển Việt Nam 2003, Hà Nội

Wolfensohn, James D. (2003), *Một cân bằng toàn cầu mới: Thách thức về lãnh đạo*, 25/12/2003, Dubai

Ngân hàng Thế giới với Ngân hàng Phát triển Châu á (2003). *Nghèo*. Báo cáo Phát triển Việt Nam 2004, Hà Nội

NHÓM CÔNG TÁC CHỐNG NGHÈO ĐÓI/ TỔ ĐẶC NHIỆM CHỐNG NGHÈO ĐÓI

Giới thiệu

1. Báo cáo này ghi nhận lại những kết quả chính của nhóm đối tác trong vòng 12 tháng qua, những thay đổi đã kể đã diễn ra trong quan hệ đối tác, và vai trò trong tương lai của Nhóm công tác chống nghèo đói/Tổ Đặc nhiệm chống nghèo đói (NCT/TĐN) (trong 12 tháng tới). Việc này được xem trong bối cảnh hỗ trợ chính phủ đưa CLTT&GN xuống cấp địa phương và theo dõi đánh giá tiến bộ trong việc đạt được các Mục tiêu phát triển của Việt Nam (VDG). Báo cáo cũng nhấn mạnh những tiêu chí thành công hoặc mốc đánh dấu mà nhóm đối tác sẽ theo dõi xem mình có đạt được những mục tiêu phát triển hay không.

Các kết quả chính và những thay đổi lớn

2. *Các cơ chế tổ chức để thực hiện CLTT&GN.* Sau khi thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện CLTT&GN và PRSC/PRGF theo Nghị định 825/QD-TTg, một Ban Thư ký đã được thành lập, gồm đại diện cao cấp của những bộ ngành hữu quan, nhằm hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo. Một Đơn vị Giảm Nghèo cũng được thành lập trong Bộ KH&ĐT để hỗ trợ cho Ban Thư ký. Điều này đã dẫn đến sự thay đổi lớn trong thành phần NCT/TĐN, vì thành viên của Tổ công tác liên ngành về CLTT&GN sẽ là những thành viên chính của NCT/TĐN.

3. *Thực hiện CLTT&GN:* Tổ Đặc nhiệm (TĐN) và Nhóm công tác Nghèo đói (NCT) đã họp vào tháng 3-2003 để thảo luận về cách thức cùng làm việc để giúp chính phủ đưa CLTT&GN xuống cấp địa phương. Các hoạt động chi tiết trong nhiệm vụ này đã được thảo luận trong cuộc họp của TĐN vào 9-6, nhóm chính bao gồm ADB, DFID, GTZ, UNDP, SCUK và Ngân hàng Thế giới. Nội dung cuộc họp gồm: i) tổ chức các hội thảo vùng để thảo luận biện pháp CLTT&GN và những hệ quả của nó đối với quá trình lập kế hoạch của ngành và địa phương; ii) Thực hiện các đánh giá nghèo cấp vùng, tập trung vào những khía cạnh cụ thể của nghèo đói ở từng vùng; iii) Hỗ trợ một số tỉnh trong một chương trình thí điểm kết hợp quá trình CLTT&GN vào trong lập kế hoạch ở địa phương. Mục tiêu cuối cùng là giúp những tỉnh này xây dựng được những kế hoạch phát triển kinh tế xã hội vì người nghèo, với những mục tiêu và chính sách dựa vào phân tích tình hình, nhất là đánh giá nghèo, và trong đó phân bổ ngân sách và quản lý sẽ được định hướng nhằm đạt các mục tiêu và chính sách ưu tiên. Nhằm đạt được mục tiêu này, cần có sự phối hợp hữu hiệu và chặt chẽ giữa các ngành, trung ương và địa phương, nếu không CLTT&GN sẽ không thể đạt được tiềm năng của nó. Điều này cũng đòi hỏi từng nhà tài trợ, tổ chức phi chính phủ và chính phủ cùng làm việc trong một cơ chế đối tác sâu rộng và bền vững hơn nữa, và chuẩn bị cơ sở, vì các chương trình đang được điều chỉnh để được hướng theo những kế hoạch phát triển kinh tế xã hội vì người nghèo. Các cuộc họp với NCT sau cuộc họp TĐN cũng được duy trì nhằm thông tin cho các thành viên biết về tiến độ. Đồng thời, cũng có một vài cuộc họp chuyên môn của TĐN và của nhóm chuyên đề trong TĐN về đánh giá nghèo cấp vùng, PPA, và báo cáo phát triển Việt Nam.

4. *Các hội thảo vùng về CLTT&GN nhằm đưa CLTT&GN vò quá trình lập kế hoạch ở địa phương:* Hội thảo thí điểm được tổ chức ở Trà Vinh, với sự hỗ trợ của UNDP nhằm rút kinh nghiệm về cách tốt nhất để tổ chức các hội thảo CLTT&GN cấp vùng vào nửa cuối tháng 4. Từ tháng 5 đến tháng 7-2003, 5 hội thảo cấp vùng đã được chính phủ cùng

với TĐN tổ chức tại Vĩnh Phúc, Nghệ An, Nha Trang, TP Hồ Chí Minh, và Cần Thơ để bàn về CLTT&GN và hệ quả của nó đối với quá trình lập kế hoạch của ngành và địa phương. Trên 750 đại biểu cấp giám đốc sở đã dự 5 hội thảo này. Tại mội cuộc hội thảo, 8 báo cáo đã được đại diện của phía chính phủ, từ những cơ quan chủ chốt liên quan đến thực hiện CLTT&GN như Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê, Hội Phụ nữ chuẩn bị và trình bày. Các chủ đề được trình bày bao gồm những hoạt động có thể thực hiện ở những giai đoạn khác nhau trong soạn thảo CLTT&GN. Đó là đánh giá nghèo, đặt mục tiêu và chính sách, gắn việc phân bổ nguồn lực và quản lý ngân sách với việc đạt các mục tiêu và chính sách đã đề ra, theo dõi và đánh giá tiến bộ trong thực hiện CLTT&GN, và đưa vấn đề giới vào trong thực hiện CLTT&GN. Ngoài ra, một báo cáo giới thiệu về CLTT&GN, một nghiên cứu về tác động của cơ sở hạ tầng quy mô lớn lên tăng trưởng và giảm nghèo, các hướng dẫn cho quá trình lập kế hoạch cũng được trình bày. Các hội thảo là một dịp tốt cho các nhà lãnh đạo địa phương để trao đổi một cách có hệ thống và nghiêm túc không chỉ về việc đưa ra tầm nhìn và xác định mục tiêu cho các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dựa vào phân tích xác thực, mà còn về cách theo dõi đánh giá tiến bộ trong việc đạt mục tiêu.

5. *Báo cáo phát triển Việt Nam 2004:* Báo cáo đã được soạn thảo với sự tham gia của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Phát triển Quốc tế Australia (AusAID), Cơ quan Phát triển Quốc tế Anh (DFID), Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ), Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật bản (JICA), Quỹ Cứu trợ Nhi đồng Anh (SCUK), Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP), và Ngân hàng Thế giới. Các nhà tài trợ này đã đóng góp cả nhân lực và tài chính, đặc biệt là thực hiện các đánh giá nghèo có sự tham gia ở tất cả 7 vùng khắp cả nước vào giữa năm 2003. Các nhà tài trợ còn đưa ra hướng dẫn cho những nỗ lực chung thông qua Ban Chỉ đạo gồm ADB, DFID, GTZ, JBIC, SCUK, UNDP, và Ngân hàng Thế giới. Việc soạn thảo báo cáo có sự tham gia và lấy ý kiến rộng rãi của các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách của Việt Nam. Các ý đóng góp và nhận xét của họ được tập hợp thông qua một Ban Biên soạn gồm đại diện của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Bộ KH&ĐT, Tổng cục Thống kê, Bộ LĐTBXH, và Trung tâm Dịch vụ Phát triển Nông thôn.

6. *Đánh giá nghèo cấp vùng:* Một báo cáo vắn tắt đã được soạn thảo nhằm đặt khuôn khổ chung để thực hiện các đánh giá nghèo cấp vùng. Cuộc họp tháng 6 của TĐN đã bàn đến việc phân công lao động và phối hợp giữa các nhà tài trợ nhằm hỗ trợ chính phủ thực hiện các đánh giá nghèo cấp vùgn. Tám nhà tài trợ, bao gồm ADB, AusAID, DFID, GTZ, JICA, SCUK, UNDP và Ngân hàng Thế giới đã nhất trí đóng góp tài chính và nhân lực hỗ trợ cho các PPA để làm cơ sở cho đánh giá nghèo ở cả nước và những đánh giá nghèo cấp vùng. Mỗi nhà tài trợ lại chủ trì tại một trong những vùng của Việt Nam. Việc phân phối các vùng giữa các nhà tài trợ là dựa trên hoạt động của họ tại địa bàn. Bằng cách lựa chọn các vùng mà mình đã quen thuộc, thông qua các dự án và hỗ trợ kỹ thuật, các nhà tài trợ có thể tận dụng được những kinh nghiệm tích lũy được trong khi làm việc tại đó. Các đánh giá nghèo cấp vùng cũng sẽ được xuất bản và phổ biến rộng rãi vào đầu năm tới.

7. Vào giữa năm 2003, một loạt các đánh giá nghèo có sự tham gia của người dân (PPA) đã được thực hiện ở 43 xã thuộc 12 địa bàn trong cả nước. Các nhóm nghiên cứu PPA gồm 2 tổ chức phi chính phủ quốc tế (Action Aid và SCUK), và các tổ chức phi chính phủ cùng các viện nghiên cứu trong nước, bao gồm Trung tâm tiến bộ Nông thôn, Viện Xã hội học, Giải pháp Việt Nam. Ngoài ra, hai nhà tài trợ còn thực hiện nghiên cứu bằng cách thành lập những nhóm nghiên cứu trong nước dưới sự quản lý trực tiếp của

mình. Kiến thức và chuyên môn về địa phương của những tổ chức phi chính phủ và viện nghiên cứu này là yếu tố chính đảm bảo chất lượng của công việc. Một cơ chế điều phối đã được thiết lập cho PPA. Thành viên của hầu hết các nhóm nghiên cứu đều tham gia xây dựng khung nghiên cứu và đi đến sự hiểu biết chung xem cần phải đạt được những gì từ những nghiên cứu tại địa bàn. Các nghiên cứu này đã được một số nhóm thực hiện thí điểm, đề cương nghiên cứu đã được sửa đổi đến phản ánh những bài học rút ra. Các báo cáo đánh giá nghèo cấp vùng sẽ được dùng làm tư liệu để soạn thảo Báo cáo Tiến bộ thực hiện CLTT&GNA của chính phủ và Báo cáo Phát triển Việt Nam 2004.

8. Trong năm 2003 Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc cũng đã tiến hành dự án quan trọng Phân tích tình hình nghèo đói tại Đồng bằng Sông Cửu long. Dự án này có sự tham gia của 12 tỉnh trong khu vực nhằm xem xét những vấn đề chủ chốt liên quan tới tình trạng nghèo tại Đồng bằng Sông Cửu long bao gồm: không có đất, vốn con người, thị trường ở vùng nông thôn và tình hình của người dân tộc thiểu số Khme. Bản báo cáo cuối cùng sẽ được ra mắt vào đầu năm 2004.

9. *Bổ sung thêm một chương về cơ sở hạ tầng quy mô lớn vào CLTT&GN:* Chính phủ sẽ bổ sung thêm một chương về cơ sở hạ tầng vào CLTT&GN. Một số nhà tài trợ như DFID, Nhật Bản, KfW, ADB, WB đã bày tỏ quan tâm trợ giúp xây dựng chương này. Một hội thảo đã được tổ chức vào tháng 9-2003 nhằm thảo luận về những phát hiện từ những nghiên cứu hiện tại về tác động của cơ sở hạ tầng quy mô lớn lên tăng trưởng và giảm nghèo, nhằm cung cấp tư liệu cho nhóm soạn thảo chương về cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Dự thảo chương này sẽ được đem ra thảo luận tại Hội nghị tài trợ tháng 12-2003.

10. *Theo dõi và đánh giá CLTT&GN:* Đã có một vài nỗ lực nhằm tăng cường theo dõi đánh giá CLTT&GN. Nhằm thực hiện một phần trong nỗ lực lập ra hệ thống theo dõi đánh giá giảm nghèo, một số nhà tài trợ, bao gồm UNDP, Thụy Điển và Ngân hàng Thế giới đã giúp Tổng cục Thống kê xúc tiến một chính sách phổ biến số liệu tốt hơn, thực hiện Điều tra Mức sống Dân cư Việt Nam (ĐTMSDCVN) vào năm 2002 và cải thiện năng lực phân tích chính sách. ĐTMSDCVN 2002 đã hoàn thành và số liệu đã được nhập và làm sạch. Số liệu mới về hộ, cùng với các nguồn số liệu khác, đã được dùng để cập nhật dạng thức nghèo ở Việt Nam. Trong nhiều tác dụng thì nó còn giúp theo dõi đánh giá tiến bộ đạt các mục tiêu phát triển của Việt Nam. Với sự hỗ trợ của UNDP, việc hệ thống hoá và đánh giá các nguồn, các phương pháp, và chất lượng số liệu cần dùng cho theo dõi đánh giá CLTT&GN, VDG đã được thực hiện. Hiện những số liệu có được đã được tập hợp thành một cơ sở dữ liệu và sẽ được phổ biến rộng rãi vào cuối năm nay.

11. *Báo cáo tiến bộ thực hiện CLTT&GN:* Một báo cáo tiến bộ hàng năm sẽ được chính phủ soạn thảo. Dự thảo đề cương báo cáo đã được tham khảo ý kiến tổ công tác CLTT&GN, TĐN, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ khác nhau. Một hội thảo lấy ý kiến đóng góp sẽ được tổ chức vào đầu tháng 11 nhằm thu thập các đầu vào từ các bên hữu quan khác nhau. Dự kiến sẽ hoàn tất trình chính phủ phê duyệt vào giữa tháng 11 và sẽ được đem ra thảo luận tại Hội nghị Tài trợ 2002.

Các hoạt động của NCT/TĐN

Hoạt động trong kế hoạch	Thời gian	Đối tác chính
1. Hỗ trợ chính phủ đưa CLTT&GN xuống địa phương		
Thí điểm CLTT&GN ở một số tỉnh	2003-2010	WB, DFID, Danida, AusAid, GTZ, UNDP (tạiTrà Vinh)
Xây dựng khuôn khổ chi tiêu trung hạn ở một số tỉnh, gồm có Long An, Bình Dương, Hà Nội và Hà Tây	2003-2008	WB, DFID
Xây dựng khuôn khổ chi tiêu trung hạn cho một số ngành, bao gồm giáo dục, y tế, nông thôn và giao thông vận tải	2003-2008	WB, DFID
2. Tăng cường theo dõi đánh giá CLTT&GNA và Báo cáo tiến bộ thực hiện CLTT&GN hàng năm		
		UNDP, WB, DFID
3. Tiếp tục hỗ trợ TCTK trong phân tích ĐTMSDCVN 2002, xây dựng chiến lược điều tra doanh nghiệp, và chuẩn bị cho ĐTMSDCVN 2004		
Dự thảo chiến lược điều tra doanh nghiệp	2003-2004	WB, DFID, UNDP
Phân tích ĐTMSDCVN	2003	WB, DFID, UNDP

QUAN HỆ ĐỐI TÁC HÀNH ĐỘNG VỀ VẤN ĐỀ GIỚI (GAP)

- **Chức năng của GAP**

Cuối năm 2002, 'Nhóm họp buổi trưa của các nhà Tài trợ về Giới" đã được cơ cấu lại và đổi thành **Nhóm quan hệ Đối tác Hành động về Giới** (GAP). Sự cơ cấu lại như vậy phản ánh môi trường hoạt động thay đổi ở Việt Nam, theo đó các đối tác phát triển đã hợp tác với nhau để cùng hỗ trợ Việt Nam phát triển và xoá đói giảm nghèo.

- ***Mục đích*** **:** Bình đẳng giới đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo và phát triển bền vững. Mục đích của Nhóm GAP là tập trung các hoạt động vào việc tăng cường sự ủng hộ nhằm tác động đết kết quả bình đẳng giới thông qua đối thoại, đánh giá chính sách và thực hiện các hoạt động cụ thể về vấn đề giới giữa các đối tác và chính phủ cũng như trong bộ máy chính phủ. Một khía cạnh quan trọng của nhóm này là nhóm thiên về hành động, đặc biệt là nhằm giải quyết các vấn đề hiện tại và phù hợp với bối cảnh hiện nay.

- ***Thành viên:*** Nhóm GAP là một nhóm quan hệ đối tác có thành phần rộng rãi, bao gồm đại diện của các cơ quan chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức quốc tế song phương và đa phương có vai trò trong quá trình phát triển của Việt Nam.

- ***Điều phối:*** Một nhóm khoảng 10 đại diện của các cơ quan phát triển chủ chốt (chính phủ, phi chính phủ, tổ chức phi chính phủ quốc tế, các nhà tài trợ song phương và đa phương) thường xuyên điều phối các hoạt động của Nhóm GAP

- ***Hỗ trợ thư ký:*** là cơ quan của chính phủ có trách nhiệm tư vấn cho chính phủ về vấn đề bình đẳng giới thông qua việc lập kế hoạch và hoạch định chính sách quốc gia, Uỷ ban Quốc gia về Sự Tiến bộ của Phụ nữ (NCFAW) phụ trách quản lý cơ sở dữ liệu của Nhóm GAP và phân phát chương trình nghị sự và các biên bản của cuộc họp

- ***Các cuộc họp:*** Có bốn cuộc họp Nhóm GAP năm 2003. Mỗi một cuộc họp do một tổ chức khác nhau tổ chức và chủ trì

- ***Nhóm công tác:*** Định hướng hoạt động của Nhóm GAP dựa trên một chương trình hoạt động mang tính chiến lược và hỗ trợ với sự giúp đỡ của các nhóm công tác mục tiêu và tập trung vào các vấn đề lớn cụ thể như Cải cách Tài chính công và Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo toàn diện (CLTT&GN).

2. Tiến độ hoạt động của Nhóm GAP năm 2003

2.1. Hỗ trợ việc thực hiện CLTT&GN:

Các hoạt động năm 2003 tập trungvào việc nâng cao hơn nữa nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề giới trong CLTT&GN. Kinh nghiệm cho thấy nếu các Chiến lược Giảm nghèo không giải quyết bổ sung khía cạnh giới của đói nghèo trong toàn bộ chiến lược, thì chắc chắn rằng tác động của chiến lược đó đối với giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế sẽ bị hạn chế, không công bằng và không thành công lắm (so với kết quả mà khi

vấn đề giới được giải quyết). Tăng trưởng sẽ có tác động nhanh hơn nhiều đối với giảm nghèo một khi sự bất bình đẳng giảm đi. Có nghĩa là "c*ác xã hội bình đẳng hơn sẽ thường thành công hơn trong việc chuyển những thành tựu của tăng trưởng vào công tác giảm nghèo*"

NCFAW đã chủ động trong việc thúc đẩy một quá trình phân tích và tham khảo ý kiến mang tính toàn diện về giới nhằm đảm bảo rằng CLTT&GN được xây dựng trên cơ sở tính đến khía cạnh giới của đói nghèo trong hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và các mục tiêu của CLTT&GN có ưu tiên cao đối với việc đưa ra các biện pháp và kết quả cải thiện tình hình giới (có nghĩa là các mục tiêu của CLTT&GN sẽ đáp ứng được các nhu cầu của cả phụ nữ và nam giới và góp phần vào giảm sự khác biệt giữa nam và nữ).

Trong sáu tháng đầu năm 2003, một số sáng kiến quan trọng đã được thực hiện nhằm tạo đà cho việc tập trung vào vấn đề giới trong quá trình thực hiện CLTT&GN. Những hoạt động này đã được tiếp tục thực hiện vào nửa sau của năm 2003.

Quốc hội gần đây đã thông qua Luật Đất đai mới, trong đó yêu cầu cả vợ lẫn chồng phải đăng ký tên vào Giấy phép Thuê đất. Hy vọng luật mới này sẽ giúp đạt được mục tiêu của CLTT&GN là đưa cả tên của vợ và chồng vào Giấy phép thuê đất. Tuy nhiên, sẽ cần chú trọng nhiều đến việc thực hiện Luật mới.

2.1.1 Phân tích khía cạnh giới trong CLTT&GN:

Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan đã chủ trì nhóm công tác của GAP, giám sát đội tư vấn gồm ba chuyên gia nghiên cứu CLTT&GN trên góc độ giới. Kết quả nghiên cứu này nhằm định hướng và thúc đẩy việc thực hiện CLTT&GN.

Phát hiện chung của nghiên cứu là CLTT&GN được coi là một tài liệu chính sách tốt nhất không phải do Hội liên hiệp phụ nữ (VWU) hoặc NCFAW xây dựng trên cơ sở chú trọng đến các vấn đề về giới và bình đẳng giới. Điều quan trong là, CLTT&GN có chú ý đến và có đưa các vấn đề về giới vào những phần liên quan đến nguyên nhân đói nghèo, thách thức đối với việc giảm nghèo và các Mục tiêu Giảm nghèo và Xã hội và trong phần phụ lục giám sát.

Tháng 6 năm 2003, một cuộc Đối thoại Phân tích về Giới được tổ chức để giới thiệu báo cáo "CLTT&GN: Phân tích trên khía cạnh giới " cho các cơ quan chính phủ và các đối tác phát triển nhằm thúc đẩy quá trình thảo luận về các hành động cần thực hiện để triển khai CLTT&GN trên cơ sở có tính đến khía cạnh giới.

Những quan tâm chủ yếu của các đại biểu tham gia đối thoại phân tích giới CLTT&GN là vai trò của các Ủy ban về sự tiến bộ của Phụ nữ (CFAWs) trong việc thực hiện CLTT&GN; mối quan hệ giữa CLTT&GN và kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ (POA). Các đại biểu đã xác định các hành động ưu tiên sau:

- Nâng cao nhận thức và vai trò của phụ nữ trong công tác giảm nghèo
- Cải thiện công tác đánh giá việc thực hiện CLTT&GN xét trên khía cạnh giới
- Nâng cao vị trí của CFAW; và
- Chú trọng hơn đến thông tin về giới và các số liệu tách biệt của nam và nữ.

2.1.2. Hội thảo khu vực về việc thực hiện CLTT&GN của Đội đặc nhiệm giảm nghèo- Ban thư ký MPI- CLTT&GN

Ban thư ký CLTT&GN của chính phủ đã tổ chức 5 cuộc hội thảo trong nước nhằm mục đích trang bị cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh những kỹ năng cần thiết để thực hiện có hiệu quả CLTT&GN ở cấp tỉnh. Các cuộc hội thảo này tập trung chủ yếu vào vấn đề giới với sự hỗ trợ của NCFAW, Hội liên hiệp phụ nữ và Ngân hàng Thế giới với sự tài trợ của Quỹ tín thác về giới Hà Lan. Một bản liệt kê các hoạt động hội nhập giới vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đã được xây dựng.

2.1.3.Các hội thảo tiếp theo về việc thực hiện CLTT&GN

Một phái đoàn của chính phủ và các đại diện của các tổ chức phi chính phủ đã tham dự hội thảo khu vực lần thứ 2 về các chiến lược giảm nghèo và giới do Ngân hàng Thế giới tổ chức với sự hợp tác của UNIFEM, ADB, DFID, Oxfam, chính phủ Hà Lan và UNDP tháng 9 năm 2003 tại Siem Reap, Campuchia. Các đại diện của NCFAW đã trình bày những phát hiện và đề xuất chính của hội thảo Siem Reap tại hội thảo khu vực lần thứ 2 về PRSP ở Phnongpenh.

Cùng với các cơ quan khác, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam gửi ý kiến về dự thảo báo cáo tiến độ hàng năm CLTT&GN tới Ban thư ký CLTT&GN nhằm tăng cường khía cạnh về giới trong báo cáo CLTT&GN.

2.2. Lồng ghép vấn đề giới ở cấp tỉnh

Dự án VIE 01-01-01 vấn đề giới trong chính sách công của NCFAW-UNDP-RNE đã tổ chức thành công một hội thảo quốc gia Tập huấn cho tập huấn viên về phương pháp giải quyết vấn đề về giới cho 25 tập huấn viên cấp quốc gia về giới. Ngay sau hội thảo về giới thử nghiệm tổ chức vào tháng 3 năm 2003 ở tỉnh Trà Vinh với mục đích đánh giá, xem xét các tài liệu mới xây dựng cho hội thảo giới, một nhóm tập huấn viên chủ chốt đã hướng dẫn thảo luận 7 hội thảo giới ở cấp vùng cho 223 thành viên (bao gồm UBND, Sở kế hoạch đầu tư, Sở LĐTBXH, Sở Y tế và CFAW) từ 59 tỉnh thành.

2.3. Ví dụ về một mô hình tốt

Hội thảo giải quyết vấn đề giới của NCFAW/UNDP ở tỉnh Trà Vinh

Vào tháng 5/2003, một hội thảo được tổ chức nhằm điều chỉnh những mục tiêu, kế hoạch và chiến lược của tỉnh theo hướng chú ý tới vấn đề giới để thực hiện CLTT&GN, hướng tới đạt được các mục tiêu của thiên niên kỷ (MDG) và mục tiêu phát triển của Việt Nam (VDG) ở cấp tỉnh. Đây là một sự phối hợp giữa tổ chức OXFAM/GB, UNDP, dự án Kế hoạch chiến lược giảm nghèo và chương trình NCFAW-UNDP-RNE để đáp ứng lời kêu gọi của tỉnh Trà Vinh yêu cầu được hỗ trợ để biến CLTT&GN thành một kế hoạch có chú trọng tới vấn đề giới của tỉnh Trà Vinh. Hội thảo được tổ chức trong 4 ngày với sự hỗ trợ của các chuyên gia về giới cấp quốc gia trong chương trình TOT (tập huấn cho tập huấn viên) của NCFAW-UNDP-RNE.

Đội đặc nhiệm phụ trách xây dựng kế hoạch của tỉnh Trà Vinh nhận thấy nếu chỉ tổ chức một khóa tập huấn duy nhất để giải quyết vấn đề giới thì chưa đủ để dẫn tới những thay đổi bền vững về mặt hành vi và cách thức làm việc. Các nhà lãnh đạo tỉnh Trà Vinh nhận thức rất đúng rằng làm việc theo cách thức chú trọng tới vấn đề giới còn rất mới lạ, đòi hỏi phải có sự hỗ trợ thường xuyên mới có thể làm tốt công việc hàng ngày được. Dự án NCFAW đã cử một chuyên gia về giới cấp quốc gia làm việc với chính quyền tỉnh Trà Vinh để giúp họ thực hiện các Hướng dẫn về Hội nhập giới Quốc gia. Việc cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật trong việc giải quyết vấn đề giới và việc xây dựng năng lực cho cán bộ tỉnh Trà Vinh thông qua dự án NCFAW sẽ mang lại những kết quả sau:

- Tăng cường năng lực của các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Trà Vinh trong việc áp dụng những nguyên tắc và chiến lược vạch ra trong Hướng dẫn về Hội nhập giới Quốc gia
- Tạo ra các kế hoạch có chất lượng cao chú trọng đến vấn đề giới và do đó góp phần cải thiện vấn đề bình đẳng giới ở tỉnh Trà Vinh
- Nghiên cứu điển hình toàn diện và các bài học rút ra từ những kinh nghiệm của tỉnh Trà Vinh trong việc lập kế hoạch chú trọng đến vấn đề giới sẽ được sử dụng như là một công cụ lập kế hoạch giúp các tỉnh khác chuẩn bị và thực hiện quá trình lên kế hoạch chú trọng đến vấn đề giới.

- **Các kế hoạch trong tương lai của GAP**

Năm 2004, Nhóm GAP sẽ tiếp tục tập trung nỗ lực vào các hoạt động gắn liền với việc thực hiện CLTT&GN có chú trọng đến vấn đề giới.

- Đến tháng 5 năm 2004 GAP sẽ tập trung vào việc bầu cử Hội đồng nhân dân. Mọi người đều hiểu rằng thành phần các Hội đồng thể hiện thành phần Xã hội càng đầy đủ hơn thì hiểu biết của Hội đồng nhân dân sẽ càng sâu sắc hơn và Hội đồng sẽ đưa ra được các quyết định có chất lượng cao hơn. Nhóm GAP sẽ tìm cách phát động và thúc đẩy các hoạt động trao quyền cho các ứng cử viên nữ có tiềm năng, tăng cường khả năng được bầu của họ và nâng cao nhận thức của các tổ chức có trách nhiệm tiến cử ứng cử viên và các cử tri về tầm quan trọng của việc tăng số thành viên nữ trong Hội đồng nhân dân.Thông qua các hoạt động này, những thay đổi mới trong Luật sửa đổi về tổ chức UBND và Hội đồng Nhân dân, Luật sửa đổi bầu cử thành viên UBND sẽ được tuyên truyền rộng rãi hơn. Điều này sẽ giúp các thành viên nữ trong

hội đồng thực hiện tốt hơn vai trò giám sát và đại diện của mình mà các HĐND giao phó.

- Trong quý đầu năm 2004, những phát hiện trong báo cáo nghiên cứu phân tích vấn đề giới trong chính sách tài chính VN do tổ chức CIDA tài trợ sẽ được xuất bản qua một cuốn sách có tiêu đề "Hướng tới việc lên ngân sách cho vấn đề giới ở VN" do tiến sĩ Melanie Beresford xây dựng với sự hỗ trợ của Trung tâm thúc đẩy giáo dục và trao quyền cho nữ giới (CEPEW).Cuốn sách tập trung vào lĩnh vực quan trọng trong chi tiêu ngân sách nhà nước. Một phần lớn trong chi tiêu công ở VN là chi cho việc cung cấp hàng hóa công. Trong khi những hàng hoá này được nhìn nhận là công bằng về giới, nhưng thành kiến về giới có thể xuất hiện ở giai đoạn thiết kế, định hướng và/hoặc thực hiện chương trình.

- Thực hiện Chiến lược CLTT&GN: góp phần cải thiện việc giám sát các nỗ lực hướng tới công bằng giới.

- Trước mùa hè năm 2004, thành viên và phương thức hoạt động của GAP sẽ được các thành viên đánh giá để xác định xem tính phù hợp để đáp ứng được các mục tiêu tốt nhất.

Hội thảo Xã hội hoá Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và các khía cạnh về giới trong CLTT&GN:

Uỷ ban Công tác Xã hội của Quốc hội với sự hỗ trợ của CIDA và ĐSQ Canada cùng Trung tâm sức khoẻ gia đình và sinh sản (RAFH) sẽ tổ chức một cuộc hội thảo chia xẻ thông tin về các dịch vụ y tế, các vấn đề xã hội hoá chăm sóc sức khoẻ, đặcbiệt các dịch vụ y tế công cộng, sức khoẻ sinh sản và thực hiện Chiến lược tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo. Kết quả sẽ là các đề xuất cho việc sửa đổi Luật Bảo vệ sức khỏe công cộng cho việc thực hiện Chiến lược CLTT&GN và vấn đề xã hội hoá các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản. Các đại biểu quốc hội, các bộ nghành có liên quan, một số quan chức lãnh đạo của tỉnh, các viện nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ sẽ tham gia vào hội thảo này.

NHÓM QUỐC TẾ HỖ TRỢ VỀ MÔI TRƯỜNG

I. Tiến bộ

Sau khi có kiến nghị tại hội nghị quốc tế về Điều phối Viện trợ trong ngành Môi trường vào năm 2000, đến năm 2001, Bộ Khoa học, Công nghệ, Môi trường đã làm việc với các bộ hữu quan và các nhà tài trợ, đã thành lập được Nhóm Quốc tế hỗ trợ về Môi trường (NQTHTMT). Biên bản ghi nhớ về NQTHTMT được các bộ, nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ ký vào ngày 9-5-2002.

Mục tiêu chung của NQTHTMT là góp phần cải thiện hiệu quả và tác dụng của viện trợ phát triển cho lĩnh vực môi trường, dựa trên chính sách và các ưu tiên của chính phủ và thông qua quan hệ đối tác, và góp phần tích cực thực hiện Chiến lược Quốc gia về Bảo vệ Môi trường 2001-2010 và Kế hoạch Hành động Quốc gia về Môi trường 2001-2005.

Việc hình thành một bộ mới, Bộ Tài nguyên-Môi trường, vào tháng 11-2002 đã dẫn đến việc chuyển NQTHTMT từ Bộ Khoa học, Công nghệ, Môi trường sang Bộ TN&MT. Sau khi chuyển giao, NQTHTMT đã ngưng hoạt động trong một thời gian dài.

Tại một cuộc họp không chính thức vào ngày 8-5-2003, đại diện của các nhà tài trợ và cơ quan chính phủ đã ký kết thành lập NQTHTMT, nhất trí thành lập một tổ tư vấn để rà soát lại NQTHTMT nhằm cho nhóm hoạt động trở lại.

Trong vài tháng qua, công việc rà soát được tiến hành bao gồm: cập nhật các Bản Quy định Trách nhiệm, xây dựng một khuôn khổ ngắn gọn, xúc tích, rõ ràng, một kế hoạch công tác, ngân sách, chi tiết về các thủ tục về mặt tổ chức và hoạt động, đề cương về một cơ chế tài trợ khả thi, tất cả đều nhằm khởi động lại hoạt động của NQTHTMT tại Bộ TN&MT.

Một bước quan trọng để khởi động lại NQTHTMT đã được thực hiện tại phiên họp toàn thể nhóm vào ngày 16-6-2003, do Bộ trưởng Bộ TN&MT chủ toạ với sự tham gia của đại diện số bộ và cơ quan tài trợ quốc tế, và một khuôn khổ về nhiệm vụ và định hướng tương lai cho nhóm đã được thảo ra. Kết quả chính của cuộc họp bao gồm:

- NQTHTMT được khởi động lại và củng cố,
- NQTHTMT đảm nhận tất cả 6 chức năng chính của Bộ TN&MT,
- Bản Quy định Trách nhiệm cũng được xây dựng cho NQTHTMT,
- Vạch ra các kế hoạch hoạt động cho NQTHTMT,
- Xây dựng một cơ chế tài trợ phù hợp cho NQTHTMT.

Sự ủng hộ và cam kết toàn diện của những bộ hữu quan, các nhà tài trợ, tổ chức phi chính phủ là điều hết sức quan trọng, và Bộ TN&MT đã trở thành nòng cốt cho NQTHTMT.

Sự thảo lần cuối của các văn bản của NQTHTMT đã được hoàn tất và trình bày tại cuộc họp gần đây nhất vào 1-9-2003, tức là vòng tham vấn cuối cùng cho các văn bản này.

II. Những hành động cụ thể nhằm khởi động lại NQTHTMT

Theo kết luận của Thứ trưởng Bộ TN&MT tại cuộc họp tham vấn gần đây nhất vào 1-9-2003, những biện pháp sau sẽ được thực hiện nhằm đưa NQTHTMT vào hoạt động:

- Thành lập một tổ đặc nhiệm để giúp hoàn thành tất cả các văn bản của NQTHTMT;
- Bố trí văn phòng cho NQTHTMT, có ban thư ký, gồm cán bộ tuyển ở ngoài và ít nhất 2 cán bộ lấy từ Bộ TN&MT;
- Thành lập Quỹ Tín thác cho NQTHTMT, với sự cam kết đóng góp từ phía các nhà tài trợ;
- Thành lập hai nhóm chuyên đề không thường trực trong ngành môi trường và ngành nước.

III. Những lĩnh vực trọng tâm trong năm 2004 theo kế hoạch

- Phối hợp và đối thoại chính sách;
- Phổ biến thông tin, chính sách, và các ưu tiên;
- Họp ban điều hành và họp toàn thể;
- Thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;
- Hoạt động khởi đầu của các nhóm chuyên đề không thường trực;
- Tổng kết và rút ra bài học nhằm cải thiện trong giai đoạn tiếp theo.

NHÓM CÔNG TÁC PHI CHÍNH THỨC VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

I. Bối cảnh

Tháng 11-1998, Tổ Công tác về Quản lý Nhà nước đã xác định ba chủ đề mà cộng đồng tài trợ quan tâm trước mắt liên quan đến phối hợp giữa chính phủ và nhà tài trợ, bao gồm: cải cách hành chính, hiệp hội và sự tham gia của cộng đồng, minh bạch và quản lý nhà nước.

Cuộc họp đầu tiên của tổ công tác về hiệp hội và sự tham gia của cộng đồng được tổ chức vào tháng 2-1999. Kể từ đó, nhóm đã họp khoảng 4 lần một năm. Một tuyên ngôn về nhiệm vụ đã được soạn ra nhằm mục đích nêu rõ quan điểm chung về phạm vi của nhóm.

Năm 2003, sau 4 năm hoạt động, nhóm đã quyết định tổng kết và xem xét lại mục đích và hoạt động. Dựa trên những thảo luận này, nhóm đã quyết định thay đổi tên và sửa lại tuyên ngôn về nhiệm vụ nhằm phản ánh rõ nét hơn mục đích và đặc điểm hiện nay của nhóm:

Nhóm được đổi tên thành Nhóm Công tác Phi chính thức về Tham gia của Người dân (gọi tắt là nhóm), trở thành diễn đàn phi chính thức cho các tổ chức và chuyên gia - bao gồm các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ, các dự án, chuyên gia tư vấn, nhà nghiên cứu, cùng trao đổi thông tin và ý tưởng về những vấn đề liên quan đến sự tham gia của người dân.

II. Mục tiêu của nhóm

Mục tiêu chung của nhóm là *hỗ trợ chính phủ Việt Nam trong nỗ lực tăng cường sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển của chính mình và của đất nước, bao gồm tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát các chính sách phát triển.*

Các **mục tiêu cụ thể** trước mắt của nhóm là thúc đẩy: i) *môi trường thuận lợi* và *xây dựng năng lực* nhằm tăng cường sự tham gia của người dân, ii) *điều phối các hoạt động* nhằm sử dụng hiệu quả những nguồn lực được đầu tư vào lĩnh vực này. Nhóm sẽ góp phần thực hiện những mục tiêu này bằng cách:

1. Chia sẻ thông tin và kiến thức trong lĩnh vực này, bao gồm:

- ✓ những chính sách và chương trình của chính phủ, cả mới và đang thực hiện
- ✓ những dự án và hoạt động mới và đang thực hiện của các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ
- ✓ những bài học kinh nghiệm tốt nhất - của quốc tế, quốc gia và địa phương

2. Làm rõ những khái niệm thường dùng, bao gồm những khái niệm then chốt như "sự tham gia của người dân", "xã hội dân sự", và "tổ chức phi chính phủ", v.v.;

3. Thúc đẩy đối thoại giữa những đối tác khác nhau trong lĩnh vực này, bao gồm các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, và các tổ chức quốc tế.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2001-2010, Kế hoạch 5 năm 2001-2005, và Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo (CLTT&GN), cùng với những văn bản khác, đã trở thành những phương tiện chiến lược để đạt mục tiêu chung trong phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo, các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG), và các Mục tiêu Phát triển của Việt Nam (VDG) mà chính phủ Việt Nam đã cam kết.

MDG và VDG đã chú trọng vào sự cần thiết phải *quản lý nhà nước tốt để giảm nghèo.* Về sự tham gia của người dân, các chiến lược phát triển quốc gia nêu trên đã nói rõ sự cần thiết phải *tạo điều kiện cho người dân tham gia đầy đủ vào quá trình phát triển và được hưởng cơ hội bình đẳng,* sự cần thiết phải *tăng cường năng lực và tạo cơ hội cho mọi người dân được phát huy hết tài năng của mình, để tham gia vào quá trình phát triển và hưởng thành quả của phát triển.* Các chiến lược cũng chỉ ra sự cần thiết phải *tạo khuôn khổ pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ và các hiệp hội, các tổ chức cộng đồng tại cấp cơ sở nhằm cải thiện sự tham gia của người nghèo vào quá trình phát triển và nâng cao năng lực giảm nghèo cho họ.*

Các mục tiêu của nhóm như vậy cũng nhất quán với các chỉ thị mang tính chiến lược trong các chiến lược phát triển quốc gia.

III. Những bước xây dựng luật pháp hiện nay

Mặc dù có một số văn bản pháp quy điều chỉnh hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam, nhưng khung pháp lý chung trong lĩnh vực này còn phức tạp, phân tán, và thực hiện không thống nhất. Để tạo môi trường thuận lợi cho sự tham gia của người dân vào CLTT&GN, cần tạo khung pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ tham gia đầy đủ vào thực hiện Nghị định Dân chủ ở Cơ sở. Những diễn biến gần đây trong lĩnh vực này bao gồm:

- ✓ **Nghị định. 79/2003/ND-CP**, ngày 7-7-2003 về Ban hành Quy chế thực hiện Dân chủ ở xã, bổ sung sửa đổi Nghị định 29 về Dân chủ Cơ sở, ngày 11-5-1998:

Nghị định 79 quy định những công việc phải do người dân trực tiếp quyết định, giám sát và kiểm tra, các mô hình thực hiện và trách nhiệm của các tổ chức, hiệp hội, và cá nhân liên quan đến giám sát và kiểm tra của người dân. Nghị định cũng nêu rõ vai trò của các trưởng thôn trong xây dựng cộng đồng dân cư thôn xóm. Tuy nhiên, khung thể chế, bao gồm việc gắn với chính sách phân cấp và xây dựng năng lực cho cán bộ địa phương, nhằm góp phần thực hiện đầy đủ Nghị định, lại chưa được đề cập đến.

- ✓ **Nghị định No. 88/2003-ND-CP,** ngày 30-7-2003 về Tổ chức, hoạt động và quản lý các hiệp hội, thay thế cho Nghị định 258/TTg, ngày 14-6-1957, của Thủ thướng, quy định việc thực hiện Quy chế 103/SL/L004, ngày 20-5-1957, về Quyền Thành lập Hiệp hội.

Nghị định 88, do Bộ Nội vụ soạn thảo, là một bước nhằm đáp ứng nhu cầu về khung pháp lý hoàn thiện cho các tổ chức phi chính phủ. Tuy nhiên, cần đặc biệt làm rõ: i)

phạm vi áp dụng Nghị định, ii) cơ chế thực hiện, iii) liên hệ với những sáng kiến cải cách khác, bao gồm Nghị định Dân chủ Cơ sở, cải cách hành chính và những sáng kiến phân cấp có liên quan. Dự kiến là những văn bản hướng dẫn thực hiện, hiện đang được soạn thảo, sẽ góp phần làm rõ những điểm này.

IV. Cập nhật về hoạt động của nhóm

Những hoạt động chính được khởi xướng và thực hiện trong năm 2003 bao gồm:

- Chia sẻ những bài học và kinh nghiệm tốt nhất từ các hoạt động phát triển năng lực, đặc biệt là trong lĩnh vực sức khoẻ sinh sản;
- Rà soát các văn bản pháp luật mới - Nghị định Dân chủ cơ sở và Nghị định về hiệp hội;
- Rà soát lại thực trạng của nhóm và sửa đổi Tuyên ngôn về nhiệm vụ;
- Trao đổi thông tin về những hoạt động đang diễn ra và cập nhật về mọi hoạt động của các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ quốc tế trong lĩnh vực tham gia của người dân;
- Cập nhật trang web của tổ: http://www.un.org.vn/donor/civil.htm, bao gồm "tài liệu về các hiệp hội phi chính phủ";
- Lên kế hoạch công tác cho 2004, bao gồm các hoạt động định kỳ hàng năm và những hoạt động không định kỳ theo đề xuất.

Mặc dù nhóm này rất quan tâm muốn tham gia đối thoại với các cơ quan chính phủ về sự tham gia của người dân, nhưng vẫn chưa chính thức thực hiện được việc này trong năm 2003. Hiện nay, với đà thực hiện Nghị định về Hiệp hội và dự thảo Luật Hiệp hội của chính phủ, dự kiến sẽ được Quốc hội thông qua, hy vọng sẽ có cơ sở để đối thoại trong năm tới.

CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Nhóm công tác về cải cách DNNN tiếp tục huy động và phối hợp hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng chương trình cải cách và cổ phần hoá DNNN, mặc dù nhóm không họp được thường xuyên.

2. Một nhược điểm đã được nhắc đến trước đây của nhóm là không đảm bảo được sự đại diện thường xuyên từ phía chính phủ, một phần là do những cơ quan hữu quan còn bận thảo luận nhằm đạt được sự nhất trí trong Đảng và tổ chức lại bộ máy để thực hiện cải cách DNNN.

3. Tuy nhiên, nhóm đã rất đắc lực trong việc phổ biến và chia sẻ thông tin cũng như huy động trợ giúp. Các nhà tài trợ đã sử dụng một vài cơ chế để truyền bá thông tin. Ngoài ra họ còn giúp huy động trợ giúp cho cả việc hình thành và thực hiện chương trình.

Tiến độ thực hiện các tiêu chí thành công và hỗ trợ cho Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo (CLTT&GN)

- Việc thực hiện chương trình cải cách DNNN trong nhiều năm vẫn đang được tiếp tục. Cùng lúc công việc được tiến triển, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp (BCĐQG) điều phối và lập lại kế hoạch, trong đó tất cả các tỉnh, bộ ngành, và tổng công ty đều đã trình các kế hoạch riêng của mình để chuyển thể các DNNN theo Nghị định 58. Quá trình này hiện đã hoàn thành. Trong giai đoạn 2003-2005, sẽ có kế hoạch chuyển thể trên 2500 doanh nghiệp, đa số sẽ được cổ phần hoá. Số DNNN sẽ được giảm xuống còn chưa đầy một nửa so với thời điểm 31-12-2002.

- Mạng an sinh Xã hội được thành lập cho những người lao động nghỉ việc từ DNNN đã đi vào hoạt động trong 6 tháng qua. Cho đến nay 8.000 người lao động và 230 doanh nghiệp đã được hưởng lợi.

- Vào tháng Giêng, công việc lên các kế hoạch cơ cấu lại 3 tổng công ty: TCT Dệt May, TCT Cà Phê, và TCT Seaprodex, đã được bắt đầu, và sau đó là hỗ trợ cơ cấu lại đối với 12 DNNN thuộc 3 nhóm ngành. DFID tài trợ chương trình này. Các kế hoạch cơ cấu lại 3 Tổng Công ty đã được trình bày vào tháng Giêng 2003. Một số kiến nghị đã được đưa ra, bao gồm chuyển 3 tổng công ty này thành mô hình công ty mẹ-con.

- Mục tiêu ban đầu trong việc tiến hành đánh giá hoạt động của 30 DNNN lớn hiện đã đạt được và công việc đánh giá đang được tiến hành. Công việc này do AusAID, Danida, và gần đây, nhận được tài trợ từ Quỹ Phát triển Nhân lực và Chính sách của Nhật bản. Sau đánh giá hoạt động của 4 DNNN lớn trong ngành xi-măng và TCT Xi măng sẽ có hội thảo 1 ngày tại Hà Nội vào cuối tháng 10. Các chuyên gia tư vấn sẽ trình bày những phát hiện từ trong việc, bao gồm cả kiến nghị về những biện pháp trong tương lai. Mọi bên hữu quan đều được mời tới hội thảo này. Một nghiên cứu tương tự về các DNNN trong ngành thực phẩm, thuộc TCT Lương thực II, hiện đang được tiến hành.

Gắn hỗ trợ với CLTT&GN trong 6 tháng tới

- Chương trình còn lại trong cải cách DNNN như được nêu trong CLTT&GN đã được thực hiện.
- Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện những kế hoạch chuyển thể những DNNN nhỏ
- Đã có chương trình để bắt đầu thực hiện các kế hoạch cơ cấu lại đối với TCT Dệt May, Cà Phê, và Seaprodex, và bắt đầu công việc cải cách ở những DNNN có liên quan khác.
- Các công việc về mặt luật pháp vẫn tiếp tục để tạo điều kiện xử lý nợ của DNNN.
- Cũng đang tiến hành cải thiện chế độ báo cáo tài chính của DNNN và xây dựng một loạt các chỉ tiêu giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh và hiệu quả của DNNN.

Các tiêu chí thành công trong 2003 và sau đó

Tiến bộ đo bằng chỉ tiêu đặt ra trong CLTT&GN là tốt. Tuy nhiên, cải cách DNNN tiếp tục được coi là "phép thử" trong cải cách và thường được cả các nhà tài trợ và các quan chức Việt Nam nêu ra như một lĩnh vực cần được chú trọng đặc biệt. Ngoài việc thực hiện những nhiệm vụ khác, cần chú trọng vào những vấn đề sau:

- Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách và cổ phần hoá DNNN.
- Với sự tham gia nhiều hơn của chính phủ, bao gồm cả vai trò lãnh đạo trong nhóm công tác.
- Họp thường xuyên hơn.

Hỗ trợ cải cách doanh nghiệp nhà nước

Nhà tài trợ/ Số tiền tài trợ	**Mục đích (Cơ quan thực hiện)**	**Hiện trạng**
ADB **1,400,000 US$**	Củng cố năng lực thể chế của các cơ quan nòng cốt (Bộ Tài Chính, Văn phòng Kiểm toán Nhà nước (SAGO), Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Ủy ban chứng khoán nhà nước) trong phân tích kiểm toán các DNNN, trong việc xem xét và thông qua các DNNN được cổ phần hoá và lên niêm yết (BTC, SAGO and UBCK)	Đã hoàn thành
ADB **1,600,000 US$**	Thiết lập và thực hiện chiến lược và phương pháp công ty hoá các DNNN; thực hiện và bắt buộc thực hiện thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp (BCĐQG).	Đã hoàn thành
ASEM 1 European (WB quản lý)	Chương trình mạng an sinh xã hội nhằm giải quyết vấn đề sa thải lao động khi tiến hành cải cách các DNNN (Viện quản lý kinh tế hợp tác với BCĐQG)	đã hoàn thành

100,000 US$		
ASEM 4 European (WB quản lý) **439,000 US$**	Thúc đẩy xu hướng cổ phần hoá và cơ cấu lại các DNNN trong Bộ giao thông vận tải.	đã hoàn thành
ASEM 5 European (WB quản lý) **1,470,000 US$ + 400,000 US$**	Hỗ trợ thực hiện cải cách các DNNN tại 3 bộ (công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng) và ở hai địa phương (Hà nội và một địa phương khác) (BCĐQG)	Giai đoạn I đã hoàn thành, mở rộng đến giai đoạn II – đang thực hiện
Danida (Đan Mạch) quản lý **3,100,000 US$**	Hỗ trợ Phát triển doanh nghiệp và tái cơ cấu công nghiệp thông qua thực hiện các kế hoạch cổ phần hoá và hỗ trợ hậu cổ phần hoá (Bộ Thuỷ sản)	Đã thông qua và đang thực hiện. Dự kiến hoàn thành: 2002; đang chờ gia hạn
Danida (Đan Mạch) (WB quản lý) **390,000 US$**	Các dịch vụ tư vấn, chiến dịch thu hút sự quan tâm của công chúng, thành lập MIS cho các DNNN và xây dựng năng lực cho BCĐ	đã hoàn thành vào 1/2000
Danida (Đan Mạch) (WB quản lý) **340,000 US$**	Các dịch vụ tư vấn trong thực hiện nghị định về chuyển thể, thành lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ cho quá trình tái cơ cấu và cổ phần hoá (BCĐQG)	đã hoàn thành
Danida (Đan Mạch) quản lý **1,700,000 US$**	Hỗ trợ nâng cao năng lực của BCĐQG trong quá trình cải cách các DNNN.	bắt đầu 2001 và sẽ thực hiện đến hết 2004
DFID (Anh) **1,800,000 UKÊ**	Tái cơ cấu thí điểm 3 tổng công ty -Vinatex, Vinacafe, and the Seaprodex (BCĐQG)	giai đoạn thông qua, báo cáo thời kỳ chuẩn bị tư vấn
GTZ (Đức) quản lý **5,600,000 US$**	Hỗ trợ tái cơ cấu DNNN trong nông nghiệp (Tỉnh Quảng Trị , khu vực Tan Lam) thông qua tư vấn cho việc thực hiện các kế hoạch cổ phần hoá (Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, CREM)	đang thực hiện, dự tính hoàn thành 2003.
IFC quản lý /Danida (Đan Mạch) **410,000 US$**	Dự án thí điểm cổ phần hoá và chuyển thể 51 DNNN ở Đắc Lắc, sử dụng quá trình đấu giá cho cổ phần hoá.	đang thực hiện
IFC quản lý	Hỗ trợ chương trình chuyển thể thí điểm DNNN nhỏ của	đã hoàn

782,000 US$** AusAID & **180,000 US$, IFC	Uỷ ban Nhân dân Hải phòng, sử dụng quá trình đấu giá cho cổ phần hoá.	thành, không kết thúc
JICA, đơn vị DNNN **250,000 US$**	Nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế trong chuyển đổi kinh tế thị trường tại Việt nam (Bộ KH&ĐT)	giai đoạn II 1997 – 1998, tiếp theo đang thực hiện.
Nhật Bản PHRD (WB quản lý) **218,000 US$**	Hệ thống điều hành và thu thập số liệu của các DNNN theo tín dụng điều chỉnh cơ cấu. Đồng thời tài trợ cho cuộc điều tra 350 DNNN (Tổng cục quản lý vốn và tài sản của nhà nước tại doanh nghiệp, BTC)	đã hoàn thành vào 06/1999.
Nhật Bản PHRD, AusAID, Danida **7,900,000 US$**	Phân tích kiểm toán để đánh giá hoạt động và tình trạng tài chính của các DNNN được chọn và gợi ý kế hoạch tái cơ cấu để chuyển đổi các doanh nghiệp.	dự kiến hoàn thành vào 04/2004
UNDP **2,145,800 US$**	"Tăng cường năng lực cho Tổng cục Quản lý vốn và tài sản của nhà nước tại doanh nghiệp" (TCQLV&TSNN, BTC)	đã kết thúc

KHU VỰC TÀI CHÍNH

Nhóm công tác gồm chính phủ, nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ về cải cách ngân hàng đã được thành lập vào cuối năm 1999 để bàn về chương trình cải cách ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đề xuất, nhằm hỗ trợ thực hiện chương trình này, và phối hợp hỗ trợ của các nhà tài trợ trong cải cách ngân hàng. Kể từ đó, nhóm công tác đã được mở rộng ngoài phạm vi cải cách ngân hàng và hiện bao gồm cả một loạt các vấn đề rộng lớn của khu vực tài chính, bao gồm cả phát triển thị trường vốn.

Quan hệ đối tác trong cải cách khu vực tài chính mang tính phi chính thức, nhưng lại là một diễn đàn đắc lực cho các đối tác định kỳ chia sẻ thông tin về chương trình cải cách khu vực tài chính, cập nhật về tình hình phát triển khu vực tài chính, và phối hợp các hoạt động khác nhau của các nhà tài trợ. Ngoài ra, nhóm công tác còn là một diễn đàn để tìm kiến sự trợ giúp của các nhà tài trợ.

Đạt những tiêu chí thành công và hỗ trợ CLTT&GN

Việc thực hiện chương trình cải cách khu vực tài chính của chính phủ vẫn đang tiếp diễn với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ, thể hiện ở con số các dự án trợ giúp liên quan ngày càng tăng.

Ba cuộc họp của nhóm đã được tổ chức kể từ cuộc Họp Tài trợ ở Hà Nội năm 2002, với sự tham gia tích cực của chính phủ, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ.

Những phát hiện trong Đánh giá Khu vực Ngân hàng Việt Nam đã được NHNN và Ngân hàng Thế giới trình bày trước nhóm vào tháng Giêng 2003, và báo cáo đã được chính thức công bố cho nhóm vào tháng 5.

Vào cuộc họp tháng 5 của nhóm NHNN đã nhấn mạnh tầm quan trọng và sự cần thiết phải có thêm hỗ trợ kỹ thuật từ các nhà tài trợ cho NHNN và các ngân hàng thương mại quốc doanh, nhất là NH Nông nghiệp &PTNT.

Cũng tại cuộc họp của nhóm công tác vào tháng 5, Canada đã đưa ra đề xuất về dự án cải cách ngân hàng, một chuyên gia tài chính mới của Ngân hàng Thế giới (do Hà Lan tài trợ) đã được giới thiệu, đã thảo luận về thông tin cập nhật của dự án Hiện đại hoá hệ thống thanh toán và ngân hàng của Ngân hàng Thế giới và những kế hoạch tiếp tục hoạt động, dự án STAR do Mỹ tài trợ đã đưa ra tổng quan về những hoạt động cố vấn sửa đổi luật về khu vực tài chính nhằm tuân thủ Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa kỳ.

Cuộc họp của nhóm công tác vào tháng 10 được tổ chức để thảo luận về hỗ trợ kỹ thuật cho khu vực tài chính ở Việt Nam và các chiến lược của chính phủ trong phát triển ngân hàng và thị trường vốn. Trên 30 đại diện của 20 cơ quan tài trợ có quan tâm đã dự cuộc họp, với những bài trình bày về chiến lược cải cách khu vực tài chính của Ngân hàng Thế giới, ADB, NHNN, và Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Vẫn tiếp tục có sự kết hợp tốt giữa những phần về cải cách ngân hàng trong CLTT&GN của chính phủ với hỗ trợ chung cũng như kỹ thuật và cho vay của các nhà tài trợ trong lĩnh vực cải cách khu vực tài chính.

Một bảng tóm tắt đầy đủ về hỗ trợ kỹ thuật và cho vay của tất cả các nhà tài trợ cho chương trình cải cách khu vực tài chính của chính phủ đã được cập nhật, hoàn thiện, và mở rộng để bao gồm hầu hết mọi lĩnh vực hỗ trợ đối với khu vực tài trợ, ngoài ngân hàng (như cho vay chính sách, tài chính vi mô, và các tổ chức tài chính phi ngân hàng). Bảng hỗ trợ khu vực tài chính hiện được sắp xếp theo loại hình tổ chức tài chính, sau đó theo chức năng, để dễ tìm, có kèm theo các địa chỉ liên hệ tương ứng cho mỗi dự án, và hiện đã được đưa lên trang web của Văn phòng Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (www.worldbank.org.vn).

Gắn hỗ trợ với CLTT&GN trong 6 tháng tới

- CLTT&GN của chính phủ được thành viên của nhóm công tác về cải cách ngân hàng ủng hộ mạnh mẽ. Dự kiến sau này cũng vẫn như vậy, dựa vào lần họp gần đây nhất của nhóm công tác gồm các nhà tài trợ (cũng như lần họp gần đây nhất của các tiểu nhóm về hỗ trợ kỹ thuật cho NHNN), dưới đây là một số ví dụ mô tả về những dự án đang thực hiện và trong kế hoạch bởi các nhà tài trợ song phương và đa phương:
- Hà Lan đang hỗ trợ cải cách khu vực tài chính thông qua tài trợ cho giải pháp kỹ thuật kép cho Ngân hàng Ngoại thương, hiện do Ngân hàng Thế giới quản lý. Hà Lan còng tài trợ một chuyên gia về tài chính của Ngân hàng Thế giới nhằm tạo điều kiện thực hiện các chương trình cải cách khu vực tài chính.
- Canada đang chuẩn bị một chương trình hỗ trợ kỹ thuật toàn diện dài hạn cho NHNN về xây dựng năng lực giám sát và điều hành. Canada còn cung cấp hỗ trợ trong rà soát lại Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng.
- Nhật bản đang thăm dò khả năng hỗ trợ kỹ thuật trong một số lĩnh vực, bao gồm phát triển những quy định môi giới tiền tệ, phát triển thị trường trái phiếu, và những vấn đề về khung pháp lý cho thị trường vốn.
- Mỹ, thông qua Dự án STAR, đã khởi xướng hỗ trợ kỹ thuật để sửa đổi khung pháp lý về tài chính nhằm tuân thủ Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, hội nhập WTO, và các thông lệ tốt nhất trên thế giới.
- Đức đang hỗ trợ NHNN thông qua đào tạo về Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS) và sẽ giúp đào tạo cho các ngân hàng về kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro trong năm tới.
- Thụy sĩ đang hỗ trợ một chương trình đào tạo về hoạch định chính sách vĩ mô và tiền tệ, và có kế hoạch trợ giúp trong những lĩnh vực khác, như đào tạo về cơ cấu lại ngân hàng và phát triển thị trường chứng khoán.

Uỷ ban Châu Âu đang ủng hộ mạnh mẽ quá trì xây dựng Quỹ tín thác ASEM và đang tham gia dự án tín dụng lớn cho phát triển DN vừa và nhỏ, do Quỹ Hỗ trợ Phát triển quản lý, trong đó có phần về đào tạo.

Ngân hàng Phát triển Châu Á tiếp tục cho vay và hỗ trợ kỹ thuật cho chính phủ về những vấn đề tài chính phi ngân hàng, như thị trường vốn, bảo hiểm, phát triển hoạt động thuê mua, tăng cường khung pháp lý đối với các giao dịch bảo đảm. ADB đã công bố tài

liệu "Lộ trình cho thị trường vốn ở Việt Nam: những thử thách và lựa chọn chính sách" trong lần họp gần đây nhất của nhóm.

Ngân hàng Thế giới sẽ tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật thông qua những khoản tài trợ sau của ASEM: i) NHNN về giám sát, điều hành và phát triển, ii) Đánh giá theo nguyên tắc chủ đạo của Basel, cho các ngân hàng thương mại quốc doanh trong lĩnh vực kiểm toán theo IAS, iii) hỗ trợ thực hiện kế hoạch cơ cấu lại Ngân hàng Đầu tư Phát triển. Ngoài ra, hiện còn có rất nhiều đề xuất lên quỹ tín thác ASEM về hỗ trợ cải cách các tổ chức cho vay theo chính sách, kế toán, phát triển thị trường vốn, và cơ cấu lại ngân hàng. Ngân hàng Thế giới cũng hỗ trợ kỹ thuật cho các báo cáo của ngân hàng thương mại thông qua quỹ tín thác của New Zealand, cho giám sát ngân hàng thông qua thể chế của một hệ thống xếp hạng theo tiêu chuẩn CAMELS tại NHNN, với quỹ tín thác của Ai-len.

Tiểu ban hỗ trợ kỹ thuật cho NHNN

Theo gợi ý của một số nhà tài trợ, IMF đã tổ chức ra một tiểu ban thường trực vào năm 2002 trong Nhóm công tác về ngân hàng, gồm những nhà tài trợ đặc biệt quan tâm đến Hỗ trợ kỹ thuật cho NHNN.

Tiểu nhóm này họp mỗi quý một lần, và mời các nhà tài trợ cũng như các phái đoàn đến chia sẻ trợ giúp hiện tại và tiềm năng cho NHNN trong những lĩnh vực liên quan đến: quản lý dự trữ, thay đổi tổ chức NHNN, chính sách tiền tệ và thống kê, giám sát ngân hàng, kế toán, các vấn đề pháp lý, các thoả ước quốc tế, nghiên cứu và phát triển thị trường vốn.

Cuộc họp gần đây nhất của tiểu ban vào tháng 10 đã tập trung vào các chương trình hỗ trợ trong tương lai cho NHNN và tiềm năng để IMF tham gia hỗ trợ cho các kiểm toán viên nhà nước, các thanh tra viên ngân hàng, và các nhà hoạch định chính sách tiền tệ. Một phiên họp tiếp theo về vấn đề này sẽ được tổ chức vào đầu 2004 để thăm dò khả năng trợ giúp kỹ thuật của IMF cho NHNN.

Các tiêu chí thành công trong năm 2003 và sau đó

- Các cuộc họp thường xuyên của Nhóm công tác các nhà tài trợ cho cải cách ngân hàng, với sự tham gia đông đủ của các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ, và đại diện của NHNN.

- Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách ngân hàng như nêu trong CLTT&GN và ma trận chính sách tương ứng.
- Chia sẻ thông tin hữu hiệu và báo cáo tiến bộ dự án thông qua Bảng hỗ trợ khu vực tài chính, được đăng trên trang web của Văn phòng Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, và được cập nhật khi thích hợp.

Chương trình hỗ trợ khu vực tài chính tại Việt Nam

Nhóm tài trợ ngân hàng

Lĩnh vực cải cách	Mục tiêu	Nhà tài trợ	Hiện trạng	Ngày bắt đầu	Liên hệ
Các ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN)					
Tái cơ cấu ngân hàng	Hỗ trợ thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngân hàng Công Thương (ICB)	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Sắp xếp chặt chẽ cơ cấu Ngân hàng Công thương	AFD / Pháp	Đang thực hiện	11/ 2001	Marc Gilbert, AFD Gilbert.Marc@afd.org.vn
	Sắp xếp chặt chẽ cơ cấu Ngân hàng Ngoại thương (VCB)	Sứ quán Hà Lan	Đang thực hiện	2003	Hans Peter Verhoeff, Dutch Embassy Han-ea@minbuza.nl
	Hỗ trợ thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngân hàng Đầu tư và phát triển. (BIDV)	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đang thực hiện	2002	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Chiến lược kinh doanh cho Ngân hàng Ngoại thương	GTZ	Đang thực hiện	2002	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
	Cải cách công tác kiểm toán nội bộ Ngân hàng Ngoại thương	GTZ	Đang thực hiện	2002	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
	Kế hoạch tái cơ cấu hệ thống NHTMNN	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác PHRD	Đã hoàn thành	03/ 2000	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Quản trị ngân hàng	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	11/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Đánh giá tình trạng của Ngân hàng Nhà Đồng bằng sông Cửu long và chuẩn bị cho chiến lược tìm đối tác và cổ phần hoá.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	đang xem xét	2003	James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
	Xem xét lại Ngân hàng Nhà Đồng bằng Sông Cửu long	Seco (Sứ quán Thụy Sĩ)/khu vực kinh tế tư nhân	Đang thực hiện	11/2003	Barbara Jaggin, SQ Thụy Sĩ, barbara.jaeggin@han.rep.admin.ch
	Các khóa đào tạo về tái cơ cấu ngân hàng	Seco (Sứ quán Thụy Sĩ)/khu vực kinh tế tư nhân	Được chấp thuận	12/2003	Barbara Jaggin, SQ Thụy Sĩ, barbara.jaeggin@han.rep.admin.ch
Giải quyết vấn đề tài sản	Lên kế hoạch thành lập công ty quản lý tài sản quốc gia	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	05/ 2000	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Phát triển công ty quản lý tài sản tại mỗi NHTMNN	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	12/. 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Xử lý nợ quá hạn cho các ngân hàng cổ phần.	GTZ	Đang thực hiện	2004	hauskrecht@sbcglobal.net

Lĩnh vực cải cách	Mục tiêu	Nhà tài trợ	Hiện trạng	Ngày bắt đầu	Liên hệ
	Hội thảo và đào tạo về công ty quản lý tài sản quốc gia (AMC)	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
Hệ thống thanh toán	Dự án hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán.	Ngân hàng Thế giới	đang thực hiện	1996	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
	Dự án hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán cấp hai.	Ngân hàng Thế giới	đang xem xét	2005	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
Kiểm toán	Nâng cấp Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho ngân hàng (áp dụng IAS)	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác PHRD	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Hội thảo về ứng dụng hệ thống IAS	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác PHRD	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Chuẩn bị công tác kiểm toán cho Ngân hàng Công thương (ICB).	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	09/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Kiểm toán theo IAS 2003-2004 cho ngân hàng Công thương	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	đang xem xét	2003	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Kiểm toán theo IAS 2000 cho ngân hàng Công thương	USAID	Đã hoàn thành	09/ 2001	Jean Gilson, USAID Gilsonjm@state.gov
	Kiểm toán theo IAS 2001 cho ngân hàng Công thương	USAID	Đã hoàn thành	11/ 2002	Jean Gilson, USAID Gilsonjm@state.gov
	Kiểm toán nội bộ 2000 cho ngân hàng Ngoại thương IAS Audit 2000 for VCB	Danida (Đan mạch)	Đang thực hiện		Mikael Winther, Danish Embassy mikwin@um.dk
	Đào tạo thí điểm về kiểm toán nội bộ cho Ngân hàng Ngoại thương.	GTZ	Đã hoàn thành	01/ 2002	Andreas Hauskrecht, GTZ Ahauskrecht@aol.com
	Các đào tạo về kiểm toán	GTZ	Đang thực hiện	04/2003	
Các ngân hàng cổ phần (NHCP)					
Tái cơ cấu ngân hàng	Tạo điều kiện củng cố và tái cơ cấu ngân hàng cổ phần.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác PHRD	Đã hoàn thành	1999	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Phân tích hệ thống thông tin quản lý.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org

Lĩnh vực cải cách	Mục tiêu	Nhà tài trợ	Hiện trạng	Ngày bắt đầu	Liên hệ
	Đánh giá 10 ngân hàng cổ phần	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
Quản lý rủi ro	Xem xét kỹ thuật và quá trình quản lý rủi ro	Ngân hàng Thế giới /AusAID	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Đào tạo quản lý rủi ro	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Quản lý rủi ro với các ngân hàng cổ phần	GTZ	Đang thực hiện	2003	hauskrecht@sbcglobal.net
	Đào tạo cho các vụ tín dụng của các NHCP, đào tạo cho				
Ngân hàng Nhà nước Việt nam					
Thay đổi cơ cấu tổ chức	Xem xét khu vực ngân hàng	Ngân hàng Thế giới	Đã hoàn thành	2002	James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
	Đào tạo quản lý khi có sự thay đổi.	Chưa xác định - sẽ phối hợp với Trung tâm đào tạo ngân hàng, MPDF	đang xem xét	11/ 2002	Tony Jennings, BTC Tjennings@ifc.org
	Tái cơ cấu Ngân hàng Nhà nước.	GTZ	Đang thực hiện	2002	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo dài hạn cho các vấn đề về giám sát, điều hành và dịch vụ ngân hàng.	CIDA	đang xem xét	10/ 2003	Dean Frank/CIDA Dean.frank@dfait-maeci.gc.ca Claude Goulet/CIDA Claude.goulet@dfait-maeci.gc.ca
	Tạo khả năng cho ngân hàng Nhà nước trong việc điều hành, giám sát và phát triển.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	đang xem xét	2003	James Seward, World Bank jseward@worldbank.org
Các chuẩn mực về giám sát, an toàn, và lành mạnh	Hỗ trợ trong công tác chuẩn bị sổ sách tín dụng.	IMF / Ngân hàng Thế giới	Đang thực hiện	2001	Susan Adams, IMF Sadams@imf.org Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Xem xét việc thanh tra tại chỗ sổ sách.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác PHRD	Đã hoàn thành	2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Thành lập chuyên ngành kiểm toán ngân hàng tại Học viện Ngân hàng.	GTZ	Đang thực hiện	2000	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Đào tạo kiểm toán ngân hàng Training on Bank Auditing	GTZ	Đã hoàn thành	2001	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net

Lĩnh vực cải cách	Mục tiêu	Nhà tài trợ	Hiện trạng	Ngày bắt đầu	Liên hệ
	Tăng cường giám sát/kiểm toán ngân hàng.	GTZ	Đang thực hiện	2000	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Đào tạo hệ thống kiểm toán IAS	GTZ	Đang thực hiện	2003	Andreas Hauskrecht Hauskrecht@sbcglobal.net
	Chuyển hệ thống VAS sang IAS trong các ngân hàng và cải thiện báo cáo tài chính.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	đang xem xét	2003	James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
	Đào tạo hệ thống tài chính Mỹ và các quy định chống rửa tiền.	Khu vực tư nhân / chính phủ Mỹ	Đã hoàn thành	02/ 2003	Jennifer L. Bachus, US Embassy Bachusjl@state.gov
	Đánh giá công tác chống rửa tiền và hỗ trợ dự thảo nghị định, kế hoạch hành động cho việc thành lập FIU	ADB	đã thông qua	09/ 2003	Alessadro A. Pio, ADB Apio@adb.org
	Đánh giá toàn diện NHNN theo các nguyên tắc chính của Basel	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	đang xem xét	2003	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Đánh giá việc thực hiện hệ thống đánh giá dựa theo xếp hạng CAMEL trong giám sát các ngân hàng.	Ngân hàng Thế giới /Ai-len CTF	Đang thực hiện	2003	James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
	Đánh giá hệ thống báo cáo ngân hàng.	Ngân hàng Thế giới / New Zealand CTF	Đang thực hiện	2003	James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
Khung luật pháp cho hệ thống ngân hàng.	Xem xét luật Ngân hàng Nhà nước và luật các tổ chức tín dụng.	GTZ	Đang thực hiện	2003	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Đưa ra lời khuyên về kỹ thuật với luật Ngân hàng Nhà nước và luật các tổ chức tín dụng.	CIDA	đã thông qua	06/ 2003	Dean Frank, CIDA Dean.frank@dfait-maeci.gc.ca Claude Goulet, CIDA Claude.goulet@dfait-maeci.gc.ca
	Xem xét khung luật lệ và pháp lý trong khu vực Ngân hàng.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	05/ 2000	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Giới thiệu các tiêu chuẩn quốc tế (Các nguyên tắc Basel)	GTZ	Đang thực hiện		Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
Thông tin tín dụng	Xem xét và phát triển các chức năng cơ bản của Cơ quan Tín dụng	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Hội thảo về CIC	Quỹ tín thác Ngân hàng Thế giới / ASEM	Đã hoàn thành	12/ 2001	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
	Đánh giá CIC	Ngân hàng Thế giới / Tây Ban Nha CTF	đang xem xét	11/ 2003	Miguel Navarro-Martin, World Bank Mnavarromartin@worldbank.org
Các cam kết quốc tế	Đáng giá và hội thảo về hệ quả của việc thực hiện Hiệp định thương mại song phương Việt nam-Hoa kỳ trong lĩnh	Dự án USAID-STAR	Đang thực hiện	11/ 2002	Jean Gilson, USAID Gilsonjm@state.gov

Lĩnh vực cải cách	Mục tiêu	Nhà tài trợ	Hiện trạng	Ngày bắt đầu	Liên hệ
	vực tài chính.				
	Xem xét và chỉnh lý Luật Ngân hàng nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng cho phù hợp với hiệp định thương mại song phương Việt nam – Hoa kỳ và tiếp cận WTO	Dự án USAID-STAR	Đang thực hiện	11/ 2002	Jean Gilson, USAID Gilsonjm@state.gov
Quản lý dự trữ.	Đào tạo trong đầu tư dự trữ.	Khu vực tư nhân/ chính phủ Mỹ	Đã hoàn thành	01/ 2003	Claire Pierangelo, US Embassy PierangeloCA@state.gov Jennifer L. Bachus, US Embassy Bachusjl@state.gov
	Xây dựng năng lực quản lý dự trữ.	SIDA/Ngân hàng Trung ương Thụy điển	đang xem xét	05/ 2003	Karl-Anders Larsson, SIDA karl-anders.larsson@sida.se
	Đánh giá sự bảo đảm an toàn	IMF/Kho bạc	Đang thực hiện	2001	Susan Adams, IMF sadams@imf.org
Chính sách tiền tệ	Giới thiệu các công cụ chính sách tiền tệ mới.	GTZ	Đang thực hiện	Xuyên suốt 2003	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Thị trường tài chính/các chính sách đào tạo và quản lý nguồn nhân lực/ các kỹ năng nghiên cứu bằng kinh nghiệm và thẩm định.	Seco (Thụy sĩ)/Học viện nghiên cứu quốc tế	Đang thực hiện	Giai đoạn 1: 1997-99 GĐ 2: 2000-02 GĐ 3: 2003-05	Barbara Jaggin, SQ Thụy Sĩ, barbara.jaeggin@han.rep.admin.ch
	Đào tạo trong việc dự báo và xây dựng mô hình kinh tế vĩ mô.	INSEE/Banque de France/ ADETEF	Đang thực hiện	2002	Alain Fontanel Afontanel@hotmail.com
	Hội thảo về phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô.	IMF	Đang thực hiện	2002	Susan Adams, IMF sadams@imf.org
	Chuyên gia tại chỗ	Ngân hàng Trung ương Hà Lan	đang xem xét	09/ 2002	Frans Makken, Dutch Embassy fa.makken@minbuza.nl
	Trao đổi cán bộ	Sida/Ngân hàng Trung ương Thụy Điển	đang xem xét	2003	Karl-Anders Larsson, SIDA karl-anders.larsson@sida.se
	Nghiên cứu/hội thảo về các thống kê tiền tệ.	JICA	Đã hoàn thành	07/ 2002	Daisuke Hosokawa d.hosokawa@fpt.vn
Phát triển thị trường tiền tệ	Đào tạo nhân viên ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại về các công cụ tiền tệ	GTZ	Đang thực hiện	2002	Andreas Hauskrecht, GTZ Ahauskrecht@aol.com
	Phát triển thị trường tiền tệ-hỗ trợ đưa ra dự thảo luật về các công cụ đàm phán.	ADB	Đã thông qua	05/ 2003	Alessandro A. Pio, ADB Apio@adb.org
	Hỗ trợ phát triển cơ sở dữ liệu để theo dõi các giao dịch trong thị trường tiền tệ.	ADB	đã thông qua	05/ 2003	Alessandro A. Pio, ADB Apio@adb.org
Chính sách tín dụng cho các doanh nghiệp vừa	Nghiên cứu thí điểm về phát triển cơ sở hạ tầng phần mềm cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận tốt hơn nguồn tài chính.	JBIC	Đang thực hiện / đang xem xét	03/ 2003	Mr. Hiroshi Suzuki, JBIC hir-suzuki@jbic.go.jp
	Xây dựng Ngân hàng Nhà nước như cơ quan quản lý cho	JBIC	Đang thực hiện	12/ 2001	Mr. Hiroshi Suzuki, JBIC

Lĩnh vực cải cách	Mục tiêu	Nhà tài trợ	Hiện trạng	Ngày bắt đầu	Liên hệ
và nhỏ.	các chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ				hir-suzuki@jbic.go.jp
	Dự án tài trợ cho SME	JBIC	Đang thực hiện	1999	Mr. Hiroshi Suzuki, JBIC hir-suzuki@jbic.go.jp
	Tín dụng cho DN vừa và nhỏ, NH Công thương	KfW	Đang thực hiện	2001	Mr. Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Quỹ phát triển SME Việt nam	Ủy ban Châu Âu	Đang thực hiện	2003	Francisco Fontan, EC Francisco.Fontan@cec.eu.int
Các tổ chức cho vay chính sách					
Khuôn khổ hoạt động	Hỗ trợ toàn diện cho cải cách và tái cơ cấu quỹ hỗ trợ phát triển.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	đang xem xét	2003	James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
	Hỗ trợ toàn diện cho việc cải cách và phát triển Ngân hàng chính sách xã hội.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	đang xem xét	2003	James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
Các tổ chức tài chính vi mô					
Tiếp cận với tài chính vi mô	Hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo và kỹ thuật để cải tiếp cận với các dịch vụ tài chính chính thức cho những hộ có thu nhập thấp	CIDA	Đang thực hiện	12/ 1997	Claude Goulet, CIDA Claude.goulet@dfait-maeci.gc.ca
	Hỗ trợ thành lập mạng lưới quỹ tín dụng nhân dân.	CIDA	Đã hoàn thành	1994	Claude Goulet, CIDA Claude.goulet@dfait-maeci.gc.ca
	Tạo khung cơ chế cho tài chính vi mô	ADB	Đang thực hiện	08/ 2002	Brett Coleman, ADB Bcoleman@adb.org
	Hỗ trợ kỹ thuật và vốn vay để giúp đỡ các doanh nghiệp ở nông thôn về mặt tài chính thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thông và Quỹ tín dụng nhân dân.	ADB	Đang thực hiện	11/ 2000	Alessandro A. Pio, ADB Apio@adb.org
	Nghiên cứu tài chính nông thôn	JBIC	đang thực hiện / đang xem xét	02/ 2003	Mr. Hiroshi Suzuki, JBIC hir-suzuki@jbic.go.jp
	Chương trình tín dụng và tiết kiệm nông thôn(Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn)	KfW	Đang thực hiện	2002	Mr. Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Xem xét Quỹ tín dụng để giảm nghèo (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn)	KfW	Đang thực hiện	2001	Mr. Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
Các tổ chức tài chính phi ngân hàng					
Thuê mua	Giới thiệu các hình thức thiê mua hoạt động và hỗ trợ đưa	ADB	đã thông qua	04/ 2003	Alessandro A. Pio, ADB

Lĩnh vực cải cách	Mục tiêu	Nhà tài trợ	Hiện trạng	Ngày bắt đầu	Liên hệ
	ra dự thảo luật về chuyển nhượng tài sản thuê mua.				Apio@adb.org
	Hội thảo và đào tạo về thuê mua tài chính.	JICA	đang thực hiện	01/ 2003	Mr.Daisuke Hosokawa, JICA d.hosokawa@fpt.vn Mr. Akira Matsumoto, JICA matsumoto@jica.org.vn
Trung gian tài chính trên thị trường.	Chương trình cho vay thứ hai với khu vực tài chính đẻ hỗ trợ phát triển các kênh thay thế của các trung gian tài chính trên thị trường(Bảo hiểm, thuê mua, chứng khoán..phát triển thị trường)	ADB	đang thực hiện	01/ 2003	Alessandro A. Pio, ADB Apio@adb.org
	Phát triển thị trường vốn	GTZ	đang xem xét	05/2004	Andreas Hauskrecht Hauskrecht@sbcglobal.net
	Trợ giúp Uỷ ban chứng khoán Nhà nước trong việc xây dựng, kết nối quá trình cổ phần hoá với việc phát triển thị trường và giáo dục nhà đầu tư.	Ngân hàng Thế giới / Quỹ tín thác ASEM	đang xem xét	2003	James Seward, World Bank Jseward@worldbank.org
	Hỗ trợ kỹ thuật cho UBCKNN để phát triển thị trường chứng khoán và thị trường vốn trung và dài hạn	Seco (Thụy sĩ)/Học viện nghiên cứu quốc tế	Đã đề nghị	2004	Barbara Jaggin, SQ Thụy Sĩ, barbara.jaeggin@han.rep.admin.ch
Các giao dịch bảo đảm	Xây dựng năng lực cho Cơ quan đăng ký các giao dịch bảo đảm	ADB	đang thực hiện	12/ 2002	Armes Adhikari, ADB Radhikari@adb.org

CẢI CÁCH THƯƠNG MẠI

Nhóm công tác gồm các nhà tài trợ, tổ chức chính phủ và phi chính phủ về cải cách thương mại đã họp thường xuyên trong 4 năm qua. Nhóm công tác ít có đại diện của chính phủ. Các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ họp trung bình 4 lần một năm.

Nhóm này được dùng để chủ yếu thảo luận về hỗ trợ kỹ thuật cho Bộ Thương mại, để trao đổi thông tin về những cải cách đang được thực hiện, và thông báo cho nhóm về những công tác phân tích và kỹ thuật liên quan đến các khía cạnh khác nhau trong cải cách thương mại, như nêu trong Bảng 1.

Nhóm hiện đang được sử dụng làm diễn đàn để phối hợp trợ giúp cho quá trình gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), xem Bảng 2.

Đáp ứng các tiêu chí thành công và hỗ trợ cho CLTT&GN

- Chính phủ tiếp tục tự do hoá xuất nhập khẩu và nhìn chung đang thực hiện cải cách thương mại – thậm chí còn nhanh hơn dự kiến trong một số lĩnh vực. Chính phủ đã đặt ra mục tiêu là gia nhập WTO vào năm 2005.

- Một số nhà tài trợ đang cấp vốn cho những hoạt động chuẩn bị để Việt Nam sớm gia nhập WTO.

- Các nhà tài trợ khác nhau cũng thông qua nhóm trình bày các chương trình của mình nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho cải cách thương mại (Sáng kiến về Tính cạnh tranh của Việt Nam, Hỗ trợ cho dự án điều chỉnh thương mại và cải cách (STAR) của USAID, dự án xúc tiến thương mại của Trung tâm Thương mại quốc tế, và hợp tác của Ngân hàng Thế giới với Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn về mức động sẵn sàng gia nhập WTO của Việt Nam).

- Mặc dù có đại diện của chính phủ tham gia các cuộc họp của nhóm, nhưng tiến bộ trong việc tăng cường sự tham gia và vai trò lãnh đạo của họ còn ở mức khiêm tốn.

Gắn hỗ trợ với CLTT&GN trong 12 tháng tới

- Nhóm sẽ tiếp tục đóng vai trò là một diễn đàn trao đổi ý tưởng và trình bày những dự án và nghiên cứu chính theo kế hoạch, đồng thời phổ biến các kết quả và kết luận từ những nghiên cứu đã được hoàn thành và những công tác phân tích khác.

- Nhiều thay đổi trong chính sách thể hiện trong CLTT&GN đã phản ánh những kiến nghị từ các nghiên cứu xuất phát từ công việc của các thành viên trong nhóm. Trong đó bao gồm những kế hoạch xoá bỏ hạn chế định lượng, giảm thuế quan, đơn giản hoá và hợp lý hoá các thủ tục hải quan.

- Nhóm sẽ tiếp tục chú trọng vào việc chia sẻ thông tin về những vấn đề chính sách mới quan trọng và những công tác kỹ thuật cũng như phân tích về cải cách thương mại ở Việt Nam do các thành viên thực hiện, bao gồm chuẩn bị hội nhập WTO, và thực hiện Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ.

Các tiêu chí thành công cho năm 2004 và sau đó

- Tiếp tục thực hiện cải cách thương mại và tìm hiểu rộng rãi về chương trình trong cộng đồng tài trợ.

- Có sự tham gia thường xuyên và nhiều hơn của chính phủ vào hoạt động của nhóm, bao gồm cả vai trò lãnh đạo giống như trong nhóm công tác về ngân hàng và về Đánh giá chi tiêu công.

Hỗ trợ cải cách thương mại

Bảng 1

Nhà tài trợ/ Số tiền tài trợ hoặc cho vay	Mục đích	Tình trạng
AFD/DREE (Pháp) **3,000,000 EUR**	Chương trình thúc đẩy năng lực thương mại của Việt nam	2003-2005
Bỉ **89,000 US$**	Đánh giá ảnh hưởng kinh tế xã hội của việc gia nhập WTO	đang thực hiện
CIDA (Canada) **860,000 US$**	Tăng cường khả năng của Bộ Tư pháp trong việc xác định và phát triển pháp luật, bao gồm những chỉnh sửa các luật hiện hành cho phù hợp với các yêu cầu gia nhập WTO	2002-2007
CIDA (Canada) **US$ 5,800,000**	Chương trình hội nhập kinh tế ở Đông Nam Á sẽ bao gồm 6 nước (Thái lan, Phillippin, Indonesia, Campuchia, Việt nam, Lào) để phát triển năng lực của các nước để đáp ứng các nghĩa vụ với WTO và hội nhập kinh tế với hệ thống thương mại quốc tế trong các lĩnh vực: thương mại hàng hoá nông nghiệp, tạo điều kiện thương mại và quản lý hải quan, GATS và các dịch vụ tài chính.	2003-2008
Uỷ ban Châu Âu ***3.10.,000 EUR***	Chương trình hỗ trợ chính sách thương mại đa phương (MUTRAP) - Đào tạo chính sách thương mại và khuôn khổ WTO/ Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến thương mại dịch vụ và nông nghiệp - Hỗ trợ về quản lý quá trình gia nhậpWTO cho Bộ thương mại - Nghiên cứu về ảnh hưởng của tự do hoá dịch vụ - Bồi dưỡng kiến thức về Nghị trình phát triển Doha - Thiết lập đầu mối giải đáp về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) và các quy định về vệ sinh dịch tễ (SPS).	đang thực hiện 2001-2004
Uỷ ban Châu âu **5,100,000 EUR**	Chương trình hỗ trợ chính sách thương mại đa phương (Giai đoạn II) Tăng cường khả năng của Chính phủ và các bên hữu quan Việt Nam về quản lý gia nhập WTO và thực hiện những cam kết và thách thức của các Hiệp định có liên quan đến thương mại quốc tế (Các hoạt động tương tự như MUTRAP giai đoạn I)	Kế hoạch 2004
Uỷ ban Châu âu **1,700,000 US$** **(riêng phần về Việt nam)**	Chương trình hợp tác EU-ASEAN về quyền sở hữu trí tuệ. Mục tiêu chung của chương trình EU/ASEAN là tăng cường thương mại và đầu tư EU/ASEAN. Mục tiêu cụ thể là đạt được sự hợp tác mạnh mẽ hơn về kinh tế bằng việc nâng cao hệ thống quyền sở hữu trí tuệ cho phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực cao nhất của quốc tế	1999-2006

Pháp – Bộ Ngoại giao **1,850,000 US$**	Chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho NCIEC các Bộ liên quan tới hội nhập kinh tế và gia nhập WTO	2003-2006
Italy **400,000 US$**	Hỗ trợ phát triển chính sách trợ giá và chống trợ giá trong bối cảnh gia nhập WTO	2002 - 2003
NZAID (New Zealand) **185,000 US$**	Đào tạo tiếng Anh cho các chuyên gia chính sách thương mại Học bổng cho đào tạo cao học tại trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội với các đề tài về tự do hoá thương mại.	Đang thực hiện đang thực hiện
Sida (Thuỵ điển) **200,000 US$**	Hỗ trợ kỹ thuật về quy tắc xuất xứ	đang thực hiện
Sida (Thuỵ điển) **47,500 US$**	Đẩy mạnh khả năng nghiên cứu cho Viện Thương Mại Việt Nam	đang thực hiện - 2005
Thuỵ sỹ (seco) **300,000 US$ một năm.**	Tư vấn Chính sách cho quá trình gia nhập WTO của Việt nam	đang thực hiện
Thuỵ sỹ (seco) (ITC thực hiện) **2,000,000 US$**	Hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu. Hỗ trợ Chính phủ trong xúc tiến thương mại cả ở TW và địa phương.	Giai đoạn 2: đang chuẩn bị Giữa năm 2003 – 2006
Thuỵ sỹ (seco) **1,800,000 US$**	Hỗ trợ kỹ thuật trong việc cưỡng chế thực hiện quyền sở hữu trí tuệ tuân theo các Hiệp ước quốc tế	đang thực hiện
UNDP **3,000,000 US$**	Quản lý toàn cầu hoá một cách công bằng	2002 – 2005
USAID (Hoa kỳ) **8,000,000 US$**	Hỗ trợ chương trình thúc đẩy thương mại (STAR). Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong cải cách chính sách và pháp luật cho phù hợp với những cam kết về thương mại và đầu tư theo Hiệp định thương mại (HĐTM) song phương Việt – Mỹ	2001-2004
USAID (Hoa kỳ) **2,000,000 US$**	Chương trình hợp tác, trao đổi Luật và thương mại với sự hỗ trợ của Hội đồng thương mại Việt-Mỹ cho việc thực hiện HĐTM, tập trung cụ thể vào các cam kết HĐTM liên quan đến các nguyên tắc của WTO	2002-2004
Ngân hàng Thế giới	Làm việc với Trung tâm Khoa học xã hội nhân văn quốc gia để đánh giá sự sẵn sàng gia nhậpWTO của Việt nam	đang thực hiện.

Bảng 2: Hội nhập WTO của Việt nam: Tổng kết các chương trình hỗ trợ kỹ thuật (xấp xỉ 57 triệu USD)

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
ADB	Phân tích chính sách công nghiệp và thuế quan.		8-10/2003							ADB
ADB	Tăng cường năng lực cho Bộ Tài chính để hỗ trợ việc phân tích (thuế quan, công nghiệp và trợ cấp) cho việc gia nhập WTO.		Đang trong kế hoạch			Xây dựng khả năng chỉ đạo phân tích chính sách thuế quan của BTC; xem xét và đánh giá chi tiết các chương trình hỗ trợ hiện tại của Chính phủ, cụ thể là hỗ trợ tài chính như các trợ cấp trong nội dung gia nhập WTO; đề đạt lên chính phủ những phương thức/biện pháp để giải quyết các vấn đề này; giúp đỡ BTC đẩy mạnh việc gia nhập và thực hiện WTO.				ADB
Australia	Dự án xây dựng năng lực khu vực về WTO của AusAID	3.000.000 – 5.000.000 AUD	/2004 /2006		Phân tích chính sách và xây dựng khả năng cho 4 nước ASEAN được lựa chọn	Hỗ trợ một chương trình xây dựng năng lực liên quan đến WTO	Đào tạo Nghiên cứu Phân tích chính sách			AUSAID
Australia	Chương trình AusAid-Bộ NN&PTNT xây dựng năng lực chuẩn bị cho WTO và đào tạo liên quan đến WTO theo thể thức CEG	600.000 USD	/2003 /2005-	Các hiệp định về nông nghiệp	Xây dựng năng lực trong Phân tích chính sách và nghiên cứu	Cải thiện hiểu biết về hệ quả của hội nhập; xây dựng chính sách để tối ưu hoá kết quả hội nhập.	Nghiên cứu chính sách Hội thảo đào tạo	Bộ NN& PTNT	Bộ NN& PTNT	Chính Phủ úc và Việt nam
Australia	Xây dựng khả năng hội nhập của Việt Nam với kinh tế thế giới trong vấn đề chống bán phá giá theo thể thức CEG	393.032 USD	2003-2004	Hiệp định chống phá giá	Phát triển chính sách	Cải thiện năng lực xây dựng chính sách	Phát triển chính sách	Bộ Thương mại		
Australia	Chương trình xây dựng năng lực về SPS (Các tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ) cho khu vực của AusAid	3.000.000 AUD	/2004 /2006	Các hiệp định SPS	Tăng cường năng lực cho 8 nước ASEAN trong việc kiểm dịch cây trồng và vật nuôi liên quan đến thương mại.	Xây dựng năng lực về tham gia thị trường	Nghiên cứu, điều tra, sách, hội thảo và các chương trình giảng dạy các vấn đề SPS	Chưa rõ		AUSAID

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
Bỉ	Tác động của hội nhập WTO tới kinh tế-xã hội, môi trường và tự do hoá thương mại.	100.000 EUR		Môi trường			-Đánh giá tác động về kinh tế xã hội của quá trình hội nhập WTO của Việt nam; đánh giá những tác động tới môi trường.			
Canada	Chương trình hội nhập kinh tế APEC (APEC/EIP)	9.000.000 đô la Canada	/2004 /2008		Xây dựng năng lực	Hỗ trợ xây dựng năng lực cho một số nền kinh tế đang phát triển của APEC tại Đông Nam á để đàm phán việc gia nhập WTO và/hoặc thực hiện những cam kết với WTO	Đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật có liên quan WTO, phát triển các diễn đàn học tập khu vực.	Conferen-ce Board of Canada	Các cơ quan chức năng Việt nam và 5 nước thành viên APEC khác	
Canada	Dự án hỗ trợ cải cách pháp luật. (LERAP)	4.995.000 đô la Canada	/2001 /2006		Xây dựng năng lực	-Hỗ trợ Chính phủ Việt nam trong xúc tiến tuân thủ luật pháp bằng việc nâng cao tính hiệu quả, sự liên kết và minh bạch của hệ thống luật pháp	Tăng cường năng lực pháp lý cho hội nhập kinh tế quốc tế và việc thực hiện các xét xử dân sự; Đẩy mạnh năng lực nghiên cứu và phân tích luật so sánh	Bearing Point và trường đại học Victoria	Bộ Tư pháp	
Đan Mạch	Hỗ trợ chương trình nông nghiệp/ đánh giá của WTO và đào tạo những vấn đề liên quan.	330.000 USD	5/2002 – 5/2004		Đào tạo việc đánh giá và các vấn đề liên quan WTO			Bộ NN&PTNT/ Nhân viên dự án Phạm Thị Hồng Hạnh		DANIDA
Uỷ ban Châu âu	Chương trình hỗ trợ chính sách thương mại đa phương.(MUTRAP)	3.250.000 EUR	01/2001-3/2004		Xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn	Hỗ trợ quan chức Việt nam tại các phòng hoạch định chính sách của các Bộ giải quyết vấn đề chính sách thương mại đa phương.	Đào tạo các vấn đề WTO, nghiên cứu ảnh hưởng của tự do hoá dịch vụ, trau dồi kiến thức về vấn đề phát triển Doha, thiết lập hàng rào kỹ thuật cho thương mại và vệ sinh dịch tễ, đào tạo thẩm phán giải quyết về thương mại và các vấn đề liên quan, xây dựng chuyên ngành về			

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
							Luật thương mại trong các trường đại học, và kỹ thuật đàm phán.			
Uỷ ban Châu âu	Chương trình hỗ trợ chính sách thương mại đa phương II.(MUTRAPII)	5.100.000 Euro	2004-2007		Xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn	Dự án nhằm nâng cao năng lực của chính phủ và những cơ quan liên quan của Việt nam trong quản lý quá trình gia nhập WTO và thực hiện được những cam kết cũng như vượt qua những thách thức trong hội nhập thương mah thế giới và khu vực	Các lĩnh vực cụ thể: luật, chính sách, xây dựng năng lực, đào tạo, nông nghiệp, dịch vụ (nói chung và từng lĩnh vực nói riêng), SPS (động vật, thực vật, y tế, ngư nghiệp/TBT - các vấn đề theo ngành ngang (luật, mạng lưới xây dựng năng lực và chương trình giảng dạy, thông tin và hiểu biết, thương mại và môi trường, giới, các vấn đề xã hội	Vụ Chính sách thương mại đa phương, BTM	Các bộ liên quan	
Uỷ ban Châu âu	Chương trình hợp tác quyền sở hữu trí tuệ EU-ASEAN	Chưa có	1999-2006			Nâng cao đầu tư và thương mại của EU/ASEAN để đạt được sự hợp tác kinh tế mạnh mẽ hơn bằng việc nâng cấp hệ thống quyền sở hữu trí tuệ của các nước ASEAN cho phù hợp với các tiêu chuẩn và sự thực hiện cao nhất của quốc tế.	Hội thảo, đào tạo và nghiên cứu.	----	Bộ KHCN (Cục sở hữu trí tuệ)	---
Phần Lan	Chương trình hỗ trợ xây dựng năng lực cho Bộ Thương mại	8.500.000 Mark Phần lan	2001-2003			Hỗ trợ bộ thương mại nâng cao năng lực của cán bộ trong hình thành và quản lý chính sách.	Cung cấp các chương trình đào tạo và tư vấn đào tạo về hình thành và thực hiện các chính sách và chiến lược thương mại. Hỗ trợ nâng cấp hệ thống thông tin của Bộ thương mại.			
Pháp	Hỗ trợ kỹ thuật cho	1.600.000	1/2002-	Các Luật	Xây dựng năng lực	Đào tạo và hỗ trợ xem xét nâng cao	Đào tạo và nghiên	NCIEC	NCIEC	Bộ Ngoại Giao,

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
	NCIEC và các bộ liên quan đến hội nhập kinh tế và gia nhập WTO accession	EUR	11/2005		quản lý pháp luật	năng lực hệ thống pháp luật và hỗ trợ truyền thông	cứu			Pháp
CHLB Đức	Việt Nam gia nhập WTO: Chuẩn bị cho sự cạnh tranh trong môi trường mới.		10/2003		Hội thảo về các hiệp định về trợ giá, quy định chống phá giá, ảnh hưởng với kinh doanh và tranh chấp thương mại		Hội thảo	NCIEC		Bộ hợp tác kinh tế và phát triển Đức.
CHLB Đức	Hỗ trợ cải cách kinh tế (Dự án GTZ/CIEM)	5.624.211 EUR	10/1993 03/2003		Cố vấn kinh tế Economic advice	Cố vấn kinh tế cho chính phủ thông qua hỗ trợ Viện QLKTTW. Một trong 4 kết quả đạt được của giai đoạn hiện nay là " Các điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới của Việt nam đã được cải thiện"	Tư vấn	Viện quản lý Kinh tế TW	Nhóm hoạch định chính sách của chính phủ, của Đảng và các đơn vị hành chính TW và địa phương.	GTZ
IMF	Khía cạnh luật pháp của các thiết chế tài chính quốc tế.		Hội thảo hàng năm.		Bao quát các khía cạnh về tổ chức, cơ chế và luật pháp của thiết chế tài chính quốc tế và WTO	Nâng cao năng lực cho các luật sư cao cấp phù hợp với các khía cạnh luật pháp của các thiết chế tài chính quốc tế và thành viên WTO	Hội thảo	IMF-JVI	NHNN, BTC, BTP	IMF
IMF	Nhiệm vụ thống kê cán cân thanh toán.		9/2003		Thống kê về thương mại, đầu tư, thu nhập, trợ cấp và đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Nâng cao độ chính xác của các thống kê BOP với thông lệ quốc tế	Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật	IMF	NHNN, TCTK, Bộ Thương mại, và Bộ KH&ĐT	IMF
IMF	Xem xét khoản VIII		6/2003 - ?		Loại bỏ tất cả các chế về ngoại hối theo khoản 8 của hiệp định với IMF	Xác minh xem Việt nam có phải là môi trường đầu tư và thương mại quốc tế mở cửa và công bằng không.		IMF	NHNN, TCTK, Bộ Thương mại, và Bộ KH&ĐT	IMF

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
Italy	Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho việc tăng cường thể chế, tạo điều kiện cho Việt nam gia nhập WTO.	EUR 786.202	01/2003-07/2003 (dự tính)			Tăng cường kỹ năng và kiến thức của các nhà làm luật và chính sách của VIệt nam trong nghiên cứu và tổ chức các kiến thức đã biết để phát triển các chính sách trợ giá và các biện pháp chống trợ giá dài hạn và các quy định cụ thể bắt buộc của WTO hỗ trợ cho sản xuất trong nước khi thiết lập sự cạnh tranh công bằng cho các nhà sản xuất trong nước.	Khoá đào tạo cơ bản Hoạt động tiếp theo và hội thảo đánh giá. Khoá đào tạo theo yêu cầu cụ thể gồm 4 giai đoạn. Tham gia các khoá học về thương mại của WTO thông qua học bổng Hội thảo tiếp theo và đánh giá Hội thảo cuối kỳ báo cáo kết quả đào tạo.			
Nhật Bản	Chương trình hỗ trợ kỹ thuật với các vấn đề WTO	---	/2001 /2003	GATS, các biện pháp tự vệ, bảo hộ, quyền SHTT và cạnh tranh	Phát triển nguồn nhân lực	Hỗ trợ xây dựng năng lực thực hiện các hiệp định WTO	Hội thảo với các chuyên gia Nhật Bản	Vụ Đa biên, Bộ thương mại	Cơ quan thành viên của NCIEC	JICA
Nhật bản	Đào tạo về WTO trong khu vực APEC		/2002 /2004	TBT, chống phá giá, an toàn, SPS	Phát triển nguồn nhân lực	Đào tạo các quan chức Chính phủ để cải thiện kiến thức cơ bản về các hiệp định WTO riêng lẻ. To train government officials to improve the basic knowledge of the individual WTO agreement	Đào tạo tại Nhật	Bộ KH&ĐT	Quan chức Chính phủ	JICA
Nhật bản	(*5)Dự án hiện đại hoá IPA	Chưa có	04/2000 03/2004	TRIPS	Xây dựng năng lực thể chế	Phát triển đào tạo nhân viên bảo dưỡng hệ thống máy tính, nhân viên quản lý của cơ quan quản lý sở hữu công nghiệp, các cán bộ kiểm tra việc ứng dụng đúng qui cách , đăng ký kiểm tra thực tế và , cấp phép xuất bản	Trao đổi chuyên gia Nhật bản, các cán bộ Việt Nam, cung cấp thiết bị	Cục SHTT	Cục SHTT/Bộ KHCN	JICA
Nhật bản	Dự án hiện đại hoá quản lý hải quan		/1998 /2003		Xây dựng năng lực thể chế	Xây dựng năng lực cho Tổng cục Hải quan Việt nam trong việc hiện đại hoá các thủ tục hải quan	Trao đổi chuyên gia Nhật bản, các cán bộ Việt Nam	Tổng cục Hải quan	Quan chức Chính phủ	JICA

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
Hàn quốc	Hợp tác tri thức: Chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế và quản lý khủng hoảng của Hàn quốc với các nước đang phát triển.	Khoảng 200.000 USD (Theo sự chuẩn bị)	2003-2004		Các vấn đề chung WTO và sự điều chỉnh kinh tế.	Chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế của Hàn Quốc, kế hoạch phát triển kinh tế, những khủng hoảng về tài chính, điều chỉnh sự thực hiện và các chương trình tái cơ cấu. Giúp các nhà hoạch định chính sách của các nước đang phát triển có được kiến thức lý thuyết và thực tiễn để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế và khắc phục khủng hoảng tài chính.	Các nhà tư vấn được chọn sẽ được cử tới cho Việt nam, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm liên quan đến các vấn đề khác nhau, đặc biệt là quá trình phát triển kinh tế.	Bộ Thương mại	Bộ Thương mại và các bộ có liên quan khác	Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc Korean
New Zealand	Đào tạo tiếng Anh cho các chuyên gia về chính sách thương mại. Cấp học bổng cho chương trình đào tạo cao học tại trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội với các đề tài về tự do hoá thương mại.	185.000 NZD	Đang thực hiện Đang thực hiện							
Singapore	Viện thương mại quốc tế của Singapore				Tạo cơ hội cho thương mại, hỗ trợ kỹ thuật	Cung cấp các trung tâm tư vấn, nghiên cứu và đào tạo hàng đầu cho các chương trình đào tạo được xây dựng, các khoá học, hội thảo về kinh doanh và thương mại quốc tế để giúp các công ty duy trì khả năng cạnh tranh (ưu tiên hàng đầu của ASEAN cho CLMV)	Đào tạo, nghiên cứu, tư vấn và hội thảo		Các công ty, nhân viên của các cơ quan liên quan	Singapore Trade
Sida (Thuỵ điển)	Hỗ trợ kỹ thuật về quy tắc xuất xứ	Khoảng 200.000 EUR	9/2003-6/2004	Quy tắc xuất xứ	Xây dựng năng lực	Xem xét khung pháp luật của quy tắc xuất xứ, các trường hợp điển hình và đi khảo sát ở Thuỵ điển	Hội thảo, đào tạo.	NCIEC	Các thành viên NCIEC	Sida
Sida (Thuỵ điển)	Đẩy mạnh khả năng nghiên cứu của Viện thương mại Việt nam	---	Đang thực hiện - 2005		Xây dựng năng lực		Đào tạo, nghiên cứu	VIT		Sida
Thuỵ sỹ	Chương trình xúc tiến nhập khẩu của Thuỵ sĩ (SIPPO)	1.500.000 USD	04/1999 03/2003		Xây dựng năng lực xúc tiến xuất khẩu	Giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt nam trong nỗ lực hội nhập thị trường Thuỵ sỹ và Châu Âu.	Hỗ trợ kỹ thuật, thông tin đào tạo và các liên hệ.	SIPPO	Các doanh nghiệp vừa và nhỏ	SIPPO

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
Thuỵ sỹ	Tư vấn chính sách cấp cao cho quá trình gia nhập WTO của Việt Nam	2.100.000 USD	4/1997 4/2004		Khả năng đàm phán	Tăng cường khả năng đàm phán chiến thuật của các nhà hoạch định chính sách của Việt nam trong việc gia nhập WTO	hỗ trợ kỹ thuật	Mr. Dunkel, IDEAS-thương mại quốc tế, quản lý kinh tế, dịch vụ tư vấn	Bộ Tài chính	Mr. Dunkel
Thuỵ sỹ	(5*) Chương trình hợp tác đặc biệt trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.	1.800.000 USD	01/2002 12/2003	TRIPS		Giúp Việt nam thực hiện đầy dủ các nghĩa vụ trong các hiệp định quốc tế về sở hữu trí tuệ, bao gồm Hiệp định TRIPS , WTO.	hỗ trợ kỹ thuật trong việc cưỡng chế thực hiện quyền sở hữu trí tuệ	Cơ quan liên bang Thuỵ sỹ về sở hữu trí tuệ, Cục SHTT, Công ty Tư vấn Thụy sĩ	Cục SHTT	Cơ quan liên bang Thuỵ sỹ về sở hữu trí tuệ
Thuỵ sỹ	Hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu	2.000.000 USD	1/2003 1/2003		Thúc đẩy xuất khẩu	Hỗ trợ VIETRADE, các cơ quan xúc tiến thương mại và các doanh nghiệp xuất khẩu nắm được cơ hội thuận lợi cho xuất khẩu nhờ tự do hoá thương mại và hội nhập kinh tế	Nâng cao khả năng xúc tiến xuất khẩu	ITC, VIETRADE	VIETRADECơ quan hỗ trợ thương mại và các doanh nghiệp xuất khẩu	ITC
Thuỵ sĩ (seco)	Cố vấn chính sách cho việc gia nhập WTO của Việt nam		đang thực hiện							
Thuỵ sĩ (seco) (ITC thực hiện)	Hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu Hỗ trợ chính phủ trong việc xúc tiến thương mại cả ở Trung ương và địa phương. Giai đoạn 2 : đang chuẩn bị		Giữa năm 2003 – 2006							
Thuỵ sỹ (seco)	Hỗ trợ kỹ thuật trong việc thực hiện các Luật về quyền sở hữu trí tuệ như nêu trong các hiệp		Đang thực hiện							

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
	ước quốc tế									
UNDP	Quản lý hội nhập của Việt nam tiến tới kinh tế toàn cầu (Giai đoạn 1: Nghiên cứu hội nhập)	230.000 USD	10/2001 9/2003		Nghiên cứu và điểm lại tình hình	Điểm lại quá trình hội nhập của Việt nam, những hiệp định thương mại và có liên quan đến thương mại đã được ký kết như Hiệp định thương mại Việt-Mỹ, AFTA, PEC, PRSC với WB, s PRGF với IMF và gia nhập WTO. Đưa ra lộ trình hội nhập.	Nghiên cứu hội nhập	NCIEC	Cơ quan thành viên NCIEC	UNDP
UNDP	Nghiên cứu hội nhập kéo dài: Xem xét lại luật Thương mại	$55.000	2003		Cải cách luật pháp và xây dựng năng lực	Sửa đổi luật Thương mại nhằm tạo sân chơi bình đẳng cho các hoạt động thương mại và để phù hợp với các quy định của WTO	Nghiên cứu sâu hiện trạng của luật Thương mại trong các mối liên hệ với các luật khác và sự nhất quán với hiệp định WTO và các yêu cầu của hiệp định thương mại song phương. Góp ý về các thay đổi trong luật Thương mại	NCIEC	Bộ Thương mại	UNDP
UNDP	Luật Cạnh tranh	$200.000	2001-2003	Chính sách cạnh tranh	Cải cách luật pháp và xây dựng năng lực	Hỗ trợ soạn thảo và hoàn thành bộ luật Cạnh tranh đầu tiên	Hỗ trợ kỹ thuật từ UNDP/UNCTAD và các chuyên gia quốc tế về cạnh tranh để xem xét các bản thảo của bộ luật. Tổ chức một số chương trình giới thiệu luật và chính sách cạnh tranh. Thực hiện nghiên cứu về độc quyền của nhà nước áp dụng cho 5 ngành	BTM	Vụ Luật pháp BTM và Ban soạn thảo	UNDP
UNDP	Tăng cường năng lực cho quản lý và xúc tiến thương mại trong dịch vụ tại Việt nam trong bối cảnh hội nhập	$2.550.000	2003-2005	GÁT	Xúc tiến quá trình hội nhập khu vực và toàn cầu	- Xây dựng một chiến lược phát triển toàn diện cho khu vực dịch vụ. - Cải tiến luồng thông tin về thương mại và dịch vụ và nâng cao nhận thức chung về các cải cách cần thiết trong lĩnh vực dịch vụ - Tiến hành nghiên cứu về tác động của	Hỗ trợ kỹ thuật để hình thành chiến lược phát triển toàn diện cho lĩnh vực dịch vụ trong bối cảnh Việt nam hội nhập kinh tế thế giới	Vụ Thương mại và Dịch vụ, BKH&ĐT	BKH&ĐT và các cơ quan liên quan	UNDP

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
						tự do hóa thương mại dịch vụ và về tính cạnh tranh của một vài lĩnh vực dịch vụ cụ thể - Tăng cường nguồn nhân lực và năng lực thể chế trong thương mại dịch vụ; - Hỗ trợ kỹ thuật cụ thể cho quá trình đàm phán gia nhập WTO/GATS -	để đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ lâu dài của các ngành liên quan trong quá trình hoạch định và thực hiên các chính sách cho khu vực dịch vụ			
UNDP	Đào tạo và nghiên cứu xây dựng năng lực cho VN trong thương mại và hoạch định chính sách	$300.000	2003	GATT, GATS, Nông nghiệp, S&D, thương mại	Xây dựng chương trình đào tạo và năng lực	Nhằm nâng cao năng lực của những người VN chuyên về đào tạo trong áp dụng những công cụ của UNCTAD/Ngoại giao Thương mại liên quan đến WTO vào các số liệu, luật pháp, cấu trúc kinh tế và nhu cầu phát triển của địa phương	Tiến hành một loạt các khóa học về một số các vấn đề chọn lọc liên quan đến chương trình kinh tế thế giới, gia nhập WTO, đào tạo những người đi đào tạo về chính sách thương mại Giảng viên và các nhà nghiên cứu của các trường đại học quốc gia nghiên cứu về các vấn đề liên quan tới WTO trong nông nghiệp, thương mại dịch vụ, tham gia thị trường...	UNCTAD	Các trường đại học	UNDP
UNDP	Tạo một sân chơi bình đẳng cho các hoạt động thương mại nhằm hỗ trợ tự do hóa thương mại tại VN	$2.000.000	Đang chuẩn bị	Sửa đổi luật cho phù hợp với các nghĩa vụ trong hiệp định WTO	Soạn thảo và thực thi các luật thương mại (luật Thương mại, luật Cạnh tranh, quy định chống phá giá, quy định về thương mại điện tử...)	Hình thành cơ sở và môi trường phù hợp cho các luật thương mại phục vụ cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt nam				
UNDP	Quản lý hội nhập của Việt nam tiến tới kinh tế toàn cầu (Giai đoạn 2: Khoảng cách về khả năng, giai đoạn 3: đi	Đang xem xét	/2003 /2005 (dự kiến)		Xây dựng năng lực và thể chế	Phát triển một nền kinh tế trên diện rộng, tăng cường tính cạnh tranh của nền kinh tế, tăng cường nguồn lực con người và năng lực cơ chế.		NCIEC	Các cơ quan thành viên NCIEC	UNDP

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
	nghiên cứu Và giai đoạn 4: Luật thương mại)									
Hoa kỳ	Hỗ trợ chương trình tăng tốc thương mại. (STAR)	7.900.000 USD	09/2001 09/2004	Thương mại hàng hoá và dịch vụ, định giá hải quan, sự minh bạch, quyền kháng cáo, mối quan hệ đầu tư, bảo hộ quyền SHTT, giải quyết tranh chấp và trọng tài.	STAR mang tính hướng cầu, đáp ứng những vấn đề cơ bản đang thực hiện được yêu cầu bởi các cơ quan Nhà nước..[1]	Hỗ trợ những nỗ lực của Chính phủ Việt nam trong việc tiến hành cải cách nhằm thực hiện thành công HĐTM Việt-Mỹ; Giúp đỡ Việt nam trong nỗ lực gia nhập WTO	Hỗ trợ kỹ thuật cho các vấn đề kinh tế và pháp luật, hỗ trợ chính sách, hội thảo, và đào tạo, cung cấp sách hướng dẫn và tài liệu tham khảo, những chuyến đi nghiên cứu, hỗ trợ nghiên cứu kinh tế và pháp luật.	Ban chỉ đạo của Chính phủ cho chương trình thực hiện HĐTM, do Văn phòng chính phủ chủ trì và bao gồm 9 cơ quan nhà nước.	Được chỉ định làm việc với 42 cơ quan nhà nước bao gồm các Bộ, Văn phòng Quốc hội, Toà án tối cao và 10 Uỷ ban nhân dân	USAID

[1] HĐTM Việt nam – Hoa kỳ bao gồm nhiều điều khoản như của WTO, với yêu cầu lớn hơn trong đầu tư, và ít hơn trong hỗ trợ nông nghiệp, mức thuế, trợ cấp và chống phá giá. Lĩnh vực trọng tâm chủ yếu trong nghiên cứu của chương trình STAR , như Ban Chỉ Đạo đòi hỏi hiện nay, bao gồm: đối với thương mại hàng hoá: cải cách hải quan, trọng tài thương mại, thương quyền, hàng rào phi thuế quan, SPS, TNT, tự vệ; đối với quyền SHTT bao gồm – phù hợp với 5 qui ước quốc tế về quyền SHTT và sự cưỡng chế thực hiện TRIPS, bao gồm ccủng cố các thủ tục của toà án, kỹ năng và qui trình xét xử, các chế tài cưỡng chế thi hành án, công bố các quyết định của Toà án; trong ngành dịch vụ gồm: tuân theo GATS và phụ lục về viễn thông, dịch vụ tài chính, thể nhân, tài liệu tham chiếu viễn thông, và tự do hoá liên doanh và mở cửa thị trường trong hơn 30 ngành dịch vụ bao gồm ngân hàng, bảo hiểm, viện thông, dịch vụ chuyên nghiệp, xây dựng, giáo dục, sức khoẻ và dịch vụ du lịch; đầu tư bao gồm: TRIMS với các đòi hỏi xuất khẩu, bảo hộ đầu tư, quy trình giải quyết tranh chấp đầu tư, thủ tục đầu tư, xoá bỏ phân biệt đối xử về giá, các vấn đề quản trị doanh nghiệp; sự minh bạch gồm: luật ban hành luật để áp dụng chung, quy tắc lấy trưng cầu đối với các dự thảo luật, quyền kháng cáo đối với những biện pháp hành chính, các vấn đề chung bao gồm: giao dịch qua biên giứoi không phân biệt đối xử. Thương mại dịch vụ và hàng hoá, sự minh bạch, quan hệ đầu tư, bảo hộ quyền SHTT, giải quyết tranh chấp.

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan quản lý	Đối tượng thụ hưởng	Cơ quan cấp vốn
Hoa kỳ	Chương trình hợp tác,trao đổi Luật và thương mại	USD 1.950.000	2002 - 2005			Hỗ trợ chính phủ trong việc thực hiện HĐTM Việt-Mỹ, trọng tâm vào các nguyên tắc WTO và thông lệ quốc tế. Điều này rất quan trọng cho việc hội nhập nền kinh tế thế giới một cách toàn diện bao gồm cả gia nhập WTO		Diễn đàn thương mại của Hội đồng thương mại Việt – Mỹ và các Bộ khác nhau (như Tộ thương mại, Bộ Tư pháp…)		USAID
Viện Ngân hàng Thế giới	Phân tích về mức độ sẵn sàng gia nhập WTO của Việt Nam và hiểu biết của những bên hữu quan chủ chốt của Chính phủ		2003 -					Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia		WBI
Ngân hàng Thế giới	Xuất khẩu của Việt Nam: Thách thức và cơ hội; đánh giá các chính sách được đưa ra để nâng cao sự cạnh tranh của Việt nam		Đã hoàn thành năm 2003							

NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (SME)

Một hội nghị của Nhóm đối tác SME được tổ chức ngày 7/11 nhằm thảo luận thực trạng của SME ở Việt Nam và bổ xung thêm chương trình nghị sự phát triển SME theo sau "Hội nghị thúc đẩy hợp tác SME" do Vụ Phát triển SME của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức ngày 9/4/2003.

Hội nghị được khai mạc và đồng chủ tọa bởi Vụ Phát triển SME, Đại sứ quán Nhật Bản và UNIDO với sự tham dự của các đại biểu từ Canada, Pháp (AFD), Nhật bản (EOG, GTZ và KFW), Italy, Nhật bản, Hà Lan, Na uy, Thụy điển, Thụy sỹ (SECO và SDC), Anh quốc và Hoa Kỳ. Đại diện của Ngân hàng Phát triển Châu á, Hội đồng Châu Âu, Cơ quan Tài chính Quốc tế (IFC và MPDF), Tổ chức lao động Quốc tế, Chươngtrình Phát triển Liên Hợp quốc, Ngân hàng thế giới và các tổ chức phi chính phủ quốc tế cũng tham dự hội nghị.

Do các doanh nghiệp vừa và nhỏ và khu vực tư nhân phát triển rất nhanh và một số chương trình viện trợ trong lĩnh vực này đang được chuẩn bị, hội nghị có mục tiêu thúc đẩy sự hợp tác và điều phối trong cộng đồng tài trợ thông qua việc chia sẻ thông tin cập nhật và mang tính chiến lược và về các hoạt động của SME hiện nay và trong tương lai.

Phát biểu khai mạc của các đồng chủ toạ

- Trong diễn văn khai mạc, là một đơn vị của MPI có chức năng hoạch định các hoạt động chính sách công hiệu quả về việc phát triển SME trong nước, Vụ Phát triển SME đã nêu bật tầm quan trọng của việc củng cố cơ chế điều phối nhằm thực hiện hiệu quả các chính sách của chính phủ Việt Nam và sự hỗ trợ của các nhà tài trợ trong việc thúc đẩy khu vực tư nhân và đặc biệt là các SME. Trong bối cảnh này, Vụ Phát triển SME đề nghị cộng đồng tài trợ phối hợp hoạt động và xác định các lĩnh vực hợp tác chung.

- Để đạt được mục tiêu này, UNIDO đã xây dựng Ma trận của các Nhà Tài trợ như là một công cụ tương tác nhằm cung cấp cho tất cả các tổ chức tham gia trong lĩnh vực phát triển SME một cơ chế thông tin hợp tác và năng động: dòng thông tin hiện nay giữa các nhà tài trợ và Chính phủ liên quan đến các hoạt động của SME ở Việt Nam hiện nay dựa trên một hệ thống thư đưa ra các đầu ra mang tính mô tả và thụ động nhưng thường không được đầy đủ. Thông qua ma trận này, sau đó sẽ được đưa lên website của Vụ Phát triển SME, tất cả những người sử dụng có đăng ký sẽ đưa lên các thông tin cập nhật và thường xuyên về các sáng kiến của họ liên quan đến các ngành và các khu vực địa lý trong đất nước, cũng như thông tin liên quan khác (các dối tác quốc gia, những người thụ hưởng chính, các hoạt động chính, chi phí và tính chất các hoạt động, ngày bắt đầu và kết thúc vv..) Nhờ có công cụ đặt câu hỏi tìm thông tin, người sử dụng có thể dễ dàng truy cập được thông tin liên quan trực tiếp nhất đến chương trình của mình. Cuối cùng, Vụ Phát triển SME sẽ có thể một mặt lập bản đồ tổng kết các nguồn lực ODA, mặt khác dự kiến mức độ đóng góp của các nguồn lực ODA này đối với các chiến lược phát triển SME rộng lớn.

- Phát triển SME là một cột trụ quan trọng trong Chương trình Hỗ trợ Việt Nam (CAP) sắp tới của Nhật bản. Chương trình CAP mới xác định khu vực tư nhân và việc phát triển SME là các lĩnh vực ưu tiên trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Sự hỗ trợ của Nhật bản sẽ tập trung vào hỗ trợ chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp. Sự hỗ trợ trước đây bao gồm hoạch định chính sách, đánh giá công tác quản lý, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các SME thông qua việc phát triển các ngành bổ trợ. Sự hợp tác của JBIC nhằm hướng tới việc tăng cường khả năng tiếp cận tài chính của SME thông qua việc cải thiện mối liên hệ giữa BDS và khu vực tài chính, mở rộng các giải pháp tài chính cho các SME và thiết lập trung tâm hỗ trợ xét duyệt tín dụng. Sự giúp đỡ của JICA bao gồm cung cấp các chương trình đào tạo cho Vụ Phát triển SME với mục tiêu chia sẻ kinh nghiệm của Nhật bản với các quan chức phụ trách phát triển SME ở Việt Nam.

Trình bày các chương trình của các nhà tài trợ

- ADB hỗ trợ SME ở Việt Nam bằng hai cách: thứ nhất là thông qua sang kiến chung ADB-DFID "Làm cho thi trường hoạt động tốt hơn cho người nghèo". Sáng kiến thứ hai là hỗ trợ kỹ thuật : "Chuẩn bị cho Chương trình Phát triển SME" với việc gần đây xây dựng được một Lộ trình SME; sự hỗ trợ trong tương lai theo hướng này sẽ tập trung vào khuôn khổ điều tiết, tiếp cận tài chính và đất đai (đặc biệt cho các doanh nghiệp tư nhân), các vấn đề về tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ

- Cũng như vậy, việc thúc đẩy SME là một trong những mục tiêu chính của Chương trình quốc gia EC 2002-2005. Hợp tác EC tại Việt Nam bao gồm ba chương trình: thiết lập Qũy Phát triển SME (SMEDF II) với tổng ngân sách 20 triệu USD vốn vay và 1 triệu USD vốn hỗ trợ kỹ thuật; một Chương trình Hỗ trợ Khu vực Tư nhân (9 triệu) nhằm thúc đẩy một môi trường kinh doanh hiệu quả ở 9 tỉnh và thiết lập hai trung tâm phát triển ở Hà Nội (chế biến lương thực và đóng gói) và thành phố Hồ Chí Minh (Công nghệ thông tin); và một dự án về thị trường lao động sẽ bắt đầu năm 2004 với khoản tài trợ không hoàn lại 10 triệu USD. Chương trình sẽ được thực hiện phối hợp với GTZ.

- Hợp tác Phát triển Đức GTZ thực hiện một số cuộc đánh giá trong những tháng gần đây, đỉnh cao là các cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Đức thực hiện tháng 11 tại Đức. Cột trụ chính của khuôn khổ hợp tác là nhằm hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho SME. Chương trình hỗ trợ kỹ thuật của GTZ tập trung vào 4 lĩnh vực giải pháp: chính sách SME, phát triển kinh tế địa phương, xây dựng chuỗi giá trị và dịch vụ kỹ thuật tiên tiến. Liên quan đến viện trợ tài chính, KFW cung cấp dòng tín dụng cho các SME nông thôn (thông qua VBARD) và củng cố thị trường tài chính vi mô cho khu vực nông thôn như là một cách để thúc đẩy cải cách ở cấp địa phương và xây dựng mối liên kết giữa các doanh nghiệp chính thức và phi chính thức. GTZ và KfW hợp tác chặt chẽ với các đối tác như ADB, EU và MPDF.

- Chương trình "Khởi sự và Cải thiện doanh nghiệp của bạn" (SIYB) của ILO nhằm thúc đẩy việc phát triển tinh thần kinh doanh quy mô nhỏ ở Việt nam: Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thông qua mạng lưới chi nhánh của mình, là đầu mối quốc gia của chương trình SIYB và là đối tác thực hiện cho chương trình phát triển ba năm tới: tạo ra một môi trường kinh doanh hiệu quả, hỗ

trợ các hiệu hội kinh doanh, và củng cố mối quan hệ đối tác giữa nhà nước và tư nhân và BDS. Tổng ngân sách là 4 triệu USD

- Chương trình phát triển Khu vực Tư nhân Mekong (MPDF) theo đuổi một cách tiếp cận toàn diện trong vấn đề phát triển khu vực tư nhân bằng cách hỗ trợ trực tiếp SME thông qua cách tiếp cận thị trường BDS. Chương trình có hai cột trụ chính. Cột trụ thứ nhất liên quan đến việc kích cầu bằng cách đánh giá hoạt động, tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức, thực hiện chiến dịch quảng bá, tập trung vào thị trường mục tiêu. Cột trụ này được bổ xung bởi các hoạt động củng cố nguồn cung ứng về đào tạo kỹ thuật, quản lý cũng như đào tào tại chỗ, phát triển quan hệ đối tác và hỗ trợ về IT.

- Chương trình hợp tác mới của Hà Lan với các thị trường mới nổi đã ký kết một Biên bản Ghi nhớ với MPI tháng 8/2003 với mục tiêu thúc đẩy và tài trợ cho các dự án thí điểm trong khu vực SME, bằng cách cung cấp 50% tổng giá trị dự án cho công ty đối tác. Đối tác thực hiện phía Việt Nam là VCCI. Một trong những mục tiêu của chương trình là xác định điều kiện thuận lợi cho việc gắn kết các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp Hà Lan sẵn sàng hoạt động ở Việt Nam. Chương trình bao gồm 13 nước đang phát triển với tổng ngân sách 30 triệu USD, trong đó sẽ giành riêng cho Việt Nam 2 triệu USD.

- SNV một tổ chức phi chính phủ của Hà Lan đã thực hiện một chương trình tạo thu nhập và việc làm tại Việt Nam từ năm 1995, một nhánh của chương trình này thực hiện tại Quảng Bình, Quảng trị và Thừa thiên Huế. Nhánh chương trình này nhấn mạnh đến việc tạo thu nhập cho phụ nữ ở ba tỉnh thông qua các sáng kiến đào tạo và chương trình tài chính vi mô (với VBARD); chương trình này cũng thúc đẩy các doanh nghiệp nông thôn và phát triển một thị trường cho BDS và làm trung gian đối thoại chính sách giữa các doanh nghiệp và chính quyền.

- Sự hỗ trợ của UNDP đối với Chính phủ Việt Nam nhằm vào việc cải thiện môi trường điều tiết cho kinh doanh. UNDP hỗ trợ chủ yếu thông qua việc dự thảo các sửa đổi cần thiết cho Luật doanh nghiệp và dự thảo các nghị định thực hiện Luật doanh nghiệp. Một phần trong chương trình hoạt động về khuôn khổ pháp lý cho doanh nghiệp của UNDP còn bao gồm luật doanh nghiệp nhà nước và thực hiện luật đầu tư tại 20 tỉnh. Cuối cùng, UNDP cung hỗ trợ cho mạng lưới thông tin kinh doanh quốc gia, nghiên cứu các thị trường tư liệu sản xuất và tổ chức các hội nghị thường xuyên cho các doanh nghiệp trong nước.

- USAID đã thực hiện giai đoạn hai của "Sáng kiến Cạnh tranh Việt Nam" với tổng ngân sách 6 triệu USD với ba thành phần chính của chương trình. Thành phần thứ nhất liên quan đến chính sách và môi trường điều tiết SME với mục tiêu tạo ra các điều kiện kinh doanh thuận lợi như cải cách thuế và đất đai. Mục tiêu khác của chương trình là thúc đẩy khu vực SME tư nhân, thông qua việc xây dựng các cụm, và hỗ trợ các Hiệp hội kinh doanh. Thành phần lập kế hoạch liên quan đến việc tạo ra các điều kiện thuận lợi nhằm cải thiện thị trường cho các dịch vụ tài chính ở Việt Nam.

Kết luận

Theo kết luận của Nhóm Quan hệ Đối tác SME, những hội nghị như vậy tạo ra sự hiểu biết sâu sắc hơn và có thể là sự điều phối tốt hơn trong việc thực hiện các chương trình tài trợ phát triển SME hoặc PSD. Vụ Phát triển SME cũng đề xuất thêm rằng, hai, hoặc có thể là ba hội nghị toàn thể như vậy sẽ được tổ chức hàng năm với sự hỗ trợ của các Nhóm Công tác kỹ thuật theo đó các nhóm nhỏ các nhà tài trợ có thể tham gia vào các cuộc trao đổi thực chất hơn liên quan đến các vấn đề cùng quan tâm, như tài chính SME, môi trường kinh doanh hoặc việc thực hiện các chương trình hỗ trợ SME tại cấp địa phương.

GIÁO DỤC

Tiến độ thực hiện từ sau cuộc họp tư vấn các nhà tài trợ (Tháng 6 năm 2003)

1. **Kế hoạch của chính phủ và sự rõ ràng c ủa k ế ho ạch**

Các đối tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục ủng hộ mãnh mẽ "Kế hoạch Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010" và "Kế hoạch hành động giáo dục cho mọi người 2003-2015" của chính phủ Việt nam được Thủ tướng phê duyệt tháng 7/2003.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sở hữu mạnh mẽ của địa phương và sự phối hợp chặt chẽ khi thực hiện hai kế hoạch này sẽ giúp Việt nam đẩy nhanh tiến độ tăng trưởng và giảm nghèo.

Chúng tôi dự định sẽ gắn kết chương trình hỗ trợ của mình vào chiến lược của chính phủ Việt nam và Kế hoạch hành động giáo dục cho mọi người .

Chính phủ Việt nam và các nhà tài trợ đã tiến hành các cuộc thảo luận đầu tiên về Hỗ trợ Chính sách Mục tiêu cho giáo dục cơ sở. Hỗ trợ Ngân sách mục tiêu sẽ là một bước quan trọng tiến tới việc chuyển sang một phương pháp tiếp cận theo toàn nghành.

Các hoạt động chủ đạo dưới đây là những thông tin cập nhật về tiến độ dự án đạt được trong 6 tháng qua:

- **Kế hoạch hành động quốc gia Giáo dục cho mọi người (EFA) 2003-2015** được Thủ tướng chính phủ phê duyệt (7/ 2003). Kế hoạch hành động quốc gia EFA thể hiện một cách rõ nét và toàn diện chiến lược của chính phủ Việt nam nhằm đáp ứng những nhu cầu của giáo dục cơ sở thông qua các mục tiêu và chương trình cần thiết để đạt được điều này. Điều này tạo ra một cơ sở chắc chắn cho việc củng cố lâu dài ngành giáo dục và một khuôn khổ chiến lược đáng tin cậy để qua đó các đối tác quốc tế của Việt Nam có thể hỗ trợ. Điều này phù hợp với mục đích và mục tiêu của CLTT/GN.

- **Việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người (EFA) 2003-2015**

  Đây sẽ là một thách thức chính trong những năm tới và là một lĩnh vực hỗ trợ chính phủ chính của các nhà tài trợ. **Việc lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh** cũng là một thành phần trọng tâm của việc thực hiện Kế hoạch giáo dục cho mọi người. Mục tiêu của hoạt động này là tăng cường năng lực cho cán bộ cấp tỉnh trong việc lập kế hoạch giáo dục và hỗ trợ quá trình phân cấp.

- **Công trái giáo dục:** Chính phủ đã bắt đầu phát hành công trái giáo dục để huy động thêm ngân sách cho giáo dục
- **Khuôn khổ chi tiêu trung hạn (KKCTTH):** Bộ giáo dục & Đào tạo phối hợp với Bộ tài chính, Ngân hàng thế giới và các nhà tài trợ khác, tiếp tục xây dựng một hệ thống lập ngân sách hiện đại cho nghành giáo dục

- **Hỗ trợ Hệ thống quản lý thông tin và Phát triển tổ chức**
  Bộ giáo dục & Đào tạo,với sự giúp đỡ của Liên minh châu Âu (EC) đã xây dựng một hệ thống quản lý thông tin giáo dục quốc gia (MIS) để tăng cường quản lý giáo dục. Các số liệu cơ bản được thu thập từ tất cả các tỉnh thành và sẽ có vào cuối năm nay. Hệ thống quản lý thông tin nhân sự quốc gia cũng được thực hiện để hỗ trợ việc lên kế hoạch tuyển dụng. Năng lực quản lý của cán bộ cấp tỉnh và huyện được tăng cường thông qua quá trình phân tích và áp dụng hệ thống MIS. Việc xem xét lại vai trò, chức năng nhiệm vụ yêu cầu đối với những nhà quản lý giáo dục như là một phần của quá trình phân cấp cũng đang được tiến hành.

- **Cải thiện chất lượng giáo dục:** Cải cách chương trình quốc gia bậc tiểu học và trung học cơ sở tiếp tục được thực hiện (lớp 2 và lớp 7). Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học tiếp tục tăng cường tập huấn giáo viên. Việc đánh giá chất lượng lớp 5 vẫn đang được thực hiện.
- **Giáo dục cho trẻ em gái:** Trong tuần lễ hành động Giáo dục cho mọi người, Bộ giáo dục & Đào tạo, UNESCO và tổ chức Oxfam GB đã có một cuộc trao đổi bàn tròn trên truyền hình về chủ đề Giáo dục cho trẻ em gái với trọng tâm là trẻ em gái dân tộc thiểu số .Một bộ phim về phong trào giáo dục ở huyện Sapa, tỉnh Lào cai đã được phát trên kênh VTV với sự tài trợ của tổ chức Oxfam GB. Hơn 45,000 người đã tham gia vào cuộc thi phá kỷ lục Guiness với mục đích phá kỷ lục về một buổi học đông người tham gia nhất với mục tiêu nêu bật tầm quan trọng của giáo dục, nhất là đối với trẻ em gái.

Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người đưa ra một khung rõ ràng về phát triển giáo dục cơ sở, tập trung vào 4 nhóm chính: 1) Chăm sóc và giáo dục mầm non; 2) Giáo dục tiểu học;3) Giáo dục trung học cơ sở; 4) Giáo dục không chính quy. Các hoạt động đang diễn ra bao gồm:

- **Chăm sóc và giáo dục mầm non**: Liên minh các tổ chức cứu trợ nhi đồng (QUỹ cứu trợ nhi đồng Anh, Quỹ cứu trợ nhi đồng Nhật bản, Quỹ cứu trợ nhi đồng Mỹ) đang xây dựng một dự án mới với Bộ GD& ĐT, UNICEF và UNESCO để tiếp tục hỗ trợ tích cực cho giáo dục mầm non.

- **Giáo dục tiểu học:**Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn của BGD&ĐT được đồng tài trợ thông qua một Quỹ tín thác của các nhà tài trợ (AusAID, CIDA, DFID, NORAD và Ngân hàng thế giới) bắt đầu thực hiện vào tháng 10 (ngân sách của dự án là 240 triệu $US). Dự án này nhằm thúc đẩy tiêu chuẩn giáo dục ở mức tối thiểu ở tất cả các trường học (chất lượng trường học cơ bản) và tạo cơ hội cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận với trường học.Chương trình phát triển giáo dục tiểu học do JICA tài trợ đã bước sang giai đoạn 2 và cho đến nay đã thực hiện ở toàn bộ 61 tỉnh thành.Các lĩnh vực có khả năng can thiệp đang được xem xét và sẽ được công bố trong thời gian tới.
- **Giáo dục trung học cơ sở:**Dự án giáo dục trung học cơ sở II của BGD&ĐT đang được chuẩn bị với sự hỗ trợ của ADB. Dự án này phù hợp với Kế hoạch tổng thể của giáo dục trung học, Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục 2000-2010 và Khung kế hoạch quốc gia giáo dục cho mọi người. Dự án này sẽ giúp BGD&ĐT xây dựng các chuẩn chất lượng cơ bản cho giáo dục trung học cơ sở và sẽ tăng cường chất lượng, tính hiệu quả và khả năng tiếp cận đối với nghành học đồng thời nâng cao khả năng quản lý và lập kế hoạch từ cấp tỉnh xuống cấp trường học.

- **Giáo dục không chính qui:** UNESCO và NFUAJ cùng điều phối hỗ trợ BGD&ĐT nâng cấp và mở rộng các Trung tâm học cộng đồng cho các nhóm học sinh có hoàn cảnh khó khăn ở các tỉnh miền Bắc và Cao nguyên.

2. **Điều phối nghành**

- **Thành lập Nhóm công tác giáo dục:**Nhóm công tác này mới được thành lập để hỗ trợ những ưu tiên của chính phủ trong nghành giáo dục, tăng tính hiệu quả của nguồn tài trợ và giảm bớt chi phí giao dịch. Nhóm này đã dần tạo ra được niềm tin giữa các nhà tài trợ và phản ánh nhu cầu cần có những cách thức làm việc chặt chẽ hơn giữa các nhà tài trợ và chính phủ.

- **Đánh giá của nhà tài trợ và chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia Giáo dục cho mọi người (16-18/9):**Đánh giá này tạo ra một diễn đàn được đánh giá cao cho các nhà tài trợ và chính phủ cùng thảo luận cởi mở Kế hoạch hành động Giáo dục cho mọi người vừa được phê duyệt gần đây. Các đối tác quốc tế chúc mừng Chính phủ Việt nam đã xây dựng được một kế hoạch toàn diện và đáng tin cậy đồng thời cam kết hỗ trợ các chương trình và những ưu tiên của kế hoạch này. Kết quả quan trọng của cuộc họp là tuyên bố chung của nhà tài trợ về Kế hoạch quốc gia giáo dục cho mọi người đã được trình lên BGD&ĐT và được các tất cả các tổ chức đại diện hoạt động trong lĩnh vực giáo dục ký xác nhận.

- **Giáo dục tiểu học cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn:** Dự án này do Chính phủ VN và 5 nhà tài trợ khác đồng tài trợ. Quá trình thực hiện đòi hỏi phải hài hòa hóa thủ tục quản lý tài chính,mua sắm, giám sát và đánh giá dự án giữa các nhà tài trợ và chính phủ.

3. Diễn đàn giáo dục:

- **Diễn đàn "Môi trường học bạn hữu" (8/2003):** Đây là một sự kiện đặc biệt vì tại diễn đàn có sự tham dự của trẻ em từ khắp nơi trên đất nước Việt nam. Các em đã trình bày những kinh nghiệm,hiểu biết của mình về giáo dục,những điều mà các em đã thu được trong 4 ngày tham dự diễn đàn "Trẻ em nói về giáo dục".

- **Các chủ đề tiếp theo:**Diến đàn sẽ tổ chức theo định kỳ 3 tháng một lần với các chủ đề : a)Kết quả học tập của học sinh tiểu học và việc cách đánh giá kết quả học môn đọc và môn toán (tháng 1); b)Giáo dục cho mọi người; c)Hệ thống thông tin quản lý giáo dục

HIV/AID

(Diễn biến kể từ tháng 12-2002)

1. Chính phủ đã có cam kết về HIV/AIDS

- Chỉ thị của Thủ tướng về HIV/AIDS được ban hành vào tháng 2 năm 2003, tạo một khuôn khổ chính sách và chương trình cho công tác phòng chống HIV/AIDS. Chỉ thị giao trách nhiệm về HIV/AIDS cho 6 bộ (Bộ Văn hoá thông tin, Công an, LĐTBXH, KH&ĐT, Tài chính, và Y tế). Trách nhiệm và điều phối chung về chương trình HIV/AIDS tiếp tục được giao cho Bộ Y tế. Trách nhiệm ở cấp tỉnh và cấp địa phương cũng được xác định rõ.

- Cơ cầu vận hành mới liên quan đến chương trình phòng chống AIDS. Tháng 5-2003, Thủ tướng đã ra Nghị định xác định chức năng, trách nhiệm, quyền hạn, và khung tổ chức của Bộ Y tế. Dựa vào Nghị định mới này, Bộ Y tế đã ra quyết định mới về việc thành lập Vụ Y tế Dự phòng và phòng chống HIV/AIDS hiện là cơ quan thường trực về HIV/AIDS cho Uỷ ban Quốc gia về phòng chống HIV/AIDS, ma tuý và mại dâm.

- Xây dựng Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS. Tháng 4-2003, Bộ Y tế đã chủ trì phối hợp và tham vấn về xây dựng chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2004-2010 với tầm nhìn đến 2020. Hiện dự thảo thứ 6 của chiến lược quốc gia đã được trình lên Văn phòng chính phủ để phê duyệt.

- Báo cáo của chính phủ về HIV/AIDS tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá 11. Tháng 4-2003, theo kiến nghị của Uỷ ban Xã hội của Quốc hội, Bộ Y tế chịu trách nhiệm soạn thảo báo cáo về tình hình HIV/AIDS và những biện pháp phòng chống, nhằm nêu ra sự cần thiết tăng ngân sách nhà nước cho HIV/AIDS.

- Công tác sửa đổi Pháp lệnh về phòng chống HIV/AIDS năm 1995: Công tác này đang trong quá trình thực hiện. Trong vài tháng tới, dự thảo Pháp lệnh sửa đổi sẽ được trình lên Uỷ ban Xã hội của Quốc hội để phê duyệt. Chính phủ đã chỉ định rằng Nghị định sửa đổi sẽ tập trung tăng cường sự tham gia và phối hợp đa ngành: vấn đề điều trị, nhân quyền và môi trường chính sách.

- Các hội thảo về HIV/AIDS và giảm tác hại với sự tham gia của các cơ quan chủ đạo. Chủ đề liên quan đến phòng chống HIV/AIDS trong số những người tiêm trích ma tuý và vấn đề ma tuý được đặc biệt quan tâm. Một loạt hội thảo liên quan đến các chủ đề này đã được tổ chức trong 12 tháng qua với sự tham dự của những cơ quan hữu quan chính trong nước như Ban Văn hoá Tư tưởng của Đảng, Ban Khoa giáo Trung ương, Uỷ ban Xã hội của Quốc hội, và những bộ ngoài ngành y tế.

- Tiến hành nghiên cứu dự báo mới về tình hình HIV/AIDS. Hiện tại, Bộ Y tế đang đánh giá lại những ước tính về HIV/AIDS cho năm 2003 và dự báo tới 2007. Dự kiến kết quả mới sẽ được công bố vào cuối tháng 11-2003.

- Báo cáo quốc gia về thực hiện các tuyên bố cam kết về HIV/AIDS được đưa ra vào phiên họp đặc biệt lần thứ 27 về HIV/AIDS của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Tháng 4-2003, chính phủ đã trình báo cáo quốc gia đầu tiên về thực hiện Tuyên bố của Đại hội đồng LHQ cho năm 2002. Trong khi ghi nhận lại những hoạt động hiện có, báo

cáo cũng đã nhấn mạnh sự cần thiết phải cải thiện hệ thống dữ liệu giám sát tình hình HIV, và thiết lập một hệ thống theo dõi và đánh giá có hiệu quả.

2. Làm việc trong quan hệ đối tác để có được sự lãnh đạo hữu hiệu và toàn diện về HIV/AIDS

Chính phủ, các cơ quan LHQ, các nhà tài trợ song phương, các cơ quan phát triển, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và trong nước tạo thành Cộng đồng các đối tác về HIV/AIDS ngày càng thừa nhận vai trò then chốt của lãnh đạo đối với việc phòng chống HIV/AIDS của đất nước. Những hoạt động chính dưới đây cho thấy rõ sự tham gia của cộng đồng tài trợ trong quan hệ đối tác với chính phủ trong những lĩnh vực cụ thể:

- Diễn đàn chính sách HIV/AIDS đã được tổ chức lần thứ 3 vào 1-2003. Cuộc họp diễn ra dưới sự đồng chủ toạ của Thứ trưởng Bộ Y tế và Điều phối viên thường trú của LHQ, với sự tham gia của những người đang chung sống với HIV/AIDS.

- Tổ chức 3 hội thảo tư vấn để thảo luận về sáng kiến mới về Diễn đàn Lãnh đạo Châu Á Thái Bình Dương (APLF). Các hội thảo đã tập hợp những thành viên thuộc những cơ quan đầu ngành và các bộ ngoài ngành y tế nhằm thăm dò những ưu tiên cho Việt Nam trong thực hiện APLF. Mục tiêu chung của APLF là kêu gọi sự tham gia của lãnh đạo các tổ chức chính trị và quần chúng vào giảm sự lây lan và tác động của đại dịch HIV/AIDS trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

- Làm việc với Trung ương Đảng và Quốc hội nhằm khắc phục những vấn đề về kỳ thị, phân biệt đối xử đối với những người chung sống với HIV/AIDS. Một loạt các hội thảo cấp vùng (miền Bắc, miền Trung và miền Nam) đã được tổ chức.

- Góp phần xây dựng Chiến lược quốc gia về HIV/AIDS. Một vài cuộc họp không chính thức giữa cộng đồng tài trợ và Bộ Y tế đã được tổ chức nhằm thảo luận và đánh giá các dự thảo chiến lược.

- Nhóm công tác kỹ thuật về HIV/AIDS, gồm chuyên gia kỹ thuật từ nhiều nước và tổ chức quốc tế đã chủ trì quá trình chia sẻ nguồn lực và kinh nghiệm, tham gia lập kế hoạch và hình thành quan hệ đối tác trong phòng chống HIV/AIDS, chăm sóc và tư vấn về các vấn đề kỹ thuật. Trong 12 tháng qua, Nhóm công tác kỹ thuật về HIV/AIDS đã tổ chức một vài cuộc họp để bàn về khía cạnh kỹ thuật trong HIV/AIDS. Các chủ đề và vấn đề chính được bàn đến bao gồm giảm tổn hại, tự nguyện tư vấn và kiểm tra, sự tham gia của những người chung sống với HIV/AIDS, tiếp cận với điều trị, phòng ngừa, và các biện pháp điều trị và phòng ngừa, 5-6 trung tâm phục hồi.

3. Huy động thêm nguồn lực tài chính và kỹ thuật cho phòng chống HIV/AIDS

Những thành tựu và tiến triển mạnh mẽ trong huy động thêm nguồn lực cho các chương trình HIV/AIDS trong vòng 12 tháng qua:

- Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao, và sốt xuất huyết (GFATM) nhằm hỗ trợ những người chung sống với HIV/AIDS, tự nguyện tư vấn và kiểm tra, phòng lây truyền từ mẹ sang con: Quỹ này đã duyệt một khoản viện trợ $12 triệu trong 4 năm cho Việt Nam. Hiệp định viện trợ mới được ký gần đây với số tiền là $7,5 triệu cho 2004 và 2005. Các cấu phần của dự án bao gồm: i) tăng cường năng lực và thực hiện ở

các cấp tại 20 tỉnh về chăm sóc và hỗ trợ; ii) thực hiện một chương trình toàn diện về chăm sóc, tư vấn và hỗ trợ những người chung sống với HIV/AIDS; iii) kết hợp phòng bệnh và chăm sóc thông qua một chương trình tư vấn và kiểm tra tự nguyện, và phòng chống lây truyền HIV từ mẹ sang con;

- Tài trợ của đối tác phát triển về tiếp thị xã hội đối với bao cao su, các dịch vụ chữa trị bệnh lây truyền qua đường tình dục, những chương trình giảm tác hại và các nghiên cứu về chăm sóc và điều trị: những hiệp định được ký kết trong 6 tháng qua bao gồm:

  - Dự án $25 triệu trong 5 năm của chính phủ Anh và Na-uy, với sự hỗ trợ của Tổ chức Y tế thế giới nhằm: i) đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn và nghiên cứu; ii) tiếp thị xã hội về bao cao su cho những đối tượng hành nghề mại dâm và khách hàng của họ, các dụng cụ tử cung; iii) các hoạt động truyền thông nhằm thay đổi hành vi ở 21 tỉnh;

  - Một dự án 4,5 triệu đô la Canada của Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada (CIDA) có thời hạn 4 năm để phòng chống và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục tại TP Hồ Chí Minh, An Giang, Kiên Giang và Cần Thơ;

  - Một dự án khu vực trị giá 8,6 triệu đô la Úc của AusAID cho các hoạt động giảm tổn hại cho các đối tượng tiêm trích ma tuý. Đây là một phần của dự án tại Việt Nam, Trung Quốc và Myanmar. Trong giai đoạn đầu, dự án tập trung tăng cường biện pháp liên ngành gồm y tế, cảnh sát, lực lượng an ninh, và những cơ quan hữu quan khác tham gia kiểm soát HIV/AIDS và sử dụng ma tuý. Dự án sẽ giúp các nước xây dựng chính sách quốc gia và khu vực và những mô hình khác nhau nhằm nâng tính hiệu quả của các phản ứng.

  - Một dự án vùng trị giá 9.37 triệu đô la Úc được tài trợ thông qua AusAID cho Việt nam, Myanmar và Trung quốc (Guangxi và Vân Nam). Dự án HIV/AIDS Vùng Châu Á tập trung vào việc nâng cao năng lực cho các nước để đưa phương pháp chiến lược và dựa vào bằng chứng vào hoạch định chính sách, lên kế hoạch và chương trình giảm các tác hại của HIV liên quan tới tiêm chích ma túy. Một cách tiếp cận liên ngành dành trong xây dựng năng lực nhấn mạnh vào hoạt động đối tác có hiệu quả giữa cảnh sát/công an và ngành y tế.

  - Hai bệnh viện tại Hà nội, hai bệnh viện tại thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập quan hệ mật thiết với các bệnh viện tại Pháp thông qua dự án ESTHER giữa chính phủ Pháp với Bộ Y tế, Tổ chức Y tế Thế giới, UNAIDS và GFATM. Dự án hợp tác này nhằm để cải thiện và phát triển VCT, chăm sóc và tiếp cận điều trị theo cách thức hội nhập. Theo kế hoạch dự án sẽ kéo dài 3 năm, $700.000 sẽ được chi tiêu trong năm đầu tiên.

  - Cơ quan quốc gia nghiên cứu HIV/AIDS của Pháp đang thực hiện một chương trình nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh: 5 nhóm hoạt động chia ra phụ trách 5 dự án nghiên cứu Rủi ro hành vi, Chữa trị lâm sàng, Vi rút học, Vi sinh học và Miễn dịch học tại viện Paster, Trung tâm Y tế Dự phòng, Trung tâm Bệnh Nhiệt đới và bệnh viện Phạm Ngọc Thạch. Trong số các dự án nghiên cứu, dự án quản lý các trị liệu thử nghiệm lâm sàng cho phương pháp được đơn giản hóa để chữa trị virus có RNA cho 100 bệnh nhân sắp được bắt đầu.

4. Hoạt động đề xuất cho 12 tháng tới

- Tiếp tục hỗ trợ xây dựng Chiến lược quốc gia về HIV/AIDS. Cộng đồng tài trợ sẽ hỗ trợ chính phủ xây dựng 7 kế hoạch hành động được đề xuất trong chiến lược quốc gia và tổ chức một loạt hội thảo cho các đối tượng khác nhau bàn về quá trình thực hiện.

- Tham gia sửa đổi Pháp lệnh về phòng chống HIV/AIDS. Một khi dự thảo Pháp lệnh sửa đổi đã được trình Quốc hội, quá trình tham vấn với các cơ quan quốc tế và trong nước sẽ được đề xuất. Các nhóm nhỏ gồm các đối tác khác nhau sẽ họp để thảo luận những cách làm và chia sẻ kinh nghiệm nhằm hoàn thiện một Pháp lệnh về HIV/AIDS phù hợp và các hướng dẫn thực hiện.

- Soạn thảo những tài liệu về HIV/AIDS dựa vào bằng chứng. Dựa vào những phát hiện từ các nghiên cứu hiện nay, kết quả ước tính và dự báo mới về HIV/AIDS, và những kinh nghiệm của các dự án và chương trình, tài liệu tư vấn dựa trên bằng chứng về HIV/AIDS sẽ được soạn thảo. Tài liệu này nhằm tăng cường sự tham gia của những cơ quan đầu ngành trong nước về HIV/AIDS và để điều phối hỗ trợ quốc tế cho các hoạt động tư vấn và lãnh đạo trong phòng chống HIV/AIDS.

- Tổ chức hội thảo khoa học quốc gia về HIV/AIDS. Trong giai đoạn này, đã có một số nghiên cứu và đánh giá về tác động kinh tế xã hội của HIV/AIDS; nghiên cứu của GIPA xem xét những luật lệ, quy định và chính sách hiện hành đối với những người chung sống với HIV/AIDS. Điều quan trọng là tổ chức được hội thảo quốc gia nhằm trình bày những phát hiện và thảo luận về những ứng dụng hiệu quả những kết quả nghiên cứu vào xây dựng và thực hiện các chương trình chống AIDS.

- Tiếp tục mạng lưới thông tin và nguồn lực kỹ thuật thông qua các cuộc họp thường kỳ và trao đổi, tập trung vào những vấn đề cụ thể có liên quan như giảm tổn hại, tiếp cận với chăm sóc và chữa trị, GIPA, chính sách và chiến lược.

BÁO CÁO QUAN HỆ ĐỐI TÁC NGÀNH Y TẾ

Giới thiệu

Nhóm công tác Y tế được thành lập cách đây vài năm, gồm các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ quốc tế hoạt động trong lĩnh vực y tế, bao gồm tất cả những đối tác chính của Bộ Y tế. Trong 12 tháng qua Nhóm đã tiếp tục họp thường xuyên hàng quý nhằm các mục đích:

- Chia sẻ thông tin về những dự án/chương trình đang thực hiện và trong tương lai;
- Bàn cách cải thiện quản lý và nâng cao hiệu lực của nguồn vốn ODA, nhằm đưa ra những ưu tiên tốt hơn;
- Trao đổi ý kiến về việc làm thế nào để hỗ trợ tốt nhất xây dựng và thực hiện các chính sách trong ngành y tế, các kế hoạch hoạt động và CLTT&GN, nhằm đưa chương trình của ngành y tế tiến lên.

Trong vài năm qua, một số sáng kiến đã được áp dụng nhằm cải thiện đối thoại giữa Bộ Y tế và cộng đồng quốc tế. Nhóm hỗ trợ Quốc tế với sự lãnh đạo của Bộ Y tế là một cơ chế hữu ích giúp nâng cao hiểu biết, tính minh bạch và phối hợp. Đáng tiếc là Nhóm hỗ trợ quốc tế không thể họp được trong năm 2003. Tuy nhiên, kinh nghiệm trước đây cho thấy rằng Bộ Y tế, các bộ và các nhà tài trợ đánh giá cao Nhóm Hỗ trợ Quốc tế như là một diễn đàn hợp tác.

Tiếp theo một đánh giá gần đây, một đề xuất đã được đưa ra nhằm tăng cường vai trò và chức năng của Nhóm Hỗ trợ Quốc tế. Dự kiến Nhóm Hỗ trợ Quốc tế, với sự chủ toạ và tổ chức của Bộ Y tế, trong tương lai sẽ họp mỗi năm từ 1 đến 2 lần, khoảng 2 ngày. Dự kiến cuộc họp sẽ mang tính chất của một nhóm tham vấn cho ngành y tế và có thể sẽ thu hút các đại diện cấp cao của các nhà tài trợ từ trụ sở chính. Cuộc họp sẽ tập trung vào những diễn biến mới trong ngành y tế, hoạt động ODA, và các kế hoạch hành động hợp tác trong tương lai.

Ngoài ra, những nhóm công tác nhỏ hơn sẽ họp bàn về những vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý và điều phối viện trợ ODA (an toàn cho bà mẹ, sức khoẻ sinh sản, lao, tài trợ cho y tế, phát triển hệ thống y tế, v.v.).

Tiến bộ trong 12 tháng qua nhằm hỗ trợ CLTT&GN, chiến lược và chương trình của ngành:

CLTT&GN đã nhấn mạnh mối liên hệ giữa sức khoẻ và phát triển, cũng như ngày càng có bằng chứng cho thấy rằng đầu tư và cải thiện sức khoẻ có thể ngăn ngừa hoặc tìm lối thoát cho nghèo đói.

CLTT&GN đã đưa ra 5 mục tiêu chính nhằm nâng cao sức khoẻ cũng như đạt được sự bình đẳng hơn về tình trạng sức khoẻ.

Các nhà tài trợ và các tổ chức quốc tế trong 12 tháng qua tiếp tục cùng phối hợp hỗ trợ Bộ Y tế và chính phủ nói chung trong thực hiện các chính sách và chiến lược nhằm đạt được những mục tiêu này.

Sau đây là một số thành tựu chính trong hợp tác phân theo 5 mục tiêu chính về sức khoẻ đặt ra trong CLTT&GN.

a) *Hình thành những chính sách thích hợp để giảm gánh nặng về chi phí y tế cho người nghèo khi họ cần dịch vụ y tế*

- ✓ Quyết định 139/2002/QD-TTg: Thành lập Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo. Việc thành lập Quỹ đã tăng chi tiêu của chính phủ cho y tế và chuyển thêm kinh phí để hỗ trợ người nghèo, những người không đủ khả năng chi trả cho khám chữa bệnh.

- ✓ Thông tư liên bộ 77/2003/TTLT-BTC-BYT về thực hiện bảo hiểm y tế tự nguyện, nhằm giúp thêm nhiều nông dân và những người thuộc khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm y tế, tăng mức độ tập trung vốn và chia sẻ rủi ro trong cộng đồng.

- ✓ Thí điểm cơ chế bảo hiểm y tế cộng đồng nhằm tìm ra những biện pháp tài chính thích hợp và khả thi nhất nhằm hỗ trợ người nghèo.

b) Tập trung vào những điều kiện có thể ảnh hưởng bất lợi đến người nghèo, các mục tiêu trong Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG), và Mục tiêu Phát triển của Việt Nam (VDT).

- ✓ Giảm tỷ lệ tử vong và suy dinh dưỡng ở trẻ em: ban hành một số chính sách chính, bao gồm dự thảo chỉ thị tăng cường các hoạt động chăm sóc trẻ sơ sinh nhằm giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh, Kế hoạch tổng thể quốc gia về dinh dưỡng 2003-2007, chỉ thị về nuôi con bằng sữa mẹ tới 6 tháng và Kế hoạch tổng thể về an toàn cho người mẹ.

- ✓ Giảm tỷ lệ tử vong ở mẹ. Công bố các kết quả nghiên cứu về tử vong mẹ được thực hiện tại 7 tỉnh. Kết quả nghiên cứu này quan trọng vì nó nêu rõ những chênh lệch ngày càng tăng trong tỷ lệ tử vong khi sinh giữa thành thị với nông thôn và vùng sâu vùng xa. Với những phát hiện từ nghiên cứu, tỷ lệ tử vong mẹ ở Việt Nam hiện nay được ước tính là 165 trên 100.000 ca sinh còn sống (ước tính trước đây là 95 trên 100.000).

  Các dịch vụ nạo phá thai đã được áp dụng ở Việt Nam. Kế hoạch tổng thể về an toàn cho người mẹ đã được công bố và đã bắt đầu thực hiện ở một số tỉnh.

- ✓ Giảm mắc nhiễm lao - đánh giá về dịch vụ chữa trị bệnh lao, thừa nhận những điểm mạnh trong dịch vụ chống lao, nhưng cũng cho thấy rằng chủ yếu những ca nhiễm là ở người nghèo, những nhóm dân dễ tổn thương và dân tộc thiểu số. Những nỗ lực phải nhằm vào đối tượng nghèo thành thị và những người vô gia cư. Đánh giá cũng xem xét mối liên hệ giữa giới và bệnh lao.

- ✓ Các dịch vụ chống sốt rét: Trình bản để xuất lên Quỹ toàn cầu phòng chống AIDS, lao, và sốt rét (GFATM). Khoản xin tài trợ là $77,7 triệu và mục tiêu chung của dự án này là đẩy lùi bệnh sốt rét ở một số vùng vẫn còn tỷ lệ sốt rét cao của Việt Nam nhằm duy trì những thành quả hết sức ấn tượng của Chương trình Quốc gia về phòng chống sốt rét của Việt Nam trong thập kỷ qua.

- ✓ Ngăn chặn sự lây lan của HIV (xem báo cáo quan hệ đối tác về HIV/AIDS).

c) Cải thiện việc cung ứng các dịch vụ y tế nhằm nâng cao khả năng được sử dụng dịch vụ y tế cơ bản theo vùng địa lý.

- ✓ Tiếp tục đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng y tế và tăng số trạm y tế xã, dịch vụ khám chữa ở những vùng sâu vùng xa, vùng bị cô lập.

d) *Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đặc biệt là ở cấp cơ sở, ở miền núi và vùng sâu vùng xa*.

- ✓ Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 06 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về củng cố tăng cường mạng lưới y tế cơ sở.

- ✓ Tiếp tục phát triển cơchế ưu đãi phù hợp và những chính sách đối với cán bộ y tế làm việc tại những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng bị cô lập.

e) Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ trong những ngành có tác động lên những yếu tố quyết định sức khoẻ.

- ✓ Nước và vệ sinh: áp dùng chương trình đào tạo về tham gia vào cải tạo vệ sinh (PHAST).

- ✓ Nâng cao sức khoẻ tại trường học: xây dựng khuôn khổ cải thiện sức khoẻ cho trẻ em và giáo viện tại trường, được áp dụng rộng rãi ở các trường tiểu học, nhất là ở vùng sâu vùng xa. Phát triển giáo dục kỹ năng sống, tài liệu giảng dạy, và đưa vào chương trình của trường tiểu học, chương trình phi chính thức và ngoài nhà trường.

- ✓ Năng lực cho người cung ứng dịch vụ y tế và giáo dục cần được phát triển nhằm cung ứng những dịch vụ phù hợp cho giới trẻ. Nhiều bộ đã đưa ra các sáng kiến và tham gia vào cuộc điều tra quốc gia đầu tiên về thanh niên (Điều tra và đánh giá về thanh niên Việt Nam) Phòng ngừa thương tật và tai nạn giao thông: chính sách phòng ngừa thương tật quốc gia đã được thông qua, đã có dự án thí điểm đa ngành ở 6 tỉnh. Một mạng lưới phòng ngừa thương tật đã được thành lập, do chính phủ chủ trì, một loạt các hội thảo xây dựng năng lực đã được tổ chức nhằm nâng cao khả năng giám sát thương tật. Công tác cải thiện dịch vụ cấp cứu tai nạn và đánh giá phương tiện cấp cứu tại cấp huyện đã được bắt đầu.

- ✓ Ngăn chặn việc sử dụng thuốc lá - theo thoả thuận hợp tác nguyên tắc giữa Uỷ ban Thể thao và Bộ Y tế, Việt Nam sẽ chủ trì Đại hội thể thao Đông Nam Á không hút thuốc lần đầu tiên vào 5-12-2003.

- ✓ Việt Nam đã tích cực tham gia quá trình đàm phán trong Công ước khung về Kiểm soát thuốc lá, và là nước thứ 6 trong khu vực ký kết công ước này. Chính phủ đã thông qua yêu cầu của Bộ Y tế về việc Việt Nam có những bước cần thiết nhằm phê chuẩn công ước.

SARS

Báo cáo này cũng đánh giá cao việc hợp tác giữa Bộ Y tế, WHO và cộng đồng quốc tế trong khi SARS bùng nổ ở Việt Nam. Theo WHO vào ngày 28-4-2003, Việt Nam đã là nước đầu tiên trên thế giới tuyên bố không còn người nhiễm SARS.

Những hành động cụ thể về quan hệ đối tác y tế sẽ tiến hành trong 12 tháng tới nhằm gắn hỗ trợ của nhà tài trợ với CLTT&GN:

Nhóm Hỗ trợ quốc tế sẽ họp ít nhất trong vòng 2 ngày để tập trung vào những vấn đề sau:

- Tầm nhìn chính sách y tế, bao gồm những vấn đề thuộc phạm vi của y tế;
- Hoạt động của những chương trình ODA và gắn ODA vào những ưu tiên chính;
- Những chính sách và chiến lược mới của chính phủ, những diễn biến mới trong ngành y tế, kế hoạch hợp tác trong tương lai;
- CLTT&GN, VDT và MDG;
- Tài trợ cho hệ thống y tế.

Nhóm công tác y tế sẽ tiếp tục họp thường xuyên để trao đổi thông tin và tổng kết hoạt động trong bối cảnh CLTT&GN.

Những tiêu chíthành công cho năm 2004 nhằm đảm bảo những kết quả phát triển của nhóm đối tác

- Cuộc họp 2 ngày của Nhóm Hỗ trợ quốc tế, gồm chính phủ và các nhà tài trợ sẽ đề ra kế hoạch hành động rõ ràng cho sự hợp tác.
- Tiếp tục có sự tương tác và lồng ghép trong Nhóm Hỗ trợ quốc tế, Nhóm công tác Y tế, và các nhóm công tác chuyên đề.
- Tiếp tục thực hiện chương trình phát triển y tế nêu ra trong CLTT&GN và ma trận chính sách.

NHÓM ĐỐI TÁC GIẢM THIỂU THIÊN TAI CHO MIỀN TRUNG

I. Giới thiệu

Nhóm đối tác giảm thiểu thiên tai (NĐTGTTT) cho Việt Nam được thành lập với việc ký kết văn bản ghi nhớ vào tháng 6-2001. Quan hệ đối tác trong NĐTGTTT được thực sự bắt đầu vào tháng 4-2002, với việc phê duyệt giai đoạn hỗ trợ 1 năm chuẩn bị do UNDP, Sứ quán Vương quốc Hà lan, và Luxembourg tài trợ. Do một số hoạt động không thể hoàn thành như kế hoạch, giai đoạn chuẩn bị thực hiện đã kéo dài đến tháng 8-2003. Do cần thực hiện thêm nhiều công việc, nên UNDP đã tiếp tục hỗ trợ thêm một giai đoạn tới tháng 12-2003 cho NĐTGTTT. Báo cáo này trình bày những kết quả chính mà nhóm đối tác đã đạt được trong 6 tháng qua, những bước tiếp theo cho 6 tháng tới, và những tiêu chí thành công cho 2004.

II. Tiến bộ trong quan hệ đối tác trong 6 tháng qua

NĐTGTTT hỗ trợ cho các chiến lược ngành, phản ánh qua việc tạo điều kiện và phối hợp huy động hỗ trợ cho giảm thiểu tác hại thiên tai ở miền Trung cũng như trong cả nước. Trong 6 tháng qua, nhóm đã tập trung cải thiện chức năng điều phối và đã có những sáng kiến về những biện pháp cụ thể ở miền Trung Việt Nam. Nhóm đối tác còn bàn bạc cách thức hỗ trợ tốt nhất cho chính phủ trong việc cải thiện các chính sách ngành và gắn các mục tiêu và hoạt động của nhóm với những khuôn khổ chính sách phát triển chính như CLTT&GN và MDG. Những kết quả chính đạt được bao gồm:

Huy động hỗ trợ cho việc khắc phục thiên tai

- Văn bản khung và kế hoạch hành động cho NĐTGTTT cho tới 12-2005 đã được hoàn tất. Văn bản này đưa ra định hướng cho nhóm đối tác nhằm tiếp tục nâng cao việc phối hợp và huy động để đóng góp vào những nỗ lực đưa việc khắc phục thiên tai thành một phần không thể tách rời trong quá trình hoạch định chính sách của các ngành khác. Văn bản sẽ đưa ra khuôn khổ để huy động thêm sự hỗ trợ khắc phục thiên tai, trực tiếp cho ngành hoặc thông qua những chương trình giảm nghèo và phát triển bền vững. Hỗ trợ thực hiện giai đoạn tới của NĐTGTTT cho tới 2005 hiện đang được huy động.

- NĐTGTTT đang xem xét việc lập kế hoạch quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng như là một cách làm quan trọng nhằm giảm nguy cơ tổn thương cho người nghèo, giúp đạt được những mục tiêu đặt ra trong CLTT&GN về giảm thiểu thiên tai. Việc này được phản ánh trong văn bản khung và kế hoạch hành động đã được soạn thảo cho NĐTGTTT cho tới 2005.

- Ban thư ký của nhóm tiếp tục tạo điều kiện cho các nhà tài trợ trong những hoạt động thực hiện những dự án ưu tiên ở miền Trung. Sứ quán Vương quốc Hà lan đã hỗ trợ xây dựng một số dự án ưu tiên thí điểm để giảm nhẹ thiên tai ở miền Trung. Nhóm đối tác đã tổ chức một phái đoàn khởi động kiểm tra tại các tỉnh miền Trung vào tháng 2 và tháng 3-2003 nhằm thẩm định 5 dự án ưu tiên ở cấp tỉnh. Dựa vào những số liệu do nhóm chuyên gia thu thập được, các phân tích dự án về kỹ thuật,

kinh tế xã hội, môi trường và thể chế cho 5 dự án ưu tiên thí điểm đã được soạn thảo. Ngoài việc cải tạo cơ sở hạ tầng nhằm giảm rủi ro thiên tai về nước, mỗi dự án thí điểm còn có cả phần xây dựng năng lực và lập kế hoạch quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Những dự án này hiện đang kêu gọi sự hỗ trợ của các nhà tài trợ. Vốn cho thực hiện những dự án thí điểm này đang được huy động

- Kế hoạch tổng thể giảm thiểu thiên tai ở miền Trung đã được cập nhật dựa trên những thông tin thu thập được từ các tỉnh miền Trung về hiện trạng của 21 dự án ưu tiên trong danh mục thực hiện khẩn cấp và trong ưu tiên hiện nay của tỉnh. Trong số 21 dự án ưu tiên, 6 dự án cho đến nay đã nhận được một phần hoặc toàn bộ hỗ trợ từ chính phủ hoặc các cơ quan song phương.

- Trong khuôn khổ quan hệ đối tác, chính phủ đang chuẩn bị vay của Ngân hàng Thế giới $150 triệu để giảm thiểu thiên tai hàng năm ở Việt Nam. NĐTGTTT đang tiếp tục hỗ trợ việc chuẩn bị dự án quan trọng này.

Vai trò phối hợp của NĐTGTTT đã được cải thiện

- NĐTGTTT xuất bản tờ tin định kỳ hàng quý để chia sẻ thông tin giữa chính phủ, các nhà tài trợ, và các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực giảm thiểu thiên tai. Trang web của nhóm (http://www.undp.org.vn/ndm-partnership) đã được khai trương và hiện đang được thường xuyên cập nhật.

- Nhằm mục đích nâng cao đánh giá nhu cầu khẩn cấp để cải thiện trợ giúp khẩn cấp, NĐTGTTT đã phối hợp với Nhóm công tác về quản lý thiên tai của LHQ đang hoạt động trong cứu trợ thiên tai, để thực hiện một đánh giá nhu cầu cứu trợ có phối hợp. Các hướng dẫn và công cụ chung đã được xây dựng nhằm thực hiện đánh giá chung về nhu cầu cứu trợ trong trường hợp có thiên tai xảy ra. Một đoàn đánh giá chung, gồm cả đại diện của Uỷ ban Phòng chống Lũ lụt Trung ương, đã được thành lập để thực hiện đánh giá chung. Việc này sẽ được lồng ghép với cơ chế hiện tại trong đánh giá nhu cầu cứu trợ khẩn cấp của chính phủ.

Cải thiện cơ chế tổ chức trong nước để giảm thiểu thiên tai

- NĐTGTTT đã hoàn thành một nghiên cứu đánh giá năng lực thể chế cho giảm thiểu thiên tai ở Việt Nam. Nghiên cứu này điểm lại hệ thống và năng lực quốc gia hiện tại trong phòng chống thiên tai, chỉ ra điểm mạnh và điểm yếu để có thể đưa ra những kiến nghị khả thi nhất nhằm cải thiện hiệu quả trong năng lực thể chế để quản lý thiên tai ở Việt Nam. Những phát hiện của nghiên cứu sẽ được chia sẻ với các đối tác và tất cả những cơ quan hữu quan trước khi bản báo cáo hoàn tất. Giai đoạn hai của nghiên cứu sẽ được thực hiện vào tháng 11 và 12-2003, bao gồm một chuyến đi khảo sát cho các quan chức chính phủ tới một số nước nhằm học tập kinh nghiệm tốt nhất trong quản lý thiên tai.

Thay đổi cơ cấu trong khuôn khổ thực hiện quan hệ đối tác

- Quá trình chuẩn bị thực hiện cơ chế đối tác đã đưa ra những bài học về sự cần thiết phải có những thay đổi cơ cấu trong khuôn khổ thực hiện quan hệ đối tác. Mặc dù Bộ NN&PTNT chủ trì Ban Chỉ đạo quan hệ đối tác, nhưng quyền thực hiện quan hệ đối tác lại được giao cho một vụ trong bộ. Mặc dù cơ quan thực hiện có những

kinh nghiệm cần thiết về mặt kỹ thuật, nhưng cũng cần được nâng cao về chuyên môn trong hoạt động quảng bá ở cấp bộ, phối hợp với nhà tài trợ và giữa các bộ. Năng lực trong Bộ NN&PTNT hiện đang được đánh giá nhằm thiết kế một cơ chế thực hiện phù hợp cho NĐTGTTT.

III. Hành động cụ thể trong 6 tháng tới

- Thành lập cơ cấu mới để thực hiện giai đoạn tiếp theo trong NĐTGTTT cho tới 2005.
- Huy động tài trợ để thực hiện giai đoạn tới của NĐTGTTT cho tới 2005.
- Huy động tài trợ để thực hiện những dự án ưu tiên thí điểm trong giảm thiểu thiên tai.
- Tạo điều kiện cho các nhà tài trợ thực hiện các dự án ưu tiên.
- Thực hiện xây dựng năng lực cho những cán bộ tỉnh nhằm xây dựng dự án giảm thiểu thiên tai.
- Thực hiện xây dựng năng lực dựa vào cộng đồng nhằm lên các kế hoạch hành động về quản lý thiên tai của cộng đồng.
- Xây dựng NĐTGTTT tập trung vào các tỉnh miền Trung sau đó xây dựng quan hệ đối tác toàn quốc trong giảm thiểu thiên tai.
- Tiếp tục cơ chế chia sẻ thông tin để hỗ trợ đối thoại chính sách nhằm thực hiện văn bản khung và xác định những biện pháp chiến lược cho quan hệ đối tác.
- Hỗ trợ chính phủ trong việc cải thiện đánh giá nhu cầu khẩn cấp.

IV. Các tiêu chí thành công cho 2004

- Cơ chế mới cho khuôn khổ thực hiện quan hệ đối tác đã được hình thành.
- Các nhà tài trợ đã cam kết các hoạt động của NĐTGTTT cho tới 2005.
- Chính phủ, các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ đã nhất trí về một loạt các mục tiêu và đã xác định được các hoạt động nhằm đạt các mục tiêu trong CLTT&GN. Sự nhất trí này được thể hiện trong thực hiện những hoạt động chung của nhóm đối tác, cũng như những hoạt động song phương của các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ trong giảm thiểu thiên tai.
- NĐTGTTT mở rộng ra thành quan hệ đối tác trên toàn quốc.
- Nhà tài trợ và chính phủ phê duyệt kịp thời những dự án ưu tiên.
- Cơ chế chia sẻ thông tin được cập nhật thường xuyên (thường kỳ ra tờ tin hàng quý, thường xuyên cập nhật trang web, tổ chức các cuộc họp nhóm đối tác theo kế hoạch).
- Thiết lập cơ chế phối hợp và hoạt động nhằm đánh giá nhu cầu khắc phục thiên tai của nhiều cơ quan, kêu gọi và phân phối những phương tiện cứu trợ.

CHƯƠNG TRÌNH VÀ QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ LÂM NGHIỆP (ĐTHTLN)

1. Các hoạt động trong 6 tháng qua

1.1 Cuộc họp Ban chỉ đạo (BCĐ) đối tác diễn ra vào 26-6-2003 với sự tham gia của các bên hữu quan nhằm đánh giá hoạt động của ĐTHTLN trong nửa đầu năm 2003 và thảo luận những hoạt động cho nửa cuối 2003. Cuộc họp đã bầu ra 2 đồng chủ tịch mới cho BCĐ đối tác, ông Pieter Smidt, Trưởng ban thực hiện dự án ADB, và ông Bùi Bá Bổng, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT. Cuộc họp đã thông qua: 1) báo cáo tiến bộ của nửa đầu 2003 và những hoạt động chính trong nửa cuối 2003; 2) Bảng sắp xếp những đối tác quốc tế và Việt Nam trong (ĐTHTLN).1.2 Sau cuộc họp của BCĐ, Văn phòng điều phối ĐTHTLN đã được củng cố, có thêm nhân sự, thêm một cán bộ chương trình và một cán bộ truyền thông.

1.3 Công tác Hài hoà khuôn khổ thực hiện dự án cho ngành lâm nghiệp trong khuôn khổ ĐTHTLN đã được chính thức khởi động lại từ Hội nghị 22-8-2003, với sự hỗ trợ của ADB. Hai hội thảo cấp tỉnh đã được tổ chức tại Sơn La và Kông Tum, và một hội thảo quốc gia được tổ chức tại Hà Nội. Dự kiến đến tháng 4-2004 nghiên cứu sẽ hoàn thành. Các kết quả của nghiên cứu sẽ được sử dụng để tránh sự gia tăng của những biện pháp hoạt động mang tính mâu thuẫn, và những định mức chi phí, giảm chi phí giao dịch cao hiện nay trong lập và thực hiện kế hoạch, giảm mức độ phức tạp trong thiết kế dự án, và cải thiện tỷ lệ giải ngân cũng như chất lượng thực hiện những khoản vay và viện trợ quy mô lớn cho những sáng kiến của ngành. Những nguyên tắc cơ bản của khuôn khổ thực hiện hài hoà sẽ được trình bày tại cuộc họp BCĐ sắp tới vào tháng 12-2003.

1.4 Phái đoàn đánh giá hàng năm đã bắt đầu các hoạt động trong tháng 10-2003, nhằm mục đích đo mức tiến bộ thực hiện trong ĐTHTLN, xác định những vấn đề chính cần xử lý, nêu ra những cập nhật và sửa đổi trong khuôn khổ ĐTHTLN, và đề xuất các biện pháp cải thiện quá trình thực hiện ĐTHTLN. Báo cáo cuối cùng sẽ được công bố tại cuộc họp BCĐ vào tháng 12-2003.

1.5 Quá trình chuẩn bị thành lập Quỹ tín thác Lâm nghiệp (QTT) đã được bắt đầu. Dự kiến đề xuất QTTsẽ được chính phủ Việt Nam xem xét thông qua, Bản Ghi nhớ và hướng dẫn sử dụng sẽ được ký trước cuối năm . Quỹ tín thác là một bước mới trong phát triển quan hệ đối tác. Các nhà tài trợ tham gia xây dựng Quỹ tín thác đã nhất trí "tập hợp" những cam kết trong tương lai cho ngành lâm nghiệp nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng để đáp ứng những ưu tiên được đặt ra trong khuôn khổ quan hệ đối tác.

1.6 Nằm trong cơ cấu của ĐTHTLN, Nhóm Tham khảo cấp tỉnh (NTK) đã được thành lập. một số hoạt động ban đầu đã được tiến hành, như giới thiệu ĐTHTLN cho cấp địa phương, nhận yêu cầu cấp vốn đầu tư trong phạm vi ĐTHTLN.

1.7 Chương trình công tác chung (CTCTC) - một trong 4 công cụ thực hiện của ĐTHTLN đã được tiếp tục xây dựng với việc khai trương phần mềm CTCTC. CTCTC được thường xuyên cập nhật trên trang web ĐTHTLN, nhằm cung cấp thông tin về những sự kiện đang và sẽ diễn ra trong ĐTHTLN và ngành lâm nghiệp. Ba bản tin ĐTHTLN đã được xuất bản và phổ biến rộng rãi và kịp thời cho các đối tác.

1.8 Việc soạn thảo Sổ tay lâm nghiệp, một trong số 4 công cụ, đang được thực hiện với sự hỗ trợ của Văn phòng REFAS và những cơ quan trong nước và quốc tế khác nhau. Hiện đã xong 10 chương.

1.9 hệ thống theo dõi và đánh giá đang được thiết kế và là một công cụ quan trọng nữa trong hoạt động ĐTHTLN. Cố vấn mới của ĐTHTLN sẽ dành phần lớn thời gian cho hỗ trợ thiết kế, thí điểm, và thực hiện hệ thống theo dõi đánh giá. Một nhóm công tác về các vấn đề theo dõi đánh giá đang được hình thành và nhóm gồm 4 chuyên gia tư vấn đã được tuyển chọn để giúp thiết kế việc theo dõi đánh giá.

1.10 Việc soạn thảo báo cáo "Phát triển lâm trường ở Việt Nam: từ chính sách đến công nghệ" đang được hoàn tất với hỗ trợ của FAO vào cuối năm 2003. Văn bản này cung cấp một bức tranh tổng thể về phát triển lâm trường ở Việt Nam, làm công cụ tham khảo cho các đối tác Việt Nam và quốc tế khi hoạch định chính sách và kế hoạch phát triển các lâm trường.

2. Các hoạt động chính trong 6 tháng tới

- Cuộc họp Ban chỉ đạo sẽ đánh giá những hoạt động trong quá khứ và quyết định kế hoạch và ưu tiên trong giai đoạn tới;
- Hệ thống theo dõi đánh giá của ĐTHTLN sẽ được thiết kế và thực hiện thí điểm;
- Tiếp tục công tác về khuôn khổ hài hoà thực hiện dự án nhằm đạt thoả thuận giữa Bộ NN&PTNT và các đối tác quốc tế về các khuôn khổ thực hiện hài hoà
- Tiếp tục soạn thảo Sổ tay lâm nghiệp;
- Hoàn thành nghiên cứu "Lâm nghiệp, giảm nghèo và đời sống nông thôn";
- Phân cấp ĐTHTLN xuống cấp tỉnh, với sự tham gia tích cực của các thành viên Nhóm Tham khảo cấp tỉnh;
- Khởi xướng các hoạt động đối tác trong những lĩnh vực kết quả khác nhau;
- QTT sẽ được thành lập và phát huy vai trò trong phát triển lâm nghiệp.

3. Các tiêu chí thành công đến 6-2004

- Những kết quả đạt được năm 2003 sẽ được sử dụng làm hướng dẫn để cải thiện các hoạt động của ĐTHTLN;
- Thành lập QTT, với tài trợ cho những ưu tiên ban đầu của ĐTHTLN;
- Các tỉnh hiểu rõ quá trình thực hiện ĐTHTLN , và khuôn khổ ĐTHTLN sẽ được sơ bộ áp dụng ở cấp tỉnh;
- Các báo cáo cuối cùng của khuôn khổ thực hiện hài hoà và nghiên cứu về lâm nghiệp, giảm nghèo và đời sống nông thôn sẽ được công bố;

- Hệ thống theo dõi đánh giá của ĐTHTLN sẽ được lập ra và vận hành tốt;
- CTCTC và bảng sắp xếp được cập nhật thường xuyên và cho mọi thành viên ĐTHTLN và các bên hữu quan có thể truy cập;
- Soạn thảo thêm một vài chương trong Sổ tay lâm nghiệp và công bố trên trang web của ĐTHTLN.

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP
BẢNG DỰ TÍNH SỰ LIÊN KẾT CÓ TỔ CHỨC MANG TÍNH QUỐC GIA VÀ QUỐC TẾ.
(8/2003)

Tổng kết	Các tiêu chuẩn hoạt động	Sự liên kết có tổ chức mang tính quốc gia quan trọng	Sự liên kết có tổ chức mang tính quốc tế quan trọng
Mục tiêu chung: **Quản lý bền vững rừng và bảo tồn hệ sinh thái nhằm:** **a) Bảo vệ môi trường** **b) Cải thiện cách sinh sống của những người ở khu vực phụ thuộc rừng** **c) Nâng cao đóng góp của rừng vào nền kinh tế quốc dân**	Giảm các hộ đói nghèo, giảm khoảng cách giữa thu nhập trung bình của các hộ trong khu vực phụ thuộc rừng với thu nhập trung bình hộ quốc gia. Xác định đất rừng trong dài hạn (năm 2002) Chất lượng rừng được giữ vững và cải thiện Tăng đóng góp của kinh tế rừng vào tổng thu nhập quốc dân theo số tuyệt đối (không theo %)		
Mục tiêu tập trung/mục đích[2] **. Thông qua cộng tác giữa các bên hữu quan, sự hợp tác có hiệu quả, một khung chính sách và cơ chế có hiệu lực vá sự huy động các nguồn lực thích hợp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ , hộ nông dân, các đối tượng kinh tế nhỏ và các cộng đồng dân cư sẽ quản lý bền vững và bảo tồn tài nguyên rừng ở những khu vực ưu tiên; dẫn tới nâng cao cuộc sống cho người dân nông thôn.**	Mức sống và tỷ lệ hộ nghèo ở các khu vực phụ thuộc rừng, có tính đến những vấn đề về bình đẳng. Tỷ lệ có việc làm ở khu vực rừng bao gồm cả số liệu phân theo giới. Số lượng và chất lượng tài nguyên rừng ở những khu vực ưu tiên Lâm sản được khai thác ở mức độ bền vững. Cân đối buôn bán lâm sản được tối ưu hoá Số lượng lớn những hộ và người sử dụng rừng tham gia vào việc quản lý rừng bền vững và các hoạt động bảo tồn Diện tích rừng (ha) được quản lý bền vững căn cứ vào các kế hoạch quản lý rừng được thông qua		Tham gia đầy đủ ở mọi cấp, bao gồm cả trong giai đoạn lập kế hoạch. Tỷ lệ tăng dân số sẽ tiếp tục giảm Sẽ không có khủng hoảng lớn về kinh tế Sẵn sàng đối phó với thiên tai, năng lực ứng phó tiếp tục được cải thiện ở Việt Nam Nỗ lực lập kế hoạch quốc gia có thể đồng thời thúc đẩy quản lý và bảo tồn bền vững đa dạng sinh học và phát triển kinh tế

[2]Mục tiêu này tập trung hơn là mục tiêu chung. Nó đặc biệt liên hệ với mục tiêu của chương trinhf hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP) trong giai đoạn 10 năm (2001-2010). Hiai giai đoạn này được chọn để phù hợp với các giai đoạn kế hoạch hiện nay của Chính phủ Việt nam. Mục tiêu trọng tâm đưa ra từ sáng kiến của đối tác phía chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cho ngành lâm nghiệp. Sự hợp tác này sẽ giúp đỡ các mục khác trong mục tiêu.

.

Kết quả 1. Các hệ thống hữu hiệu để lập kế hoạch hợp tác và theo dõi diễn biến phát triển chiến lược cho ngành lâm nghiệp đã được thông qua				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn hoạt động**	**Cam kết hiện tại**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết tương lai**
Các hoạt động: 1.1.1 Khung chương trình FSSP được cập nhật và sử dụng cho các cố gắng của Chính phủ và nhà tài trợ để cải thiện chất lượng rừng ở Việt nam	Tiến hành cập nhật khung chương trình FSSP hàng năm để phản ánh quan điểm của các bên hữu quan Xem xét tổng thể quá trình FSSP được tiến hành theo phương thức tham dự trong năm 2003 và 2006			
1.1.2 Đầu tư vào lâm nghiệp ở Việt nam cần được thẩm định về kinh tế, được lên kế hoạch nhanh chóng và thực hiện theo cách hài hoà	Các dự án đầu tư mới nhanh chóng thực hiện theo kế hoạch đã hài hoà, cùng với 5 MHPR và các đầu tư được tài trợ Sau những dự án đầu tiên thành công trong việc kết hợp các phương pháp, một số dự án thí điểm được thực hiện tiến tới việc hài hoà ngân sách; phối hợp ngân sách 5 MHPR, tài chính của nhà tài trợ và vốn đối ứng của chính phủ Việt Nam. Các thủ tục nêu trong cuốn Sổ tay lâm nghiệp được sử dụng cho lập kế hoạch, thông qua, thực hiện và giám sát các dự án liên quan đến ngành lâm nghiệp của chính phủ Việt Nam (TW và tỉnh), các cơ quan tài trợ, các tác nhân trong ngành lâm nghiệp.	KFW; IUCN (NTFP phase 2);	EU; RNE và tất cả các nhà tài trợ tiềm năng cho TFF (như RNE, Đức, Thuỵ điển, Thuỵ sỹ, Phần lan) KFW;	
1.1.3 Hệ thống thông tin quản lý được thành lập và hoạt động, bao gồm thông tin theo dõi đánh giá, cùng với các hình thức cơ sở khác đảm bảo rằng kế hoạch chiến lược cho ngành lâm nghiệp đem lại những kiến thức bổ ích về ngành lâm nghiệp ở Việt nam	Sự thảo sổ tay lâm nghiệp được chuẩn bị từ cuối năm 2002 và cập nhật thường xuyên theo yêu cầu. Báo cáo nửa năm được tiến hành trong khi thực hiện khung chương trình FSSP Sổ tay lâm nghiệp tập hợp kết quả theo dõi đánh giá và từ các nghiên cứu đặc biệt khác Những buổi thuyết trình thường xuyên về sự phát triển	Phần lan; IUCN (NTFP giai đoạn 2); EU; GTZ (REFAS)	Tropenbos International	WWF (những chương tương ứng)

Kết quả 1. Các hệ thống hữu hiệu để lập kế hoạch hợp tác và theo dõi diễn biến phát triển chiến lược cho ngành lâm nghiệp đã được thông qua				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn hoạt động**	**Cam kết hiện tại**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết tương lai**
	của FSSP cho các bên hữu quan Trang web của FSSP được thành lập và duy trì thường xuyên.			

Kết quả 2. Khung cơ chế, luật pháp và chính sách để cân đối chính sách quốc gia và tỉnh ở những nơi có đất và tài nguyên rừng **Policy, legal and Institutional Framework to harmonise national-provincial policies for forest land and resources in place**				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện có**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết có thể có trong tương lai**
Các hoạt động: 2.1.1 Các vụ chức năng của Bộ NN&PTNT ở trung ương và các cơ quan quản lý rừng ở các tỉnh thực hiện đồng thời những uỷ thác đã chỉnh lý như đã chỉ ra trong quá trình cải cách hành chính của Bộ NN&PTNT năm 2001.	Gắn với việc công bố những kết quả CCHC trong phần 2.4.1 liên quan đến sự thay đổi về nhiệm vụ chức năng và phân phối nhân sự Tính hiệu quả và hiệu lực của các vụ chức năng thuộc Bộ NN&PTNT và các cơ quan quản lý rừng tỉnh được cải thiện trong việc hoạch định chính sách, lập kế hoạch và thực hiện các dự án đầu tư và trong các biện pháp nâng cao năng lực trợ giúp.	GTZ (REFAS proj.); RNE thông qua hỗ trợ dự án CCHC cho Bộ NN&PTNT		
2.1.2 Tăng cường vai trò của khu vực thương mại trong quản lý tài nguyên rừng.	Tỷ lệ giá trị lâm sản mà khu vực kinh tế thương mại thu được so tổng giá trị rừng tăng …. % Phần trăm lao động trong khu vực thương mại so với lao động của kinh tế rừng trong biên chế của Chính phủ.	WWF (Xúc tiến quản lý rừng bền vững ở Việt nam); WB (FSDP)	GTZ (Dự án thương mại và & marketing.)	
2.1.3 Trọng tâm hoạch định chính sách và lập kế hoạch lâm nghiệp chuyển từ TW xuống địa phương	Số các tỉnh có kế hoạch phát triển rừng địa phương nhằm quản lý tài nguyên thiên nhiên tăng Các khung kế hoạch chung, kết hợp các biện pháp được đề xuất cho ngành lâm nghiệp của chính phủ Việt Nam, các nhà tài trợ và khu vực thương mại.	RNE hỗ trợ thông qua SNV và WWF, Dự án Khu bảo tồn quốc gia Cát Tiên, NC & SE AEZ provinces ;EU; GTZ (REFAS Proj.)	SNV	

Kết quả 3. Quy hoạch tổng thể về sử dụng đất để chọn các khu vực ưu tiên cho việc đầu tư dự án được củng cố và thực hiện				
Tổng kết	**Tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện tại**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết tương lai**
Các hoạt động 3.1.1 Tiến hành qui trình và hệ thống quy hoạch sử dụng đất cấp trung mô và vĩ mô cớ hiệu quả và hiệu lực để xác định khu vực ưu tiên cho đầu tư[3].	Hoàn thành quá trình xác định khu vực ưu tiên cho đầu tư theo các loại đất rừng khác nhau ở TW và tỉnh Xác định các luồng và mạch nước có thể bị hư hại được ưu tiên ở mỗi khu sinh thái nông nghiệp Xác định các xã sống dựa vào rừng ở các khu sinh thái nông nghiệp, tỉnh và huyện được ưu tiên theo tiêu chuẩn kinh tế xã hội, môi trường đã thông qua (Xem KQ 4) Những vùng fưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học và động vật hoang dã đã được xác định, và cả nhu cầu đầu tư củng cố hệ thống các khu rừng đặc dụng (xem KQ 6). Tăng cường hợp tác qua biên giới trong việc quản lý và lên kế hoạch bảo vệ và rừng đặc dụng. Những cơ chế cho việc hợp tác hiệu quả hơn giữa các cơ quan quản lý đất và rừng để tiến hành cân đối các số liệu, sự phân loại và phân bổ đất.	RNE & SNV thực hiện thông qua SNV & Dự án Khu bảo tồn Quốc gia Cát Tiê, NC&SE AEZ prov. Nghiên cứu và công việc bổ sung TFF với hỗ trợ của GTZ; EU; BirdLife & Đan Mạch/WWF EU SIDA hợp tác với IFAD	Tropenbos Int'.; Oxfarm GB; Phần lan IUCN; Tropenbos Int'.; ADB (Dự án Rừng và cuộc sống)	EU IUCN;
3.1.2 Hệ thống giám sát rừng tại chỗ cung cấp những số liệu thích hợp về diện tích và chất lượng rừng ở cấp quốc gia, khu vực và lưu vực ưu tiên; phù hợp với kế hoạch chiến lược đang thực hiện (xem RA6,9)	Hoàn thành mốc giám sát diện tích và chất lượng rừng của FDS và 5MHP (tập trung vào các khu vực phụ thuộc rừng) Giám sát nghiên cứu và báo cáo về diện tích và chất lượng rừng cấp quốc gia, khu vực và lưu vực ưu tiên như yêu cầu		FAO	WWW – ứng dụng của hệ thống theo dõi đánh giá; WWF – hợp tác với dự án tái tạo rừng của CIFOR

[3] In the Program Framework "macro" level land use planning covers the national and agro-ecological regional levels of resolution, "meso" level covers the province and district levels of land use planning and land administration, while "micro" level relates to commune land use planning and forest area management planning.

Kết quả 4: Thống nhất sự phân bổ/kế hoạch sử dụng đất sẽ làm cho việc thực hiện và phát triển các kế hoạch phát triển ở xã được tiến hành.				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện có**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết tương lai**
Các hoạt động 4.1.1 Đất rừng thích hợp để phân cho các xã, các hộ hay các đơn vị ngoài quốc doanh địa phương khác được phân bổ công bằng và quản lý hiệu quả	Nhiều xã, hộ và các đơn vị ngoài quốc doanh sẽ được phân đất rừng hoặc có các ký kết khác với chính quyền tỉnh và huyện Đất rừng các loại khác nhau sẽ được quản lý bền vững ở cấp xã ở các tỉnh và khu sinh thái nông nghiệp khác nhau Các nguyên tắc và luật lệ địa phương (làng, xã) sẽ được phát triển để bảo vệ và sử dụng rừng qua các quá trình tham gia minh bạch và được thông qua Phân bổ công bằng đất rừng và lợi nhuận từ lâm sản cho các hộ Các biện pháp kết hợp đối với rừng mang tính quần thể được tài trợ bởi 5MHP và các nhà tài trợ được giới thiệu ở một số địa phương thí điểm Thúc đẩy việc chế biến lâm sản ở qui mô vừa và nhỏ (xem KQ 9)	WB (Dự án bảo vệ rừng và phát triển nông thôn); ADB (Dự án ngành lâm nghiệp.); WWF; Oxfarm GB; IUCN (NTFP – giai đoạn 2); WB; ADB KFW; IUCN;EU; GTZ/SFDP EU; BirdLife EU; GTZ/SFDP, SNV ADB Dự án ngành lâm nghiệp.;EU SIDA	Oxfarm GB; WB ặn án phát triển ngành lâm nghiệp) & ADB (Dự án rừng và cuộc sống.) KFW; ADB (Dự án rừng và cuộc sống) IUCN (Chương trình quản lý lưu vực sông Hương)	

Kết quả 5: Sự phục hồi SFE được tiến hành				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện có**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết có thể trong tương lai**
Các hoạt động 5.1.1 Việc sử dụng đất hiện tại của SFEs được biết có ảnh hưởng đến các quyết định của việc tổ chức quản lý phù hợp và các quyết định thông qua nhiệm vụ cho SFEs	Số liệu sử dụng đất và thuê đất của SFEs Số liệu về những khu đất và rừng còn lại phù hợp để xác định và đưa ra các đơn vị quản lý rừng có hiệu quả thương mại được thu thập từ cuối năm 2002	GTZ (REFAS Proj.)	Tropenbos Int'.; Phần lan	
5.1.2 Tỷ lệ SFEs được xác định và tái cấu trúc để có nhiệm vụ và trách nhiệm như các doanh nghiệp thương mại.	Các SFEs được lựa chọn được phân các khu vực cung cấp gỗ theo đề xuất SFEs thương mại hoạt động có lợi nhuận SFEs có kế hoạch kinh doanh hiện thực Tác động của quá trình đổi mới lên các hộ/công nhân SFE trong các vấn đề đất, vốn và các tài sản, dịch vụ khác.	EU; WB (Dự án bảo về và phát triển rừng.) SNV, EU	WB (Dự án phát triển ngành lâm nghiệp.); Oxfarm GB	BirdLife
5.1.3 Tỷ lệ SFEs được xác định và tái cấu trúc để có nhiệm vụ và trách nhiệm như Ban quản lý bảo vệ rừng BQLBVR) và Ban quản lý rừng đặc dụng.(BQLRĐD).	Các BQLBVR BQLRĐD được chọn xác định rõ khu vực rừng nằm trong quyền hạn của họ BQLBVR / BQLRĐD có kế hoạch quản lý rừng của mình BQLBVR BQLRĐD có nhân sự và nguồn vốn đủ để thực hiện trách nhiệm của mình. Tác động của quá trình đổi mới lên các hộ/công nhân SFE trong các vấn đề đất, vốn và các tài sản, dịch vụ khác.	WWF, SNV	WB (Dự án phát triển ngành lâm nghiệp.); Oxfarm GB;	BirdLife

Kết quả 6: Kế hoạch và thực hiện quản lý rừng bền vững đã hoàn thành trên cơ sở các chức năng khác nhau của 3 loại rừng.				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện tại**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết có thể trong tương lai**
Các hoạt động 6.1.1 Tối đa hoá lợi nhuận dài hạn của các đầu tư 5MHRP thông qua quản lý bền vững các cánh rừng ưu tiên (xác định thông qua các kết quả phụ của R3)	Tỷ lệ các dự án 5MHRP liên quan đến các khu vực rừng ưu tiên được xác định rõ ràng đường biên, người sở hữu và người sử dụng, và các dự án quản lý rừng bền vững đã đàm phán và đang thực hiện Số lượng và chất lượng các kế hoạch đầu tư, quản lý khu vực đã hoàn thành và đang thực hiện cho những cánh rừng đặc dụng ưu tiên. Các cơ chế đảm bảo cho các làng, xã được thông báo đầy đủ và tham gia lập kế hoạch và ra quyết định trong quản lý rừng.	SIDA, WWF; KFW (afforestation proj. 1, 2, 3 & 4); GTZ/SFDP; BirdLife EU IUCN (PARC proj.); EU; GTZ /SFDP; BirdLife	Oxfarm GB; KFW; Phần lan; FAO WB Dự án phát triển lâm nghiệp./Vietnam Conser. Fund; SNV KFW (dự án trồng rừng. IV – Q.Nam, Q.Ngãi, B.Định & P.Yên) GTZ (Dự án Tam Đảo.)	IUCN (Chương trình khôi phục cảnh quan thiên nhiên cho các nước hạ sông Mekong
6.1.2 Chất lượng và diện tích rừng được cải thiện qua việc khôi phục có hiệu quả những cánh rừng đã bị suy thoái và phục hồi năng suất rừng.	Đến năm 2003, các kế hoạch quản lý đưa ra các mục tiêu rõ ràng cho việc quản lý diện tích và chất lượng rừng Đến năm 2003, diện tích và chất lượng rừng được tính toán và cho thấy có sự cải thiện.	KFW (Dự án trồng rừng. Nr.1, 2, 3, & 4);	WWF;	IUCN (Chương trình khôi phục cảnh quan thiên nhiên cho các nước hạ sông Mekong);

Kết quả 7: Sử dụng bền vững và bảo tồn thực vật và động vật bản xứ được phát triển và hoà nhập với bảo tồn đa dạng sinh vật				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện tại**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết có thể có trong tương lai**
Các hoạt động 7.1.1Tăng cường sử dụng các sinh vật bản xứ và trợ giúp kỹ thuật nhân giống tự nhiên cho các chương trình phát triển NTFP, nông nghiệp rừng và tái trồng rừng.	Đến năm 2008, ít nhất 80% các vườn cây sẽ tạo được một số các loài bản xứ Đến năm 2008, tỷ lệ khu vực được hỗ trợ nhân giống cây trồng hằng năm tăng ít nhất 50% tại tất cả các khu sinh thái nông nghiệp miền núi Đến năm 2004, cây giống của các sinh vật bản xứ sẽ phù hợp với tất cả các vùng sinh thái nông nghiệp	KFW; IUCN (NTFP – giai đoạn 2); EU;	ADB (Dự án rừng và đời sống.) Tropenbos Int'l.; GTZ; FAO	KFW; IUCN (Chương trình khôi phục cảnh quan thiên nhiên cho các nước hạ lưu sông Mekong

Kết quả 7: Sử dụng bền vững và bảo tồn thực vật và động vật bản xứ được phát triển và hoà nhập với bảo tồn đa dạng sinh vật				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện tại**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết có thể có trong tương lai**
7.1.2 Các chế độ sử dụng bền vững cho lượng lớn các sinh vật rừng bản xứ và môi trường sống của chúng được phát triển và được kết hợp với các kế hoạch quản lý rừng	Đến năm 2005, cơ chế sử dụng bền vững phát triển và kết hợp ít nhất 10 loài sinh vật bản xứ ở mỗi vùng sinh thái nông nghiệp	IUCN (NTFP giai đoạn 2.)	SNV	
7.1.3 Các loài sinh vật bản xứ quan trọng bị đe doạ tiệt chủng được thuần hoá và sự chuyển giao kỹ thuật phù hợp được kết hợp với các chương trình trồng rừng phù hợp.	Đến năm 2005, ít nhất 2 loài động vật mới được đưa vào các chương trình nuôi và 10 loài thực vật bản xứ được thuần hoá	IUCN (NTFP – giai đoạn 2)	Tropenbos Int'l.	IUCN (Chương trình khôi phục cảnh quan thiên nhiên cho các nước hạ sông Mekong)
7.1.4 Khai thác và mua bán động vật quí hiếm được quản lý hiệu quả hơn để bảo tồn đa dạng sinh vật rừng.	Tỷ lệ ngăn chặn buôn bán bất hợp pháp sinh vật hoang dã quí hiếm tăng ít nhất 50% trong tổng lượng buôn bán ước tính đến năm 2008 Các dự án thử nghiệm về tự quản lý hướng tới việc sử dụng và bảo tồn hệ sinh thái đa dạng rừng (VD : các nhà sưu tầm đăng ký, các hội sưu tầm) Các cơ chế hợp tác qua biên giới trong quy định về thương mại tự do các sản phẩm lâm sản được áp dụng rộng hơn và được mở rộng	WWF (TRAFFIC); IUCN (NTFP); EU EU; BirdLife		IUCN (Bảo tồn cây thuốc)

Kết quả 8: Một hệ thống hợp tác giữa nghiên cứu, mở rộng, đào tạo và giáo dục hợp lý theo nhu cầu được phát triển và thực hiện				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện tại**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết có thể có trong tương lai**
Các hoạt động: *8.1.1* Các tổ chức nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và mở rộng đã thành công trong việc hợp tác phát triển và ứng dụng các cách tiếp cận, phương pháp và kỹ thuật kết hợp	Các ứng dụng và tài liệu về những cách tiếp cận sáng tạo đối với nghiên cứu, giáo dục và mở rộng cần thiết. Những cách tiếp cận và phương pháp được mở rộng một cách thành công. Những thay đổi trong các vai trò thể chế quốc tế, trách nhiệm và các mối quan hệ và hình thành sự hợp tác giữa các cơ quan. Kế hoạch và phân tích thể chế và HPR được thực hiện tại mỗi cơ quan trong hệ thống kết hợp nghiên cứu, giáo dục, đào tạo ngành lâm nghiệp. Thực hiện các biện pháp có hiệu quả về thể chế và nhân sự Các chương trình và dự án được tài trợ hoạt động hướng tới sự hỗ trợ cho các tổ chức nghiên cứu, giáo dục, đào tạo ở cấp quốc gia, vùng và tỉnh. Các dự án, chương trình được tài trợ phối hợp những nỗ lực xây dựng năng lực với việc phát triển tổ chức và nhân sự ở cấp trung ương và tỉnh.	Thụy sĩ (SDC/Helvetas), WWF; Tropenbos Int'; IUCN (NTFP – giai đoạn 2); EU; GTZ/SFDP Thụy sĩ (SDC/Helvetas), Tropenbos Int' Thụy sĩ (SDC/Helvetas) GTZ/SFDP Thụy sĩ (SDC/Helvetas); RNE Thụy sĩ(SDC/Helvetas) Thụy sĩ (SDC/Helvetas)	Oxfarm GB RNE (Dự án thúc đẩy khu vực đào tạo hướng nghiệp)	
8.1.2 Đào tạo và đào tạo mở rộng có hiệu quả đem lại cho nông dân và những người sử dụng rừng khác(bao gồm khu vực thương mại) những vấn đề về quản lý và kỹ thuật, kỹ năng và khả năng như được chỉ ra trong các kết quả trên.	Các khoá đào tạo và các hình thức học khác được phát triển và đem đến cho nông dân và những người sử dụng rừng khác Đến năm 2005,các hoạt động nghiên cứu, đào tạo và đào tạo mở rộng cung cấp ít nhất 80% các đầu vào kỹ thuật tiêu chuẩn của 5MHRP Giám sát các mục tiêu và ảnh hưởng của đào tạo và đào tạo mở rộng qua tiến hành nghiên cứu ứng dụng kiến thức trong công việc để sửa đổi và cập nhật nội dung, kế hoạch.	Thụy sĩ (SDC/Helvetas), WWF; IUCN (NTFP-giai đoạn 2); GTZ/SFDP		

Kết quả 8: Một hệ thống hợp tác giữa nghiên cứu, mở rộng, đào tạo và giáo dục hợp lý theo nhu cầu được phát triển và thực hiện				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện tại**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết có thể có trong tương lai**
8.1.3 Đào tạo và đào tạo mở rộng có hiệu quả đem lại cho cán bộ mới và cán bộ hiện có ở các cơ quan trong ngành lâm nghiệp những vấn đề về quản lý và kỹ thuật, kỹ năng và khả năng như được chỉ ra trong các kết quả trên.	Nhiều cán bộ mới và cán bộ hiện có tại các cấp đào tạo hướng nghiệp, kỹ thuật và chuyên sâu có bằng cấp tiêu chuẩn. Tốt nghiệp các khoá đào tạo hướng nghiệp, kỹ thuật và chuyên sâu.	Tropenbos Int'; IUCN (NTFP-giai đoạn 2); GTZ/SFDP	RNE (Dự án thúc đẩy khu vực đào tạo hướng nghiệp)	

Kết quả 9: Lâm sản đã được đưa ra thị trường và khai thác ở mức bền vững.				
Tổng kết	**Các tiêu chuẩn thực hiện**	**Cam kết hiện có**	**Trong kế hoạch thực hiện**	**Cam kết có thể có trong tương lai**
Các hoạt động: 9.1.1Các khu vực rừng hiện tại được mở rộng, ở những nơi thích hợp, để cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến gỗ.	Khu vực cung cấp gỗ được xác định và có khả năng đạt được mục tiêu cung cấp		GTZ (Dự án thương mại và marketing.); WB (Dự án phát triển ngành lâm nghiệp.)	
9.1.2 Các hệ thống giao thông và thu hoạch được nâng cấp, chi phí giảm	Chi phí chuyên chở gỗ là cạnh tranh trên thế giới.		GTZ (*Dự án thương mại và marketing*.)	WWF
9.1.3 Tiến hành khai thác gỗ và lâm sản trong qui mô vừa và nhỏ(xem KQ 8)	Kế hoạch phát triển rừng ở tỉnh và huyện bao gồm những đề nghị và nguồn lực để thực hiện của các doanh nghiệp vừa và nhỏ	KFW; IUCN (NTFP-giai đoạn 2)	GTZ (*Dự án thương mại và marketing)*	KFW

QUAN HỆ ĐỐI TÁC GIÚP ĐỠ CÁC XÃ NGHÈO NHẤT

(Cập nhật đến tháng 11/2003)

Quan hệ đối tác Giúp đỡ các Xã nghèo nhất (PAC) bắt đầu giai đoạn hai vào tháng 3/2003 với việc thông qua tài liệu khái niệm PAC và nhất trí kế hoạch hành động năm 2003.

Mục tiêu của PAC tập trung vào ba lĩnh vực là

- Cải thiện công tác điều phối các dự án và chương trình của chính phủ và các nhà tài trợ về giảm nghèo tại các xã nghèo nhất ở Việt Nam
- Xây dựng các thủ tục và phương pháp hiệu quả và thống nhất hơn giữa chính phủ và các nhà tài trợ trong quá trình chuẩn bị, quản lý và thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng và giảm nghèo tại các xã nghèo nhất
- Củng cố các cơ chế học hỏi kinh nghiệm trực tiếp về thực hiện chương trình và dự án và đưa kinh nghiệm này vào việc thiết kế các dự án và chương trình tương lai cũng như các khuôn khổ điều tiết

Vềdài hạn, quan hệ đối tác nhằm tăng cường tính bổ sung giữa các thủ tục của chính phủ và các nhà tài trợ và áp dụng các bài học kinh nghiệm vào việc sửa đổi và thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo của Chính phủ.

Dưới sự lãnh đạo của MPI, một nhóm Quan hệ đối tác PAC mới bắt đầu một chương trình nghiên cứu ứng dụng toàn diện dựa trên nhu cầu, tổ chức tham khảo chính sách và hội thảo phổ biến nghiên cứu và xuất bản các ấn phẩm để giúp củng cố hơn nữa những kinh nghiệm và bài hoc phong phú đã rút ra từ các chương trình và dự án dựa trên cộng đồng nhằm vào các xã nghèo nhất. Chương trình của Nhóm PAC được tài trợ bởi một khoản viện trợ không hoàn lại ASEM II (do Ngân hàng Thế giới huy động) và nhờ các đóng góp tài chính của các nhà tài trợ quan tâm khác như UNDP, DIFID, và NHTG.

Các hoạt động năm 2003

No	Hoạt động/Thời gian hoàn thành/ Trách nhiệm	Mô tả	Thực trạng
1	Tái thiết lập PAC tháng 3/2003 Chủ trì Nhóm đối tác PAC	Thông qua Tài liệu khái niệm Phê chuẩn kế hoạch hành động 2003	Đã hoàn thành
2	**Nghiên cứu về sự đóng góp của cộng đồng đối với việc phát triển cơ sở hạ tầng** **Tháng 4/2003** Chủ trì: UNDP/IFAD/PAC	Đánh giá và phổ biến thông tin về IFAD và Chương trình 135 của Chính phủ tại 4 tỉnh: Tuyen Quang, Ha Giang, Ha Tinh and Quang Binh	Đã hoàn thành
3	**Nghiên cứu về Sự phát triển dựa trên cộng đồng ở Việt nam** **Tháng 9/**2003 Chủ trì: World Bank/PAC	Đưa kinh nghiệm của Việt Nam về Phát triển dựa trên Cộng dồng (CDD) vào một cương lĩnh Xác định các nhân tố quyết định kết quả của CDD trong đất nước	Đã hoàn thành
4	**Nghiên cứu về các Thông lệ tốt nhất trong lĩnh vực phát triển nông thôn**	Đánh giá kinh nghiệm đạt được trong Phát triển nông thôn tổng thể trong khuôn khổ các dự án/chương trình	Đã hoàn thành

	tổng thể Tháng 9/ 2003 Chủ trì: UNDP/IFAD/PAC	UNDP và IFAD ở Việt Nam và đưa các kinh nghiệm này vào cuốn sách hướng dẫn " các thông lệ tốt nhất trong phát triển nông thôn tổng thể". Tổ chức một hội thảo để thảo luận và phổ biến kinh nghiệm và các bài học	
5	**Khóa đào tạo về Sinh kế bền vững tháng 10/2003** Chủ trì: DFID/PAC	Một loạt các khóa đào tạo về khái niệm sinh kế bền vững và sự áp dụng khái niệm này tại Việt Nam cho các đối tượng chủ chốt ở cấp trung ương và địa phương	Đã hoàn thành
6	**Nghiên cứu về Giảm nghèo ở các Xã ven biển nghèo** **Tháng 11/** 2003 Chủ trì: PAC/MoFi/MONRE/Oxfam GB	Hỗ trợ xây dựng một chương trình mới của chính phủ nhằm giúp các xã nghèo nhất tại các khu vực ven biển của Việt Nam thông qua việc xác định các tiêu chí mục tiêu và xác định các vấn đề cần đối phó, nhu cầu hỗ trợ và các giải pháp và cơ chế giải quyết có thể thực hiện được. Một cuộc hội thảo với sự tham gia tích cực của các tỉnh chủ chốt đã được tổ chức để thảo luận các phát hiện và đề xuất của nghiêu cứu	Đã hoàn thành
7	**Nghiên cứu về việc tăng cường tính hiệu quả của Các nhóm những người sử dụng** **Tháng 11/2003** **Chủ trì**: UNDP	Đánh giá lại môi trường thể chế, có ảnh hưởng đến việc hình thành, vận hành và bền vững của các nhóm những người sử dụng, Đánh giá kinh nghiệm rút ra nỗ lực xây dựng năng lực	Đang thực hiện
8	**Dân chủ cơ sở và Hoạch định phát triển làng: trên thực địa** Tháng 11/ 2003 Chủ trì: GTZ	Đánh giá tác động của việc hoạch định phát triển làng đối với Nghị định Dân chủ Cơ sở, Chương trình 135, 925 và Chương trình Xóa đói giảm nghèo và giảm nghèo cấp làng xã.	Đang thực hiện
9	**Nghiên cứu về n M&E trong các Chương trình/Dự án Phát triển dựa trên cộng đồng Tháng 12/2003** Chủ trì: NHTG/PAC	Cung cấp bức tranh cập nhật về các dự án phát triển dựa trên cộng đồng hiện tại hoặc nằm trong kế hoạch có sự hỗ trợ của các nhà tài trợ hoạt động ở các xã nghèo trên toàn quốc. Thiết lập cơ sở dữ liệu về các dự án và chương trình CDD do MPI duy trì. Tạo cơ sở cho hệ thống M&E để bảo đảm tính bổ sung và tránh trùng lắp trong các dự án và chương trình CDD	Đang thực hiện
10	Nghiên cứu về Hài hòa hóa Thủ tục của chính phủ và các nhà tại trợ trong các dự án CDD Tháng 1/2004 Chủ trì Lead: NHTG/PAC	Xác định khả năng hài hòa hóa các cách tiếp cận và thủ tục của các dự án/chương trình CDD được phân cấp và cách thức thực hiện chúng, tập trung vào 4 lĩnh vực cụ thể là (i) dòng ngân sách và quản lý tài chính; (ii) thủ tục hợp đồng và mua sắm; (iii) yêu cầu giám sát và báo cáo và (iv) thủ tục huy động sự tham gia của người dân địa phương tại cấp tỉnh và các cấp thấp hơn.Gắn kết với Nhóm hài hòa hóa thủ tục (ADB, JBIC, UN, các nhà tài trợ song phương, hoạt động của NHTG)	Đang thực hiện
11	Nghiên cứu về việc Vận hành&Bảo dưỡng Cơ sở hạ tầng Cộng đồng Tháng 1/2004 **Chủ trì: NHTG/PAC**	Có một sự hiểu biết thực tế tốt hơn về tình hình hiện nay liên quan đến việc hoạt động và duy trì cơ sở hạ tầng làng xã, bao gồm các cơ chế tài chính, việc sử dụng sự đóng góp của địa phương đối với việc phân bổ ngân sách thường xuyên và xây dựng năng lực kỹ thuật liên quan đến hoạt động O&E	Đang thực hiện
12	**Báo cáo Tiến độ** Tháng 11/2003 Chủ trì: PAC Nhóm chủ chốt	Tóm tắt các phát hiện và kết luận từ năm 2003	Đang thực hiện
13	**Chương trình làm việc cho năm 2004** Tháng 12/ 2003 Chủ trì: PAC Nhóm quan hệ đối tác	Phát triển và nhất trí chương trình cho năm 2004	Đang thực hiện

Gắn kết với chiến lược CLTT&GN và Nhóm Công tác giảm nghèo. Nhóm quan hệ đối tác PAC hỗ trợ việc thực hiện chiến lược CLTT&GN bằng cách giúp xác định các cơ chế nhằm huy động sự tham gia của người dân trong các nỗ lực phát triển và thống nhất phương pháp thực hiện trong các chương trình mục tiêu quốc gia (ví dụ các chương trình quốc gia về XĐGN và Tạo việc làm). Nhóm quan hệ đối tác PAC hỗ trợ các hoạt động của Đội đặc nhiệm Giảm nghèo bằng cách áp dụng kinh nghiệm quản lý và thực hiện dự án và chương trình trong quá trình thực hiện Chiến lược CLTT&GN rộng lớn hơn.

Tổ chức. Tổ chức PAC bao gồm một Đội Quản lý, Nhóm chủ chốt và Nhóm quan hệ đối tác rộng lớn hơn hoạt động dưới sự chỉ đạo của Thứ trưởng Nguyễn Xuân Thao của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI).

Nhóm Chủ chốt PAC

- BKHĐT – Vụ Kinh tế Nông nghiệp
- BKHĐT – Vụ Lãnh thổ và Kinh tế địa phương
- BKHĐT – Vụ Lao động và các vấn đề xã hội
- BKHĐT – Vụ Kinh tế Đối ngoại
- ActionAid
- AusAid
- DFID
- GTZ
- JBIC
- Oxfam GB
- UNDP
- World Bank

Nhóm quan hệ đối tác PAC

<u>Các cơ quan Chính phủ</u>

- Trung tâm Vệ sinh và Cung cấp nước
- Ủy ban các vấn đề dân tộc
- Hội Nông dân
- Văn phòng Chính phủ
- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- Báo đầu tư
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Bộ Xây dựng
- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Bộ Tài chính
- Bộ Thủy sản
- Bộ Y tế
- Bộ Lao động, thương binh và xã hội
- Bộ Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Các trung tâm nghiên cứu của BKHTĐT
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

<u>Các nhà Tài trợ/TCPCP / Trung tâm</u>

- ActionAid
- ADB
- AusAid
- CIDA
- Trung tâm điều phối Giảm nghèo
- DFID
- Đại sứ quán Hà Lan
- Phái đoàn EU
- GTZ
- Helvetas
- JBIC
- Đại sứ quán New Zealand
- Trung tâm nguồn lực NGO
- Oxfam GB
- SDC
- SIDA
- UNDP

- Hội Phụ nữ

- Các dự án khác nhau do các nhà tài trợ hỗ trợ
- Hội những người làm vườn Việt Nam
- NHTG

NHÓM HỖ TRỢ QUỐC TẾ (NHT)
BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. Tiến bộ trong 6 tháng qua nhằm hỗ trợ CLTT&GN và chiến lược, chương trình của ngành

- Ban Chỉ đạo NHTQT họp vào 17-6-2003 và thông qua một loạt các văn bản mới làm khuôn khổ cho hoạt động của NHTQT trong 3 năm tới, 2003-2005. Một bản tổng kết thực hiện vào tháng 4 và 5-2003 đã kết luận rằng NHTQT đã đạt được những kết quả đáng biểu dương và phạm vi hoạt động của NHTQT đang được tiếp tục mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu và những thách thức hiện nay. Điều được đặc biệt nhấn mạnh là là NHTQT cần giúp Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ NN&PTNT trong đối thoại về phối hợp và chính sách cả trong cùng cấp và giữa các cấp trong mọi giai đoạn của chu trình dự án: đánh giá tác động và phổ biến những bài học đã rút ra. Lý do của công tác tổng kết này là nhằm giúp Việt Nam đáp ứng và khắc phục tốt hơn những thử thách khi chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp với trọng tâm là mở rộng quy mô sản xuất sang một mô hình phát triển phù hợp hơn với nhu cầu thị trường trong một nền kinh tế ngày càng hội nhập nhiều hơn vào kinh tế thế giới, đồng thời có chú trọng đặc biệt đến giảm nghèo và công bằng xã hội. Theo Bản Quy định Nhiệm vụ của NHTQT:

- NHTQT sẽ chú trọng hơn đến lồng ghép và dịch vụ nước, đặc biệt là thực hiện CLTT&GN thông qua các hoạt động của 3 nhóm hỗ trợ kỹ thuật.

- Phối hợp không chỉ theo ngành dọc mà còn giữa các ngành ngang song song với quá trình đối thoại với các tỉnh.

- Ban Chỉ đạo NHTQT sẽ thông qua kế hoạch công tác với một khuôn khổ logic và một loạt các chỉ tiêu hoạt động nhằm đánh giá hiệu quả phối hợp của NHTQT vào tháng 11-2003.

- Cuộc họp toàn thể hàng năm của NHTQT đã được tổ chức thành công vào 22-9-2003 tại Bộ NN&PTNT. Cuộc họp có chủ đề là "*Hội nhập quốc tế và phát triển nông thôn*". Tham gia vào cuộc họp toàn thể gồm có khoảng 200 đại biểu, đại diện của các nhà tài trợ quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các cơ quan hữu quan trong nước, các tổ chức ngoài nhà nước, và các cơ quan thông tấn.

  Cuộc họp đã bàn đến hai vấn đề quan trọng:

  1. Làm thế nào để nông nghiệp Việt Nam có thể hội nhập thành công kinh tế thế giới

  2. Làm thế nào để cải thiện đời sống của người nghèo ở nông thôn.

  Cuộc họp gồm 4 phiên, bao gồm

  1. Tiếp tục đổi mới trong bối cảnh hội nhập toàn cầu;

  2. Tổ chức và trách nhiệm của Bộ NN&PTNT;

3. Lộ trình hội nhập quốc tế cho ngành;

4. Vai trò của các đối tác phi chính phủ (các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, các viện nghiên cứu) để hỗ trợ hội nhập quốc tế và phát triển nông thôn.

- Do có sự cơ cấu lại tổ chức gần đây trong Bộ NN&PTNT và những văn bản pháp quy mà chính phủ và Bộ NN&PTNT mới ban hành, để giúp Bộ quản lý một cách hữu hiệu cũng như sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ cho ngành, NHTQT đang giúp thành lập một tổ công tác, gồm cán bộ từ các vụ liên quan trong Bộ NN&PTNT nhằm sửa đổi Quyết định 132 /1999/QD-BNN-HTQT ngày 22-9-1999 của Bộ trưởng NN&PTNT về ban hành quy chế quản lý chương trình và dự án có sử dụng viện trợ nước ngoài thuộc Bộ NN&PTNT.

- Ba điều phối viên kỹ thuật cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật trong NHTQT đã được Bộ NN&PTNT chỉ định để chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động của các nhóm hỗ trợ kỹ thuật tương ứng.

- Để chuẩn bị thiết lập cơ chế đối thoại thí điểm ở một số tỉnh, Ban Thư ký NHTQT đã đi thăm tỉnh An Giang và Vĩnh Long. Cơ chế đối thoại sau khi được thành lập sẽ:

  - Tạo điều kiện đối thoại chính sách để đảm bảo những kế hoạch và ưu tiên ngắn hạn, trung hạn và dài hạn ở cấp trung ương và địa phương phải được thông báo cho các nhà tài trợ và để nhà tài trợ xác định được những lĩnh vực hỗ trợ trong giai đoạn đầu.

  - Các tỉnh quan tâm đến vấn đề này sẽ được lợi nếu họ có thể khai thác được cơ hội trao đổi thông tin với chính phủ và các nhà tài trợ về những ưu tiên trong chiến lược và kế hoạch phát triển của họ nhằm tìm kiếm trợ giúp bên ngoài.

  - Bao quát việc chia sẻ những thông tin phù hợp và dự báo xu hướng thị trường nông lâm sản và sản phẩm muối trong nước và quốc tế; tiến bộ trong các chương trình và dự án giảm nghèo cấp địa phương;

  - Hỗ trợ tăng cường quan hệ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà khoa học, doanh nghiệp, và nông dân nhằm đảm bảo có sự tương tác giữa họ.

II. Trong 12 tháng tới, những hành động cụ thể sẽ được thực hiện, bao gồm việc gắn hỗ trợ của các nhà tài trợ với CLTT&GN

- Hoạt động của mỗi nhóm hỗ trợ kỹ thuật trong NHTQT sẽ được đẩy nhanh với những cuộc họp thường xuyên của nhóm hỗ trợ kỹ thuật và những hoạt động theo dự kiến.

  - Nhóm hỗ trợ kỹ thuật 1 về hội nhập kinh tế quốc tế với chính sách: với dự án do AusAID tài trợ có tên là "Tăng cường năng lực cho ngành nông nghiệp phát triển nông thôn để hội nhập quốc tế" là hoạt động chính.

  - Nhóm hỗ trợ kỹ thuật 2 hỗ trợ việc phát triển các công trình thuỷ lợi, kiểm soát thiên tai, cấp nước khu vực nông thôn: hoạt động chính là đánh giá lại các công trình thuỷ lợi hiện nay ở Việt Nam.

- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật 3 nhằm thực hiện CLTT&GN trong nông nghiệp và phát triển nông thôn: hoạt động chính là dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ "Hỗ trợ theo dõi và đánh giá thực hiện CLTT&GN ở nông thôn Việt Nam".

- Hoàn thành báo cáo phân tích, thiết lập cơ chế đối thoại ở một số tỉnh. Theo đó, 7 đầu mối sẽ được thiết lập và bắt đầu hoạt động trong năm 2004.

- Sự kiện đặc biệt: cuộc họp thường niên toàn thể của NHTQT sẽ được tổ chức vào tháng 5, tháng 6-2004 để làm một diễn đàn công khai cho đối thoại chính sách giữa Bộ NN&PTNT, các cơ quan hữu quan của chính phủ, cộng đồng tài trợ, và các tổ chức phi chính phủ.

- Hệ thống thông tin quản lý NHTQT (trang web, cơ sở dữ liệu ODA, cơ sở dữ liệu về dịch vụ tư vấn, bản tin của NHTQT, đĩa CD) cũng sẽ được củng cố nhằm đáp ứng yêu cầu của Bộ NN&PTNT, cộng đồng tài trợ, và các đối tác trong NHTQT tại một số tỉnh thí điểm.

III. Cơ cấu tổ chức của NHTQT

Sau đây là mô tả về tổ chức của NHTQT:

Ban Chỉ đạo (BCĐ)

Do bộ trưởng Bộ NN&PTNT vào năm 2000 với 22 thành viên thường trực; bộ trưởng, thứ trưởng, và 10 thành viên từ các nhà tài trợ quốc tế và tổ chức phi chính phủ. Với sự chủ toạ của bộ trưởng, BCĐ họp 2 lần một năm nhằm: i) cập nhật và vạch ra khung chính sách cho NHTQT và việc hợp tác với các nhà tài trợ; ii) thảo luận và lựa chọn những chuyên đề cần xem xét và phối hợp; iii) tổng kết và thông qua các kế hoạch và ngân sách.

Phiên họp toàn thể

Được tổ chức hàng năm với sự chủ toạ của Bộ trưởng NN&PTNT và một số đại diện của các nhà tài trợ. Phiên họp toàn thế sẽ có 5 chức năng chính: i) báo cáo về những chính sách phát triển hiện hành của Bộ NN&PTNT và của chính phủ liên quan đến nhiệm vụ của Bộ, ii) các ưu tiên phát triển, iii) các xu hướng trong trợ giúp của các nhà tài trợ, iv) cập nhật và các dự án và chương trình đang thực hiện và sẽ được thực hiện; v) tổng kết và thảo luận về những bài học rút ra, vi) các diễn giả trình bày những chuyên đề kỹ thuật phù hợp.

Ban Thư ký NHTQT

Do Bộ NN&PTNT thành lập vào năm 2000, đóng vai trò chủ chốt giúp NHTQT đạt được các mục tiêu của mình; các chức năng bao gồm: i) phối hợp và xây dựng mạng lưới trong Bộ NN&PTNT cũng như với các bộ khác, các nhà tài trợ, tổ chức phi chính phủ và các tỉnh; ii) tổ chức các cuộc họp của BCĐ và họp toàn thể; iii) giúp phối hợp các hoạt động của nhóm chuyên đề không thường trực, phổ biến thông tin và những bài học rút ra; iv) duy trì và cập nhật trang web của NHTQT; v) soạn thảo và phân phát các tờ tin của NHTQT một cách thường xuyên; vi) hợp tác chặt chẽ với ICARD về các hoạt động phổ biến thông tin; vii) quản lý kinh phí và tài sản của NHTQT.

Các nhóm chuyên đề (NCĐ)

Hiện có 3 NCĐ trong khuôn khổ NHTQT

NCĐ 1: hội nhập kinh tế quốc tế và chính sách nông nghiệp;

NCĐ 2: hỗ trợ phát triển thuỷ lợi, kiểm soát thiên tai, và cung cấp nước nông thôn;

NCĐ 3: hỗ trợ thực hiện CLTT&GN trong nông nghiệp và nông thôn

Ngoài việc phục vụ đối thoại và trao đổi kinh nghiệm về những khía cạnh kỹ thuật, các NCĐ còn tổng kết và xem xét những chủ đề kỹ thuật cụ thể do BCĐ và cuộc họp toàn thể chỉ ra, cung cấp đầu vào để tiếp tục thảo luận. Các vụ trưởng trong Bộ NN&PTNT cùng với đại diện của nhà tài trợ luân phiên chủ toạ các NCĐ. Mỗi NCĐ lại có một điều phối viên kỹ thuật của Bộ NN&PTNT làm việc kiêm nhiệm.

IV. Hoạt động của NHTQT cho đến nay

NHTQT là một diễn đàn đối thoại chính sách giữa Bộ NN&PTNT, cộng đồng tài trợ và những cơ quan hữu quan khác của Việt Nam trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Với sự tham gia tích cực, lâu dài, và có trách nhiệm hiện nay của các đối tác khác nhau, NHTQT sẽ thực hiện tốt hơn nữa vai trò hỗ trợ phối hợp các nguồn viện trợ cho nông nghiệp và phát triển nông thôn.

V. Kiến nghị nhằm cải thiện cơ chế đối tác. Kế hoạch tương lai liên quan đến công thức phối hợp đối tác

Thành viên của NHTQT nói chung và các NCĐ nói riêng cần phải:

- đóng vai trò tích cực và xây dựng vào quá trình hoạt động linh hoạt của NHTQT;
- thường xuyên cung cấp và trao đổi thông tin liên quan đến chiến lược, kế hoạch hành động, chính sách ưu tiên của ngành và trong CLTT&GN;
- thường xuyên cung cấp thông tin về những hoạt động đang tiến hành, đang trong kế hoạch của ngành;
- chú trọng đến chia sẻ kinh nghiệm và các bài học.

VI. Cập nhật tóm tắt về ngành nước:

Bộ Tài Nguyên & Môi trường đã thành lập Vụ Quản lý tài nguyên nước. Hiện có khoảng 30 cán bộ được chuyển từ Bộ NN&PTNT và Tổng cục Khí tượng Thuỷ văn sang. Tổ chức và chương trình hiện đang được thiết lập nhằm đưa vụ vào hoạt động, một phần dựa vào những kiến nghị được đưa ra bởi Nhóm đặc nhiệm nhiều nhà tài trợ, khuyên Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT về việc chuyển giao trách nhiệm quản lý tài nguyên nước. Văn phòng Hội đồng Nước quốc gia được đặt tại vụ này.

Chính phủ ban hành Nghị định 86/2003/ND-CP ngày 18-7-2003 về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ NN&PTNT, Bộ NN&PTNT cũng đã ban hành Quyết định 93/2003/QD-BNN ngày 4-9-2003 về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài nguyên nước thuộc bộ. Những văn bản này quy định trách nhiệm của bộ và vụ liên quan đến thuỷ lợi và những nguồn tài nguyên liên quan đến nước. Quyết định 93 quy định

rằng Vụ Tài nguyên nước sẽ là cơ quan thường trực trong các tổ chức pl lập quy hoạch lưu vực sông và sẽ chịu trách nhiệm về những hoạt động lập kế hoạch liên quan.

Ngày 9-6-2003, Hội đồng Nước quốc gia đã tổ chức cuộc họp lần thứ 4. Khi kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đề cập đến vai trò quan trọng của Hội đồng Nước quốc gia trong việc cố vấn cho chính phủ về quản lý tài nguyên nước, vai trò của Bộ TN&MT là cơ quan thường trực của Hội đồng nước, và một số mục tiêu của Hội đồng và Bộ TN&MT trong việc lập quy hoạch, ra quy định và quản lý thông tin về tài nguyên nước. Hội đồng dự kiến sẽ gọp thường kỳ 6 tháng một lần.

Cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai được tổ chức tại Hà Nội vào 8-9-2003. Ban này đã thảo luận những vấn đề tổ chức chi tiết như số thành viên và các nhóm công tác hỗn hợp. Ban cũng nhận được báo cáo và kiến nghị về những vấn đề ưu tiên tronhg khối lượng và chất lượng nước của lưu vực. Công việc sẽ được tiếp tục về những vấn đề này thông qua các nhóm công tác.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC ODAP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tiến độ thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2003

1. Một cuộc Hội thảo được tổ chức vào tháng 5 nhằm đánh giá kết quả hoạt động của các dự án ODA ở thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận được rút ra từ hội thảo bao gồm cả các đề xuất của Uỷ ban nhân dân thành phố HCM cho chính phủ trung ương yêu cầu xem xét các khung luật pháp áp dụng cho các dự án ODA và các hoạt động cần thiết mà UBND cần thực hiện để thúc đẩy hoạt động ODA đồng thời cải thiện năng lực các đơn vị quản lý dự án. Kết luận của hội thảo là một đóng góp quan trọng vào hội thảo cấp quốc gia do Bộ kế hoạch đầu tư và các nhóm tài trợ có đồng quan điểm phối hợp tổ chức vào tháng 6. Hoạt động của các dự án ODA đã gây chú ý rộng khắp không chỉ ở thành phố HCM mà còn trên toàn quốc.

2. Diễn đàn số 9 của Đơn vị quản lý dự án diễn ra vào tháng 7 nhằm thảo luận dự thảo các quy định về quản lý ODA ở thành phố HCM. Hầu hết các nhận xét đưa ra đều tập trung vào khung hợp tác giữa các ban nghành trong thành phố trong việc quản lý ODA, kế hoạch thực hiện và trách nhiệm quản lý của các ban nghành trong quá trình chuẩn bị và đánh giá dự án; các điều lệ mới về cơ cấu tổ chức đơn vị quản lý dự án và cơ chế khuyến khích.

3. Tại cuộc họp ban điều hành vào tháng 5 năm 2003, AFD và EU chính thức được tham gia vào ODAP. Giờ đây, số thành viên của ODAP là 10 bao gồm UBND thành phố HCM,Bộ KHĐT, Ngân hang thế giới, UNDP,ADB,JBIC,JICA, BTC/DGIC, AFD, EC và các tổ chức phi chính phủ quốc tế tại thành phố HCM. Bản ghi nhớ được các thành viên của ODAP thông qua và lễ ký kết được tổ chức vào đầu tháng 7 năm 2003. Bản ghi nhớ sửa đổi cho thấy rằng ODAP là một mối quan hệ hợp tác không mang tính ràng buộc. Nhiệm vụ của ODAP là tạo ra một khuôn khổ hoạt động chung nhằm xác định những ưu tiên cho nguồn tài trợ đối với sự phát triển của thành phố đồng thời thắt chặt mối liên kết giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài và các chương trình của thành phố. Ngoài ra, ODAP còn có trọng trách phấn đấu để đạt được sự đồng thuận trong cải cách chính sách và giải pháp cho các vấn đề mang tính vận hành, tạo điều kiện cho việc thực hiện dự án và chia xẻ những thông tin có liên quan, điều phối kiến thức và các hoạt động của nhà tài trợ sao cho các đối tác có thể tiếp cận được các số liệu, các văn bản và các hoạt động dự án.

4. Khảo sát sơ bộ giữa các đơn vị quản lý dự án ODA được tổ chức vào tháng 9 nhằm xác định những thông tin chung mà các nhà tài trợ thường yêu cầu từ phía các đơn vị quản lý dự án và UBND trong quá trình chuẩn bị, thực hiện và hoàn thiện dự án. Điều này sẽ giúp các thành viên của ODAP xây dựng khung chia xẻ thông tin hiệu quả trong tương lai.Báo cáo sẽ được đệ trình tới Ban Chỉ đạo ODAP vào cuối tháng 11.

5. Tập huấn cho các đơn vị quản lý dự án ODA và các ban nghành trong thành phố về kỹ năng quản lý dự án đã được ODAP tổ chức với sự hỗ trợ của UBND thành phố HCM và dự án quản lý công cộng VIE/02/010 của UNDP vào tháng 9. Đánh giá sơ

bộ cho thấy học viên đưa ra những mong đợi rất cao đối với khoá tập huấn và thể hiện mong muốn được có thêm nhiều hội thảo tập trung vào các vấn đề quan trọng liên quan đến việc chuẩn bị và thực hiện dự án. Sở kế hoạch đầu tư sẽ có trách nhiệm giám sát khoá tập huấn để đánh giá tính hiệu quả của khoá học đối với các thành viên của ODAP.

6. Công tác chuẩn bị cho hội thảo đền bù và giải phóng mặt bằng cho các dự án ODA ở thành phố HCM đang được thực hiện. Hội thảo sẽ xem xét khung đền bù . Khung đền bù được xây dựng không nên quá khác giữa các dự án ODA và các dự án trong nước. Hơn nữa, việc đền bù và giải phóng mặt bằng nên được thực hiện tập trung, nhất là phải có sự hợp tác giữa các bên liên quan.

Kế hoạch 6 tháng tiếp theo

1. Sẽ có một hội thảo ODAP về đền bù và giải phóng mặt bằng, có thể vào tháng 11. Việc đền bù cho người nghèo là một trong những vấn đề mà hội thảo quan tâm.

2. Các hoạt động chính của ODAP là hỗ trợ các dự án ODA, cụ thể là tăng cường thể chế của các đơn vị quản lý dự án ODA và các ban nghành có liên quan ở thành phố HCM thông qua các buổi tập huấn được thực hiện một cách thường xuyên, xây dựng khung và điều phối việc chia xẻ thong tin giữa thành phố và nhà tài trợ.

3. Phối hợp với Bộ KHĐT để xây dựng hệ thống quản lý thông tin các dự án ODA

4. Để hoàn thành nhiệm vụ của ODAP là tạo ra một khuôn khổ hoạt động chung để xác định những ưu tiên cho nguồn tài trợ đối với sự phát triển của thành phố đồng thời thắt chặt mối liên kết giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài và các chường trình khác của thành phố,ODAP n ên có một tư vấn quốc tế hỗ trợ Sở kế hoạch đầu tư thành phố HCM trong những vấn đề này.

Tiêu chí thành công để đánh giá mối quan hệ đối tác

Chỉ số để đánh giá sự thành công trong mối quan hệ đối tác sẽ được nhà tài trợ xây dựng trong năm tới.

NHÓM CÁC NHÀ TÀI TRỢ TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

1) Tiến bộ trong 6 tháng qua nhằm hỗ trợ CLTT&GN và chiến lược, chương trình của ngành

Kể từ buổi họp đầu tiên vào tháng 7 năm 2000, hoạt động của nhóm chủ yếu bao gồm trao đổi, cập nhật các thông tin và kinh nghiệm của cá dự án, các chương trình và các hoạt động liên quan trong lĩnh vực giao thông vận tải của các nhà tài trợ và Bộ giao thông vận tải (Bộ GTVT). Ngoài ra, một số thành viên của nhóm cũng tiến hành thảo luận về việc xúc tiến quá trình điều phối giữa các thành viên của nhóm. Các hoạt động chính được miêu tả cụ thể như sau:

1. Hoạt động của các nhà tài trợ trong lĩnh vực giao thông

1.1 Giao thông nông thôn

Trong lĩnh vực giao thông nông thôn, các nhà tài trợ đã tiến hành một số các hoạt động và nghiên cứu để đạt được các mục tiêu hiện tại do chính phủ đề ra, đó là Đảm bảo Giao thông cơ bản thông suốt bốn mùa. Các nhà tài trợ đều nhận thấy nhu cầu cần thiết cho lĩnh vực này. Ngân hàng thế giới (WB) và Cơ quan phát triển quốc tế của chính phủ Anh (DFID) đang bắt đầu chuẩn bị các hoạt động cho trương trình hỗ trợ sắp tới trong lĩnh vực này. Hai nhà tài trợ này cũng đang tích cực vận động các nhà tài trợ khác để thu hẹp khoảng cách trong đầu tư, một vấn đề đang diễn ra tại các vùng khó khăn để đạt được các mục tiêu trong Chiến lược xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng của quốc gia. Bên cạnh đó, chính phủ Nhật Bản, thông qua Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), với hơn 100 cầu cỡ trung bình và nhỏ đã và đang xây dựng tại các vùng nông thôn, đã tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông ở các vùng sâu và xa, trong cả bốn mùa. Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), cũng đang chuẩn bị cho một dự án mới về giao thông tỉnh lộ và huyện lộ tại các vùng miền Trung.

1.2 Giao thông liên tỉnh

Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC), ADB và WB đang tiến hành nâng cấp và cải tạo các cầu và quốc lộ. Về giao thông đường sắt, Ngân hàng tài thiết Đức (KFW) và JBIC đang tiến hành các dự án hỗ trợ lĩnh vực này.

1.3 Giao thông đô thị

Để giúp đỡ chính phủ cải tổ lĩnh vực này nhằm bảo đảm giao thông thuận tiện và an toàn cho người tham gia giao thông và hiệu quả của các phương tiện giao thông, WB, JICA và JBIC đang tiến hành các hỗ trợ quan trọng cho hai đô thị lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cũng như cho các tuyến giao thông huyết mạch của Việt Nam.

2. Hỗ trợ về chính sách

2.1 Mở rộng Chiến lược xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng của quốc gia

Lĩnh vực giao thông đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng Chiến lược xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng của quốc gia do chính phủ Việt Nam đề xuất. Đề xuất này cũng nhấn mạnh vai trò của các công trình cơ sở hạ tầng lớn trong việc tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo. Hội thảo về " Sự phát triển các công trình cơ sở hạ tầng lớn cho tăng trưởng và giảm nghèo" đã được tổ chức vào ngày 25 tháng 9 năm 2003. Các thành viên của nhóm đã đóng vai trò tích cực trong việc cung cấp các thông tin cần thiết để dự thảo chương mới trong Chiến lược xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng của quốc gia. Việc thể hiện đó được thể hiện qua các nghiên cứu bổ sung do Bộ Kế hoạch đầu tư, JBIC, WB, DFID và Cơ quan hỗ trợ của chính phủ Úc (AusAid) tiến hành. Các nghiên cứu này cũng đã được trình bày tại các hội thảo dự thảo cho chương mới của tài liệu trên. Việc giới thiệu chương mới trên sẽ đóng góp vào việc cụ thể hoá hơn tầm quan trọng của việc cùng duy trì giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế và xã hội của Việt Nam. Hơn nữa, chương mới này sẽ có những hướng dẫn giúp chính phủ và các nhà tài trợ điều chỉnh các chính sách trong lĩnh vực giao thông, đặc biệt là trong việc phát triển Chương trình đầu tư quốc gia.

2.2 Sáng kiến chính sách ma trận (Policy Matrix Initiative-PMI)

Với sự hợp tác chặt chẽ với Bộ kế hoạch đầu tư (MPI), WB, DFID, Nhật Bản đề cử PMI. PMI được thiết lập nhằm cung cấp các thông tin tổng quan về các kế hoạch và các chiến lược của các ngành của Việt Nam để xác định rõ các lĩnh vực, để có sự hài hoà thống nhất. Việc xác định này sẽ được tiến hành thông qua thiết lập một ma trận các mục tiêu chính sách, các biện pháp, mục tiêu, kết quả chính, lịch biểu và hỗ trợ của các nhà tài trợ. Tài liệu này cũng phân tích và chỉ ra các cơ hội và thiếu sót tồn đọng của các ngành, nhằm giúp các nhà tài trợ nâng cao chất lượng của các đầu vào và ưu tiên đầu tư. PMI cũng gắn kết mật thiết với các công việc đang được tiến hành về mặt chính sách, ngân sách trong lĩnh vực giao thông và sự phát triển của Khung ngân sách trung hạn (MTEF). Việc gắn kết này nhằm nâng cao chất lượng việc phân bổ các nguồn lực một cách cụ thể và mang tính thực tiễn và khả thi hơn. Vì giao thông là một trong bốn lĩnh vực mục tiêu (giáo dục, y tế, giao thông vận tải, nông nghiệp) để áp dụng MTEF, giao thông có thể sẽ là một trong các lĩnh vực mục tiêu cho PMI để xúc tiến việc gắn kết giữa các kế hoạch phát triển ngành của Việt Nam.

2.3 Các nghiên cứu ngành

JBIC và WB đang chỉnh sửa lại chiến lược hỗ trợ cho ngành giao thông. Các báo cáo đầu kỳ của cả hai ngân hàng này đều nêu bật Chiến lược xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng của quốc gia như một nguồn tham khảo chính. Các chiến lược này sẽ định nghĩa cụ thể phương thức tiến hành mà JBIC và WB sẽ áp dụng để hỗ trợ cho các ưu tiên và các phương thức tiếp cận được đề cập tại Chiến lược xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng của quốc gia.

2.4 Hoạt động và bảo dưỡng

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2003, Bộ GTVT, Cục đường bộ Việt Nam (VRA), ADB, JBIC và WB đã nhóm họp để thảo luận và điều phối các vấn đề về Hoạt động và bảo dưỡng trên các đường quốc lộ, tỉnh lộ và cầu. Cuộc họp cũng đã cung cấp cho các nhà tài trợ các thông tin quan trọng về các chính sách và kế hoạch phát triển của Việt Nam, tăng cường hợp tác giữa các nhà tài trợ và Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải. Tất cả các thành viên đều nhất trí cần thiết phải duy trì các cuộc tiếp xúc như trên để thúc đẩy sự điều phối giữa các nhà tài trợ để tránh trùng lắp và tiến hành hiệu quả hơn các dự án.

2) Những hành động cụ thể sẽ được thực hiện trong 12 tháng tới, bao gồm việc gắn hỗ trợ của các nhà tài trợ với CLTT&GN

1. Các hoạt động của nhóm

1.1 Phương hướng chung

a. Tiếp tục là diễn đàn trao đổi thông tin về các vấn đề giao thông và trao đổi thông tin về các dự án, nghiên cứu nổi bật đang hoặc đã tiến hành cũng như các bài học kinh nghiệm và các kết quả của các dự án đã hoàn thành

b. Theo dõi các kế hoạch liên quan đến lĩnh vực giao thông và tiến triển của Chiến lược giao thông vận tải do Bộ GTVT soạn thảo và đang được chính phủ Việt Nam xem xét để chấp thuận

c. Các nhà tài trợ tiến hành hội thảo về các chủ đề cụ thể nếu Bộ GTVT thấy cần thiết

1.2 Thảo luận về chương trình nghị sự cho các cuộc họp trong tương lai

Cuộc họp các nhà tài trợ trong lĩnh vực giao thông lần thứ 7 đã được tổ chức ngày 22 tháng 10 năm 2003. Cuộc họp đã tạo cơ hội để các nhà tài trợ trao đổi thông tin để tránh trùng lắp và tiến hành các dự án một cách hiệu quả, để tối đa hoá lợi ích cho Việt Nam. Tại cuộc họp, nhóm cũng đã xem xét lại vai trò và tính chất của các cuộc họp nhóm trong tương lai và xem xét khả năng bổ sung một số nội dung sửa đổi. Các thành viên của nhóm đều nhất trí lĩnh vực giao thông vận tải đã và đang đóng vai trò then chốt trong sự phát triển kinh tế của Việt Nam và việc hỗ trợ về cơ sở hạ tầng cũng như tăng cường thể chế vẫn là nhu cầu rất cần thiết. Trong thực tế, các sáng kiến về mặt chính sách và các khó khăn của lĩnh vực giao thông ngày càng trở nên quan trọng và thu thút sự điều phối và hợp tác giữa các nhà tài trợ. Ví dụ, các vấn đề liên quan đến vận hành và bảo dưỡng, việc xem xét các tiêu chí để ưu tiên và lựa chọn các dự án được chuẩn bị tốt trong khuôn khổ Chương trình đầu tư công cộng và PMI sẽ là một vấn đề cần quan tâm. Vì hiện tại chưa có một cơ chế để thảo luận các vấn đề chính sách trong lĩnh vực giao thông, Nhóm các nhà tài trợ sẽ được coi như diễn đàn để thảo luận các vấn đề trên. Các thành viên của nhóm đã nhất trí các vấn đề liên

quan đến vận hành và bảo dưỡng sẽ có ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của dự án và tính bền vững của các hỗ trợ cũng sẽ được thảo luận tại các cuộc họp trong tương lai. Việc thay đổi các chức năng và tính chất hoạt động của nhóm để phù hợp với các vấn đề trên sẽ được tiếp tục thảo luận.

Tại buổi họp, nhóm cũng nhất trí chuyển vai trò đồng chủ toạ từ JICA sang JBIC.

3) Các tiêu chí thành công hoặc mốc đánh dấu đã sửa đổi lại của nhóm cho năm 2004 nhằm đảm bảo nhóm sẽ đạt được những kết quả phát triển.

Các hoạt động và mục tiêu cụ thể của nhóm chưa được thiết lập và sẽ được đề cập cụ thể sau khi các nhà tài trợ và Bộ GTVT tiếp tục thoả luận. Dựa trên những thảo luận này, các vấn đề về chính sách, ví dụ các vấn đề vận hành và bảo dưỡng, sẽ được thông tin tới các thành viên của nhóm. Bên cạnh đó, nhóm sẽ tiếp tục tích cực thảo luận các vấn đề chính sách quan trọng.

DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ

A. Tiến độ đạt được trong năm 2003 với việc hỗ trợ các chương trình và chiến lược ngành và việc xây dựng và thực hiện CLTT/GN

Trong năm 2003, dưới sự chủ trì của Bộ Xây dựng, các đối tác Diễn đàn đô thị đã tiếp tục đóng góp cho việc cải thiện dự thảo Biên bản ghi nhớ (MOU), sẽ làm cơ sở cho những cam kết lớn và các hành động chung trong Diễn đàn đô thị. Cùng với nhận thức tăng lên về tầm quan trọng của các vấn đề đô thị, Bản Ghi nhớ đã thu hút sự quan tâm của các đối tác đô thị mới bao gồm các bộ, các nhà tài trợ quốc tế và các thành phố và các tổ chức xã hội dân sự. Những đối tác này đã cử đại diện của họ tham dự Diễn đàn đô thị. Bản ghi nhớ đã được ký bởi 15 đối tác ban đầu (tháng 10/2003) . Dự kiến trong thời gian tới sẽ có thêm đối tác ký vào Bản ghi nhớ này.

Các đối tác của Diễn đàn đô thị đã tiếp tục tập trung vào vấn đề nghèo đói ở đô thị, dựa trên Mục tiêu thiên niên kỷ số 11 (thành phố không có khu ổ chuột) và số 10 (cung cấp nước sạch). Chiến lược CLTT/GN hiện đang trong qúa trình thực hiện. Chiến lược này bao gồm một chương trình nghị sự về nghèo đói đô thị mà các thành viên của Diễn đàn Đô thị đã góp phần xác định. Một số phương pháp thúc đẩy và triển khai CLTT&GN ở cấp thành phố hiện đang được xác định và bắt đầu được thử nghiệm.

Việc lồng ghép CLTT&GN vào kế hoạch địa phương ở cấp thành phố có thể phù hợp với phiên bản địa phương của "chiến lược phát triển thành phố" (CDS). Phương thức này nhận được sự hỗ trợ từ Mạng lưới Liên minh các thành phố trên toàn cầu, và từ bộ xây dựng, Ngân hàng thế giới, ADB và Tổ chức hợp tác phát triển thủy sĩ. Phương thức này sẽ được thử nghiệm tại 5 thành phố ở Việt nam trước. Các đối tác diễn đàn đô thị đã tiếp tục xây dựng "chiến lược phát triển thành phố" của Việt Nam. Chiến lược này đã bắt đầu được thực hiện.

Các đối tác Diễn đàn đô thị tham gia cải cách hành chính công (CCHCC) của chính phủ địa phương đã tiếp tục chia sẽ kinh nghiệm và hỗ trợ Chương trình tổng thể về CCHCC 2001-2010. Là "sản phẩm" đầu tiên của phương thức cung cấp dịch vụ hướng về khách hàng, hiệu quả và minh bạch, cơ chế một cửa hiện đang được nhân rộng tại 35 tỉnh, bao gồm nhiều thị trấn. Quyết định 181 của Thủ tướng Chính phủ (3/9) yêu cầu xây dựng cơ chế một cửa tại tất cả các thị trấn vào năm 2004. Với sự giúp đỡ của SDC, Đơn vị Hỗ trợ Đô thị đã xây dựng một đội đặc nhiệm nhằm hỗ trợ phong trào quốc gia này.

Một hệ thống Phiếu báo cáo đang được xây dựng cho Veiet Nam để giúp các công dân cung cấp các ý kiến phản hồi đáng tin cậy và tập thể về hiệu quả hoạt động của các cơ quan công quyền. Hệ thống này đã được thảo luận với Bộ Nôi vụ, Tổng cục thống kê và các thành phố liên quan và sẽ được thử nghiệm đầu tiên tại sáu thành phố.

Đơn vị Hỗ trợ Diễn đàn Đô thị đã rất tích cực trong việc tổ chức và tham gia các hội nghị và các cuộc tham vấn, xây dựng cơ sở dữ liệu về cac dự án đô thị và tên liên lạc, phổ biến thông tin, cung cấp tư vấn thường xuyên cho các phái đoàn đến thăm và các nhiệm vụ thư ký khác. Các tài liệu lớn của Diễn đàn Đô thị đã được đưa lên trang quan hệ đối tác của website LHQ tại Việt Nam.

2004 Kế hoạch Hành động bao gồm các hoạt động cụ thể nhằm gắn kết sự hỗ trợ của các nhà tài trợ vào việc thực hiện CLTT/GN

Báo cáo này phải nộp ngay trước khi ký kết Bản ghi nhớ. Kế hoạch hành động năm 2004 sẽ phải được xây dựng cụ thể bởi BXD trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên ký kết ban đầu. Do đó, những đề xuất dưới đây dựa trên đề nghị đề xuất do Đơn vị Hỗ trợ Diễn đàn Đô thị gửi cho các đối tác và tóm tắt Kế hoạch Hành động năm 2004 của Diễn đàn đô thị sẽ bao gồm những nôi dung sau

- **Củng cố Mối quan hệ đối tác Diễn đàn Đô thị với Bộ Xây dựng**

Các bên đã nhất trí về Bản ghi nhớ của Diễn đàn Đô thị và BXD được chỉ định là cơ quan điều phối của chính phủ có vai trò hỗ trợ các hoạt động của Diễn đàn Đô thị. Các chức năng và cơ cấu của Diễn đàn đô thị sẽ được khích lệ tiếp tục phát triển và củng cố. Ban Điều hành và Ban thư ký Diễn đàn đô thị sẽ được xây dựng. BXD sẽ đóng góp một giám đốc Ban thư ký (hoạt đông kiêm nhiệm) và đề cử một điều phối viên chuyên trách trên cơ sở tham khảo ý kiến với các đối tác, một cán bộ hành chính và các chuyên gia ngắn hạn. Các đối tác của BXD và Diễn đàn Đô thị sẽ xây dựng một kế hoạch hành động và có thể là thiết lập các cơ chế quỹ tín thác dựa trên sự đồng thuận và cam kết của đa số.

- ***Thực hiện CLTT/GN cấp thành phố***

Kế hoạch hành động đầu tiên sẽ được xây dựng và việc xây dựng chiến lược phát triển thành phố sẽ bắt đầu tại 5 thành phố. Việc thực hiện CLTT/GN tại cấp tỉnh, huyện và thành phố sẽ được hỗ trợ

.

- ***Thực hiện Kế hoach tổng thể CCHCC***

Bộ Nội vụ và các thành phố sẽ được hỗ trợ trong việc thúc đẩy, thiết lập, cải thiện và vận hành "cơ chế một cửa". Cần duy trì nỗ lực thực hiện chiến lược nhân rộng cơ chế này cho BNV để giúp thiết lập Cơ chế một cửa trong tất cả thị trấn vào năm 2004. Nếu có thể, các công cụ CCHCC như "phân bổ cả gói" sẽ được đánh giá thêm và được thử nghiệm tại các thành phố.

- ***Tiếp tục định nghĩa Ngành đô thị***

Các hoạt động "Đánh giá" các chương trình và sáng kiến phát triển đô thị, phân tích chính sách, khảo sát và nghiên cứu điểm, xây dựng năng lực địa phương, và trao đổi thông tin sẽ được tiếp tục. Sẽ nhấn mạnh đến việc hoàn thành các nghiên cứu "quá độ đô thị" và thiết lập các đề xuất chính sách. Một đoàn nghiên cứu với sự hỗ trợ của ĐSQ Pháp (bị hoãn lại do bệnh dịch SARS) sẽ chuẩn bị tham vấn với các cơ quan của Chính phủ và các đối tác Diễn đàn Đô thị quan tâm đến vấn đề này.

- ***Hệ thống Phiếu báo cáo***

Hệ thống Phiến báo cáo sẽ được thử nghiệm ở 5 thành phố và các đề xuất nhân rộng đã được đưa ra

B. Các tiêu chí đánh giá thành công của Kế hoạch hành động Diễn đàn Đô thị 2004 và việc thực hiện CLTT/GN

- Đã chỉ định và vận hành Ban Điều hành, Ban thư ký, nhất trí và thực hiện kế hoạch hoạt động;
- Thảo luận về hệ lụy chính sách của nghiên cứu về Qúa độ đô thị ở Việt Nam và thực hiện các phân tích chính sách liên quan (bao gồm quản lý đất đai);
- CLTT/GN được Diễn đàn đô thị cổ động như là một khuôn khổ chiến lược cho các hoạt động phát triển đô thị;
- Trong Chiến lược phát triển thành phố toàn cầu, 5 thành phố đã đồng ý đánh giá/sửa kế hoạch/chính sách phát triển kinh tế xã hội thành phố nhằm đảm bảo giảm nghèo và tập trung vào tăng trưởng và tính bền vững (xã hội, môi trường và tài chính) nhằm đưa vào các biện pháp chinh sách, các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, các mục tiêu phát triển Việt Nam được nêu lên trong CLTT/GN.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT

Từ đánh giá nhu cầu pháp luật (ĐGNCPL) đến Chiến lược phát triển hệ thống pháp luật (CLPTHTPL):

Thành công của dự án ĐGNCPL đã được chuyển tiếp nhịp nhành sang việc hình thành một CLPTHTPL. Dựa vào những phát hiện và kiến nghị trong ĐGNCPL, đã xây dựng CLPTHTPL. Một vài dự thảo của CLPTHTPL đã được soạn trong năm nay và được chia sẻ rộng rãi với những bên hữu quan trong nước. Sau khi được Ban chỉ đạo liên bộ, cơ quan quản lý ĐGNCPL, sự thảo CLPTHTPL đã được trình và được chính phủ thông qua vào kỳ họp tháng 6, sau đó được chia sẻ với các thành viên của Ban Thường vụ Quốc hội vào tháng 10. Do tầm quan trọng của chiến lược này, nên có gợi ý là dự thảo này nên lây ý kiến của tất cả ủy bân trong Quốc hội và các đại biểu Quốc hội trước khi trình lên cấp cao nhất là Bộ Chính trị hoặc Quốc hội để thông qua lần cuối.

Để thông báo cho các nhà tài trợ về tình hình phát triển luật pháp, ông Uông Chu Lưu, Bộ trưởng Bộ Tư Pháp, đã có bài phát biểu với cộng đồng tài trợ trong cuộc họp hàng tháng của các nhà tài trợ về cải cách luật pháp, vào ngày 24-9, ông đã cập nhật cho cộng đồng quốc tế về những nỗ lực hiện nay của chính phủ trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, và chỉ ra những ưu tiên và thách thức trước mắt. Theo ông chương trình cải cách pháp luật và tư pháp vẫn tiếp tục được thực hiện và được coi là ưu tiên phát triển hàng đầu tại Việt nam, mặc dù CLPTHTPL còn đang trong quá trình xem xét.

Những nỗ lực chính hiện nay trong ngành luật pháp và tư pháp:

Đã có những nỗ lực đáng kể nhằm nâng cao chức năng giám sát của Quốc hội. Một ví dụ là Luật về quyền giám sát của Quốc hội và Luật Ngân sách đã được ban hành nhằm nâng cao vai trò chức năng giám sát của cơ quan này. Quá trình làm luật cũng trở nên minh bạch hơn do thực hiện Luật về Ban hành Các văn bản pháp quy, được phê chuẩn năm ngoái. Hiện mọi văn bản pháp quy ban hành phải được công bố trên Công Báo, hoặc những ấn phẩm được biết đến rộng rãi trước khi có hiệu lực. Những dự thảo luật quan trọng, như dự thảo Luật tố tụng hình sự sửa đổi, Dự thảo Luật cạnh tranh, đã được cung cấp cả trên internet để người dân tham gia góp ý, và quá trình này đã giúp cải thiện quá trình soạn thảo luật.

Chương trình cải cách tư pháp đã bước sang năm thực hiện thứ hai, theo Nghị quyết 8 của Bộ Chính trị. Dự thảo hiện nay về Bộ luật tố tụng hình sự đã cố gắng bao quát những định hướng quan trọng được nêu trong Nghị quyết, nhằm nâng cao tính minh bạch và công bằng trong xét xử tội phạm, để bảo vệ tốt hơn quyền của mọi công dân.

Việc ban hành Nghị định 79 về thực hiện dân chủ ở xã là một bước nữa để quy định sự tham gia mạnh mẽ hơn của người dân vào quản lý xã hội và nhà nước. Nghị định 88 về hiệp hội, một sản phẩm của quá trình soạn thảo 10 năm được thông qua vào tháng 7 và một bộ luật sẽ được đưa ra trong nhiệm kỳ này. Việc này đòi hỏi một quá trình tham vấn tích cực hơn với các hiệp hội trong nước ở cả cấp trung ương lẫn cấp địa phương.

Những nỗ lực mạnh mẽ đã được chính phủ thực hiện trong năm nay nhằm thực hiện Luật Doanh nghiệp nhằm thúc đẩy kinh doanh và quá trình hội nhập kinh tế. Một Luật Doanh nghiệp chung và một Luật Đầu tư chung đang được soạn thảo. Luật thương mại cũng đang

được sửa đổi nhằm đáp ứng những yêu cầu mới và tạo điều kiện cho cả thương mại trong nước và quốc tế.

Nỗ lực của các nhà tài trợ nhằm hỗ trợ chương trình cải cách luật pháp và tư pháp

Ma trận kèm theo đây sẽ minh hoạ về một sự tham gia tích cực của cộng đồng tài trợ vào khu vực luật pháp và tư pháp. Các nhà tài trợ tiếp tục chia sẻ thông tin về những nỗ lực hiện nay thông qua cả diễn đàn chính thức và phi chính thức, từ diễn đàn Quản trị tài trợ do UNDP tổ chức hàng tháng đến những cuộc họp không chính thức hàng tháng do DANIDA tổ chức với tài trợ của Văn phòng hỗ trợ dự án hỗn hợp, trong đó các chuyên gia luật pháp và các quan chức tài trợ trong ngành luật pháp có thể chia sẻ thông tin và thảo luận về những vấn đề chúng.

Một sự kiện quan trọng đã xảy ra vào tháng 9 – đó là lễ ký kết dự án chia sẻ chi phí giữa các nhà tài trợ và chính phủ nhằm hỗ trợ và hoàn thành CLPTHTPL. Dự án này có đồng tài trợ của UNDP, SIDA, DANIDA, và chia sẻ chi phí với Bộ Tư pháp. Ngân hàng Thế giới và ADB cũng hỗ trợ tài chính cho nỗ lực này.

HỖ TRỢ CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT

HỖ TRỢ CHUNG						
Lĩnh vực hỗ trợ	**Nhà tài trợ**	**Mục tiêu chính**	**Đối tác**	**Hiện trạng**	**Thời gian thực hiện**	**Liên hệ**
Chiến lược phát triển hệ thống pháp luật	UNDP/SIDA/DANIDA/WB/ADB UNDP/SIDA/DANIA	Tăng cường khả năng quản lý trong việc thực hiện chiến lược phát triển hệ thống pháp luật. Thực hiện các ưu tiên trong chương trình cải cách ngành tư pháp và hệ thống pháp luật	Bộ tư pháp và các cơ quan luật pháp khác	Đang thực hiện Đang thực hiện	9/ 2003 đến 9/ 2007 9/ 2003 đến 9/2007	UNDP: Lưu Tiến Dũng tại địa chỉ luudung@undp.org.vn hoặc Katrine Pedersen tại địa chỉ pedersen@undp.org.vn SIDA : Anette Dahlstrom tại địa chỉ anette.dahlstrom@sida.se Hoặc Mr. Vũ Tuấn Minh tại địa chỉ mr.minh@sida.se DANIDA: Mr. Anders Jorgensen, Tham tán, tại địa chỉ anbajo@um.dk WB : Hoi-Chan Nguyen Hnguyen3@worldbank, Hoặc Soren Davidsen sdavidsen@worldbank.org ADB: Mr. Ramesh Adhikari tại radhikari@adb.org hoặc Mr. Đào Việt Dũng tại dvdung@adb.org
Hỗ trợ trong việc sửa đổi các vấn đề pháp luật có liên quan đến thực hiện Hiệp định thương mại song phương Việt-Mỹ.	USAid	Tạo môi trường pháp lý cho việc thực hiện Hiệp định Thương mại song phương	Các cơ quan có trách nhiệm của Chính phủ	Đang thực hiện		Mr. John Bentley tại johnbentley@fpt.vn
Hỗ trợ thể chế cuả EC (ISP) cho Việt nam (EC	EC	Hỗ trợ thể chế cho cơ quan lập pháp và lĩnh vực pháp luật tại	Bộ Tư pháp, ONA, TÒA	Có kế hoạch	2004, 3 năm	Ô. Francisco Fontan Pardo, tại

đóng góp 8 triệu Euro)		Việt nam đi đôi với các vấn đề về hội nhập gồm:a/ cố vấn chính sách và hỗ trợ thể chế; b/ xây dựng năng lực và đào tạo	ÁN NHÂN DÂN TốI CAO, SPP			Francisco.Fotan@cec.eu.int
HỖ TRỢ VIỆC DỰ THẢO VÀ LÀM LUẬT TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ						
Lĩnh vực hỗ trợ	**Nhà tài trợ**	**Mục tiêu chính**	**Đối tác**	**Hiện trạng**	**Thời gian thực hiện**	**Liên hệ**
Đẩy nhanh quá trình dự thảo các văn bản luật	UNDP	Tăng khả năng rà soát lại tính chất Hiến pháp, pháp luật và tính nhất quán trong các văn bản pháp quy.	Bộ tư pháp	Đang thực hiện	9/ 2003	Lưu Tiến Dng tại luudung@undp.org.vn hoặc Katrine Pedersen tại pedersen@undp.org.vn
Sửa đổi Luật thương mại	UNDP	Sửa đổi Luật thương mại	Bộ Thương mại	Đang thực hiện	2003	Khuong Viet Thang tại vietthang@undp.org.vn
Dự thảo Luật Doanh nghiệp Nhà nước và sửa đổi Luật về Hợp tác xã	UNDP	Tăng tính hiệu quả của môi trường kinh doanh	Viện quản lý kinh tế trung ương	Đang thực hiện	2003	Do Thi Nguyet Nga tại nga@undp.org.vn
Dự thảo các quy định của Chính phủ trong việc đăng ký và cấp phép kinh doanh	UNDP	Thực hiện hiệu quả Luật doanh nghiệp	Viện Quản lý Kinh tế Trung ương	Đang thực hiện	2003	Do Thi Nguyet Nga tại nga@undp.org.vn
Dự thảo Luật Đầu tư	UNDP	Tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho cả đầu tư trong nước và nước ngoài. To create an uniformed legal basis for both foreign and domestic investment	Viện Quản lý Kinh tế Trung ương	Đang thực hiện	2003-2004	Do Thi Nguyet Nga tại nga@undp.org.vn

Dự thảo Luật cạnh tranh	UNDP	Tạo cơ sở pháp lý cho cạnh tranh công bằng trong kinh doanh	Bộ Thương mại	Đang thực hiện	2001-2004	Jerome Bouyjou tại bouyjou@undp.org.vn
Sửa đổi Luật bầu cử địa phương và Luật tổ chức Hội đồng và Uỷ ban nhân dân.	UNDP	Hỗ trợ trong việc thảo luận chỉnh sửa Luật và trong việc tham khảo ý kiến các Uỷ ban Nhân dân và Hội đồng nhân dân.	Văn phòng Quốc hội	Đang thực hiện	2003-2004	Jerome Bouyjou tại bouyjou@undp.org.vn
Dự thảo sắc lệnh và các quy định pháp luật khác trong việc thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.	UNDP/AusAid/ SECO/DFID	Hỗ trợ thực hiện Luật ngân sách sửa đổi	Bộ tài chính và CEBA	Đang thực hiện	2003-2006	Trinh Tien Dung tại tiendung@undp.org.vn
Ban hành luật về việc buôn bán, đưa người ra nước ngoài trái phép và tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.	UNDCP	Giúp Việt nam thông Công ước của Liên Hợp Quốc và các nghị định thư về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.	Bộ tư pháp	Đang thực hiện	2003-2005	Troels Vester tại Troels.Vester@unodc.org
Dự thảo sắc lệnh đăng ký giao dịch bảo đảm	ADB	Hỗ trợ xây dựng năng lực và đào tạo	Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	2003	Ms. Xuechun Zhang tại xzhang@adb.org hoặc Mr. Ramesh adhikari tại radhikari@adb.org
Sửa đổi Luật tố tụng dân sự và hình sự	DANIDA	Hỗ trợ việc sửa đổi Luật tố tụng dân sự và hình sự hiện tại, chỉ ra những yếu tố gây trở ngại trong thực hiện mục tiêu cho toà án quyền tự chủ hơn và tăng tính chuyên nghiệp trong quá trình tố tụng.	SPP TÒA ÁN NHÂN DÂN TốI CAO	Đang thực hiện	2004 2005	Thorkild Húyer SLA@jopso.org.vn Susanne Ravn PC@jopso.org.vn
Hỗ trợ sửa đổi các luật.	DANIDA	Hỗ trợ cải thiện nhanh chóng hệ thống luật pháp ở Việt nam	SPP	Đang thực hiện	2005	Thorkild Hoyer, sla@jopso.org.vn
Tăng cường sự tham gia của Quốc hội và Văn phòng quốc hội trong quá trình lập pháp (đi khảo sát về những luật cụ thể, nghiên cứu so sánh, hội	DANIDA	Giảm thời gian thông qua luật của Quộc hội và tăng số Luật được thông qua trong mỗi kỳ họp quốc hội.	Văn phòng Quốc hội	Đang thực hiện	2005	Anne-Dorte Johansen jpo@jopso.org.vn

thảo, thực tập...)						
Luật chống bán phá giá	CEG Facility (AusAID)	Phát triển khung luật pháp và cơ chế cho các biện pháp chống phá giá đối với Việt Nam và hàng hoá nước ngoài tại Việt nam.	Bộ Thương mại	Đang trình	2004	Graham Alliband GAlliband@ceg.edu.vn
Tăng cường khả năng phân tích so sánh luật pháp	CIDA	Cải thiện việc nghiên cứu và dự thảo luật.	Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	2001-2007	vu.yen-thi@dfait-maeci.gc.ca
Sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng.	CIDA	Tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt nam	Đang thực hiện	2003-2004	vu.yen-thi@dfait-maeci.gc.ca
Hỗ trợ quá trình xem xét và xây dựng văn bản pháp luật.	CIDA	Đẩy nhanh quá trình xem xét và dự thảo luật.	Uỷ ban luật pháp và Uỷ ban các vấn đề xã hội của Quốc hội	Đang thực hiện	2001-2007	vu.yen-thi@dfait-maeci.gc.ca
Xây dựng khung pháp lý cho ngành thuỷ sản	NORAD	Tạo môi trường pháp lý cho ngành thuỷ sản.	Bộ Thuỷ sản	Đang thực hiện	2000-2004	Chinh Tran <tran.chinh@norad.no>
CẢI CÁCH NGÀNH TOÀ ÁN						
Lĩnh vực hỗ trợ	**Nhà tài trợ**	**Mục tiêu chính**	**Đối tác**	**Hiện trạng**	**Thời gian thực hiện**	**Liên hệ**
Soạn thảo sách tham khảo cho các thẩm phán.	CEG Facility (AusAID)	Nâng cao năng lực và kỹ năng phân xử của thẩm phán trong quá trình xét xử.	Tòa án Nhân dân tối cao	Đã đề xuất	2004-2005	Gaham Alliband GAlliband@ceg.edu.vn
Hỗ trợ luật pháp		Xây dựng cơ sở pháp lý đúng dắn cho hỗ trợ pháp luật.	Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	9/ 2003	Luu Tien Dung luudung@undp.org.vn hoặc Katrine Pedersen pedersen@undp.org.vn

Hỗ trợ luật pháp	Sida	Tăng cường khả năng của NLAA, PLAC, các cơ quan thông tấn trong việc tiến hành hỗ trợ luật pháp NLAA/Moj	Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	2001-10/2004	Anette Dahlstrom anette.dahlstrom@sida.se Hoặc Mr. Vu Tuan Minh mr.minh@sida.se
Hỗ trợ luật pháp	CIDA	Tăng cường dịch vụ hỗ trợ luật pháp cho những nhóm yếu thế tại hai tỉnh.	Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	2003-2005	vu.yen-thi@dfait-maeci.gc.ca
THI HÀNH LUẬT PHÁP						
Lĩnh vực hỗ trợ	**Nhà tài trợ**	**Mục tiêu chính**	**Đối tác**	**Hiện trạng**	**Thời gian thực hiện**	**Liên hệ**
Hỗ trợ thi hành pháp luật với các vi phạm hành chính.	UNDP	Tăng khả năng của lực lượng công an trong việc thi hành sắc lệnh xử lý vi phạm hành chính.	Bộ Công An	Đang thực hiện	09/ 2003	Luu Tien Dung luudung@undp.org.vn hoặc Katrine Pedersen pedersen@undp.org.vn
Thi hành Luật về chất gây nghiện	UNODC	Tăng cường khả năng thi hành pháp luật với việc buôn bán các chất gây nghiện.	Bộ Công an	Sẽ bắt đầu sớm	2003-2006	Troels Vester Troels.Vester@unodc.org
Xây dựng và thực thi luật	Sida	Tăng cường khả năng của Bộ tư pháp trong việc lập và thi hành luật . Tăng cường khả năng thực thi của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân Tăng cường năng lực quản lý hành chính của Bộ tư pháp.	Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	2001-06/2004	Anette Dahlstrom anette.dahlstrom@sida.se Hoặc Mr. Vu Tuan Minh mr.minh@sida.se
Hỗ trợ soạn thảo Bộ Luật dân sự, Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật phá sản doanh nghiệp và các văn bản khác có liên quan tới Bộ Luật dân sự bao gồm Pháp lệnh về các giao dịch bảo đảm, luật đăng ký bất động sản, và Luật Thi hành án.	JICA	Các luật dân sự cơ bản nhất quán với nền kinh tế thị trường được ban hành thông qua khả năng dự thảo luật được nâng cao của các cán bộ lập pháp.	Bộ tư pháp, Tòa án Nhân dân tối cao	Đang thực hiện	07/ 2003 – 06/ 2006	Maruyama Tsuyoshi Tmaruyam@osk4.3web.ne.jp Hoặc Sugiura Masaki at Sugiura@fpt.vn

Đăng ký các giao dịch bảo đảm	ADB	Hỗ trợ xây dựng năng lực và đào tạo.	Văn phòng Đăng ký các giao dịch bảo đảo, Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	2003	Ms. **Xuechun Zhang** xzhang@adb.org hoặc Mr. Ramesh adhikari radhikari@adb.org
Hỗ trợ xây dựng cơ quan tội phạm học và thống kê.	DANIDA	Thu thập, xử lý và phổ biến chính xác số liệu về tội phạm.	Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	Đang thực hiện	2005	Torkild Hoyer, sla@jopso.org.vn
Hỗ trợ hội nhập kinh tế quốc tế.	CIDA	Tăng cường năng lực pháp luật trong hội nhập kinh tế thế giới, gia nhập WTO.	Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	2001-2007	vu.yen-thi@dfait-maeci.gc.ca
Cải thiện khả năng cưỡng chế thi hành các phán xử của toà án dân sự.	CIDA	Nâng cao khả năng cưỡng chế thi hành pháp luật.	Bộ Tư pháp	Đang thực hiện	2001-2007	vu.yen-thi@dfait-maeci.gc.ca
ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT						
Lĩnh vực hỗ trợ	**Nhà tài trợ**	**Mục tiêu chính**	**Đối tác**	**Hiện trạng**	**Thời gian thực hiện**	**Liên hệ**
Hỗ trợ đào tạo pháp luật cho các quan chức ở cấp cơ sở.	UNDP	Nâng cao khả năng của các cán bộ cơ sở trong việc thi hành pháp luật.	Uỷ ban đối nội của Đảng	Đang thực hiện	09/ 2003	Luu Tien Dung luudung@undp.org.vn hoặc Katrine Pedersen pedersen@undp.org.vn
Tăng cường giáo dục pháp luật.	Sida	Nâng cao phương pháp dạy của giáo viên Luật. Phát triển thư viện. Cải thiện khả năng quản lý và quan hệ quốc tế.	Đại học Luật Hà nội, TP Hồ Chí Minh và Bộ GD-ĐT	Đang thực hiện	2001-2005/02	Anette Dahlstrom anette.dahlstrom@sida.se hoặc Mr. Vu Tuan Minh mr.minh@sida.se Lars Malmberg Trường Đại học Luật Hà nội vpsidadhl@hn.vnn.vn , larsgm@fpt.vn Duong Thi Hien Đại học luật hà nội adb2853@hn.vnn.vn Lu Dong Tung Đại học Luật thành phố Hồ chí Minh Ldtung74@hcm.vnn.vn
Tăng cường đào tạo về tư pháp	JICA	Các viện đào tạo pháp luật có thể phát triển nguồn nhân lực có phẩm	LPTS (Bộ tư pháp)	Đang thực hiện	07/ 2003 – 06/ 2006	Maruyama Tsuyoshi tmaruyam@osk4.3web.ne.jp

		chất và năng lực tốt.				hoặc Sugiura Masaki Sugiura@fpt.vn
Hỗ trợ giáo dục tại khoa Luật, Đại học quốc gia Việt nam.	JICA	Như trên	Đại học quốc gia	Đang thực hiện	Như trên	Như trên
Hỗ trợ trường đào tạo pháp luật của Tòa án Nhân dân Tối cao. Xây dựng các toà án thực hành và phát triển tài liệu đào tạo. Thu thập các sách luật Việt nam và thế giới cho thư viện	DANIDA	Tăng cường năng lực cho hệ thống toà án và hướng tới tính độc lập cao hơn của toà án.	Tòa án Nhân dân Tối cao	Đang thực hiện	2004 (2005)	Susanne Ravn pc@jopso.org.vn
Hỗ trợ xây dựng năng lực về luật hành chính, quản lý toà án và quản lý từng vụ án trong Tòa án Nhân dân Tối cao. Mua sách của Việt nam và thế giới cho thư viện	DANIDA	Tăng cường năng lực cho hệ thống toà án và hướng tới tính độc lập cao hơn của toà án.	Tòa án nhân dân tối cao	Đang thực hiện	2004 (2005)	Susanne Ravn pc@jopso.org.vn
LUẬT VỀ THÔNG TIN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN						
Lĩnh vực hỗ trợ	**Nhà tài trợ**	**Mục tiêu chính**	**Đối tác**	**Hiện trạng**	**Thời gian thực hiện**	**Liên hệ**
Phát triển cơ sở dữ liệu luật pháp quốc gia	UNDP	Sắp xếp hợp lý hơn các dữ liệu pháp luật hiện có và làm cho công chúng có thể tiếp cận với các dữ liệu này.	Bộ tư pháp	- Đang thực hiện	09/ 2003	Luu Tien Dung luudung@undp.org.vn hoặc Katrine Pedersen pedersen@undp.org.vn
Tăng cường thông tin luật pháp	Sida	Tăng cường khả năng của các cán bộ Bộ tư pháp trong việc tiếp cận các thông tin pháp luật trong cơ sở dữ liệu luật pháp quốc gia. Đẩy nhanh việc phổ biến pháp luật Phát triển thư viện	Viện nghiên cứu pháp luật, Bộ tư pháp	Đang thực hiện	2001-11/2004	Anette Dahlstrom anette.dahlstrom@sida.se Hoặc Mr. Vu Tuan Minh mr.minh@sida.se

Cải thiện khả năng xét xử, sưu tầm các tài liệu về các trường hợp xét xử của toà án trước đây	JICA	Cải thiện chất lượng của các văn bản xét xử.	Tòa án Nhân dân tối cao (TNT)	Đang thực hiện	07/2003 – 06/ 2006	Maruyama Tsuyoshi Tmaruyam@osk4.3web.ne.jp Hoặc Sugiura Masaki sugiura@fpt.vn
Hỗ trợ về mạng lưới công nghệ thông tin.	DANIDA	Cải thiện và mở rộng hệ thống thông tin và truyền thông.	Văn phòng quốc hội, TNT, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	Đang thực hiện	2004/2005	Thorkild Hoyer, sla@jopso.org.vn
		Các lĩnhvực khác				
Tăng cường chức năng của Quốc hội với tư cách là đại diện của nhân dân.	DANIDA	Cải thiện các kỹ năng chung của các đại biểu quốc hội: tiếp xúc cử tri, giải quyết các khiếu nại, phân tích chính sách, các kỹ năng về thảo luận và trình bày.	Văn phòng Quốc hội	Đang thực hiện	2005	Anne-Dorte Johansen jpo@jopso.org.vn

CÁC THÀNH VIÊN NHÓM CỘNG TÁC VIÊN VỀ PHÁP LUẬT

No	Đại diện	ĐỐI TÁC	Liên hệ
1	Mr. Jordan Ryan, Trưởng đại diện thường trú	UNDP	ryan@undp.org.vn
2	Ms. Kanni Wignaraja, Phó đại diện thường trú (P)		wignaraja@undp.org.vn
3	Mr. Trịnh Tiến Dũng, Trợ lý trưởng đại diện		tiendung@undp.org.vn
4	Mr. Lưu Tiến Dũng, Cán bộ chương trình		luudung@undp.org.vn
5	Ms. Katrine Pedersen		pedersen@undp.org.vn
6	Mr. Doris Buddenberg	UNODC	Doris.Buddenber@unodc.org
7	Mr. Troels Vester		Troels.Vester@unodc.org
8	Mr. Klaus Rohland, Giám đốc phụ trách	WB	
9	Mr. Soren Davidsen, Chuyên gia Chính phủ		sdavidsen@worldbank.org
10	Mr. Ramesh Adhiakri – Chuyên gia chính về quản trị nhà nước	ADB	radhikari@adb.org
11	Mr. Đào Việt Dũng, Chuyên gia cải cách trong khu vực công quản trị nhà nước		dvdung@adb.org
12	Mr. Jan-Olof Agrell, Bộ trưởng hợp tác phát triển	Sweden	
13	Ms. Annette Dahlstrom,		anette.dahlstrom@sida.se
14	Mr. Vũ Tuấn Minh, Nhân viên dự án		mr.minh@sida.se
15	Dr. Lars Goran Malmberg, Cộng tác viên dự án	Dự án do SIDA tài trợ	largm@fpt.vn
16	Mr. Rolf Larsson, Trưởng nhóm về Diễn đàn chính sách của SIDA		rolf.larsson@servisen.se
17	Mr. Phan Nguyen Toan, Chuyên gia pháp luật nhà nước		pntoanleadco@hn.vnn.vn
18	Mr. FUJIWARA Hiroaki, Cố vấn	Đại sứ quán Nhật bản	hiroaki.fujiwara@mofa.go.jp
19	Mr. KIKUMATI Hiroshito, Bí thư thứ hai về Hợp tác Phát triển		
20	Mr. Somaatsushi, Phó đại diện thường trực	Phó đại diện JICA	soma@jica.org.vn
21	Mr. Maruyama Tsuyoshi (Yoshi), JICA	Chuyên gia JICA	tmaruyam@osk4.3web.ne.jp
22	Mr. Sugiura Masaki, JICA		sugiura@fpt.vn
23	Mr. Anders Jorgensen ,Cố Vấn (Hợp tác phát triển)	Đại sứ quán Đan mạch	anbajo@um.dk
24	Mr. Thorkild Hoyer, JOPSO, Danida	Dự án cải cách luật pháp do DANIDA tài trợ (JOPSO)	sla@jopso.org.vn
25	Ms. Susanne Ravn, JOPSO, Danida		pc@jopso.org.vn

No	Đại diện	ĐỐI TÁC	Liên hệ
26	Ms. Anne-Dorte Johansen, JOPSO, Danida		jpo@jopso.org.vn
27	Mr. Dean Frank	Sứ quán Canada.,CIDA	dean.frank@dfait-maeci.gc.ca
28	Ms. Vũ Thị Yến, Nhân viên dự án		Vu.yen-thi@dfait-maeci.gc.ca
29	Mr. Donald Chiasson, PIAP – CIDA	PIAP do CIDA tài trợ	DonaldChiasson@aol.com
30	Mr. Gerry Wright, LERAP - CIDA	LERAP do CIDA tài trợ	gwright@fastmail.fm
31	Mr. Nghiêm Thanh Tùng LERAP – CIDA		tung@fastmail.fm
32	Ms. Phạm Lê Dung Trợ lý chương trình USAID	USAid	dungph@usaid-vn.org
33	Mr. Jean Gilson, Country Manager of USAID		jgilson@usaid-vn.org
34	Mr. Hank Baker, Star Vietnam, USAID	Dự án STAR	hankbaker@fpt.vn,
35	Mr. Steve Parker, Star Vietnam, USAID		steve_parker@dai.com,
36	Mr. John Bentley, Star Vietnam, USAID		johnbentley@fpt.vn
37	Ms. Helle Weeke, Star Vietnam, USAID		Helle_weeke@dai.com
38	Mr. Nguyễn Quang Hưng, Star Vietnam, USAID		hung.starvn@fpt.vn
39	Ms. Sandra Henderson, Sứ quán Australia	AusAID	Sandra.Henderson@dfat.gov.au
40	Ms. Nguyễn Thu Phương, Cán bộ chương trình cao cấp		thu-phuong.nguyen@dfat.gov.au
41	Mr. Graham Alliband	CEG do AusAid tài trợ	Galliband@ceg.edu.vn
42	Mr. Fabien Dulphy, Maison du Droit	Nhà pháp luật Việt-Pháp	Fabien.dulphy@maisondudroit.org
43	Mr. Serge Durand, Maison du Droit		Serge.durand@maisondudroit.org
44	Mr. Đào Minh Châu	SDC	Minhchau@sdc.net
44	Ms. Nguyễn Thúy Nga, Nhân viên dự án	EU	Nga.nguyen@delvnm.cec.eu.int

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÔNG

Tổng quan

- Chính phủ đã có nỗ lực mạnh mẽ trong việc thực hiện Kế hoạch Tổng thể cải cách hành chính công (KHTT CCHCC) trong tất cả các ngành trọng điểm gồm cải cách thủ tục hành chính, tổ chức, lập pháp và thể chế trong đó có sang kiến chính phủ điện tử và vi tính hoá, phân cấp và nâng cao chất lượng của các quan chức chính phủ.
- Một số chính sách cơ bản và quan trọng đã được xây dựng như Luật sửa đổi về việc Ban hành các Văn bản Pháp quy; vai trò và chức năng của các bộ, ban nghành; cải cách lương; việc nhân rộng cơ chế "một cửa" và Pháp lệnh Sửa đổi về cán bộ và công chức nhà nước.
- Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức và hạn chế tồn tại. Chính phủ sẽ đẩy nhanh tiến độ thực hiên KHTT CCHCC và tăng cường hệ thống quản lý công cộng để phục vụ người dân và các nghành kinh doanh trong một môi trường cạnh tranh hơn, do tác động của nền kinh tế mở, sự phát triển nhanh chóng các doanh nghiệp trong nước và quá trình phân cấp.

A. Các hình thức hỗ trợ chương trình tổng thể cải cách hành chính công

I Quản lý thực hiện CTTT CCHCC

Tiến độ thực hiện và các hoạt động đang tiếp diễn :

- Trong bảy kế hoạch hành động của Chương trình tổng thể CCHCC, chỉ còn Chương trình hành động số 6 về "Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các Cơ quan hành chính sự nghiệp" vẫn đang trong quá trình chờ Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Kế hoạch hành động số 3 và số 5 về Giảm biên chế và cải cách chính sách lương được tiến hành ngay sau khi Chương trình tổng thể CCHCC ra đời.
- Hiện tại, đã có 55 trong tổng số 61 tỉnh thành và hầu hết các cơ quan trung ương và các bộ nghành đã xây dựng kế hoạch cải cách hành chính của mình đến năm 2005 và đã bắt đầu thực hiện những kế hoạch này.
- Chính phủ VN đã và đang thực hiện Kế hoạch cải tiến phương thức quản lý và hiện đại hoá tại các cơ quan nhà nước trong hệ thống quản lý công cộng- pha 1 (2003-2005), được thực hiện theo Quyết định số 169/2003/QD-TTg do Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 12 tháng 8 năm 2003
- Quyết định số178/2003/QD-TTg về Chương trình truyền thông cho Chương trình tổng thể CCHCC 2001-2010 đã được Thủ tướng chính phủ thông qua ngày 3/9/2003. Chương trình truyền thông sẽ lồng ghép các biện pháp truyền thông về CCHCC vào các hoạt động của các bộ và các tỉnh và sẽ tập trung vào các cán bộ công chức các cấp và nhân dân. Các biện pháp tiến hành bao gồm huy động sự tham gia của các phương tiện thông tin đại chúng, phân phát rộng rãi các tài liệu về CCHCC, tập huấn về kỹ năng tuyên truyền nội dung CCHCC và lồng ghép những nội dung này vào các hoạt động của các cơ sở giáo dục.
- Phiên họp giới thiệu thông tin đầu tiên với các phương tiện thong tin đại chúng sẽ được Bộ Nội vụ tổ chức vào ngày 23 tháng 10 năm 2003.

Các hoạt động trong tương lai

- Trước mắt, trọng tâm sẽ là xây dựng cơ sở thực tế và khoa học cho việc tuyên truyền các văn bản pháp lý và quy định về cách thức quản lý và hiện đại hoá cơ quan nhà nước trong hệ thống quản lý công.
- Thực hiện và tăng cường các hoạt động trao đổi thông tin và truyền thông theo những quy định trong đề xuất đã phê duyệt.
- Vận hành hệ thống giám sát và đánh giá việc thực hiện CTTT/CCHCC.
- Chuẩn bị một kế hoạch tổng hợp cuốn chiếu nhiều năm dựa trên chương trình hành động đã được phê duyệt.
- Đẩy mạnh việc công khai CTTT/CCHCC và nâng cao nhận thức trong giới kinh doanh và người dân nói chung.

II. Cải cách thể chế

Tiến độ thực hiện và các hoạt động đang tiếp diễn:

- Ngày 4/9/2003, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 181/2003/QD-TTg về Điều lệ thực hiện cơ chế "một cửa" trong các cơ quan hành chính của chính quyền địa phương. Quyết định này sẽ được áp dụng ở cấp tỉnh và huyện từ ngày 1/1/2004 và ở cấp xã từ ngày 1/1/2005.Căn cứ vào yêu cầu từ phía các chính quyền địa phương, Bộ nội vụ sẽ hỗ trợ quá trình thực hiện mô hình cơ chế "một cửa" cho 16 tỉnh thành trên cả nước. Đến nay, trong số đó, mới có 1 tỉnh áp dụng cơ chế này. Mỗi tỉnh có 4 huyện sẽ được nhận nguồn lực do chương trình hỗ trợ CCHCC của dự án VIE/01/024/B cung cấp để thiết lập cơ chế "một cửa" ở các văn phòng của UBND.

  Cho đến này, có 35 trong tổng số 61 tỉnh thành thực hiện cơ chế "một cửa" ở 196/1281 Sở nghành (chiếm 15.3%), 160 /631 cơ quan cấp huyện (chiếm 25%), 905/10594 các cơ quan cấp xã (chiếm 8.5%).

- Một loạt các văn bản pháp lý để điều tiết sự phát triển kinh tế xã hội và việc tổ chức và vận hành hệ thống hành chính đã được ban hành và đi vào hoạt động như Luật đầu tư nước ngoài, Luật đầu tư trong nước, Luật doanh nghiệp, Luật đất đại, Bộ lụật lao động v.v…Những cải cách này giúp lấy lại niềm tin của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, các nghành kinh tế nói chung và khu vực tư nhân.

Chỉ với việc ban hành Luật doanh nghiệp, cùng với việc điều chỉnh các thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và việc xoá bỏ gần 170 loại giấy phép kinh doanh không cần thiết, trong vòng 3 năm qua, mỗi năm có khoảng gần 20,000 doanh nghiệp tư nhân đã ra đời và đi vào vận hành. Các quy định luật pháp mới đã buộc các cơ quan hành chính nhà nước phải điều chỉnh cách thức vận hành, từ can thiệp vào công việc nội bộ của các doanh nghiệp sang phong cách phục vụ người dân.

Quá trình xây dựng luật cũng được củng cố theo hướng công khai và dân chủ hơn. Luật sửa đổi về ban hành các văn bản quy pháp đòi hỏi phải có sự tham gia ý kiến của các bên lien quan trong quá trình dự thảo luật.Luật dự thảo về Đất đai sẽ được trình quốc hội phê duyệt vào tháng 12 năm 2003 hiện đang được phân phát rộng rãi để lấy ý kiến nhận xét của người dân cả nước trước khi hoàn thiện và trình quốc hội.

Việc thông qua Nghị định số 60/2003/ND-CP ban hành ngày 6/6/2003 về việc hướng dẫn thực hiện Luật ngân sách nhà nước (ban hành tháng 12/ 2002) đã tạo ra một khuôn khổ cho việc phân cấp quản lý ngân sách/tài khoá từ trung ương xuống địa phương.

Các hoạt động trong tươnglai:

- Mở rộng thực hiện cơ chế "một cửa" ở các địa phương.
- Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán chi.
- Thực hiện và tăng cường các hoạt động trao đổi thông tin, truyền thông theo hướng dẫn quy định trong đề xuất đã phê duyệt.
- Xây dựng năng lực thực hiện CCHCC bao gồm cơ chế "một cửa" và các sang kiến phân cấp khác ở cấp huyện và xã.

III. Cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính

Tiến độ và các hoạt động đang triển khai

Đã đạt được những thành công quan trọng thể hiện qua những thay đổi quan trọng trong chức năng nhiệm vụ của chính phủ, các bộ ngành và các cơ quan hành chính địa phương. Bộ máy chính quyền trung ương và địa phương đã được cơ cấu lại và thu gọn. So với 10 năm trước đây, số các bộ và cơ quan chính phủ đã giảm từ 46 đến 39, các cơ quan cấp tỉnh giảm từ 30 xuống 20-22, các đơn vị cấp huyện giảm từ 16-17 xuống còn 10-11. Cách thức tổ chức và vận hành của các cơ quan hành chính cũng thay đổi thông qua một loạt cải cách quan trọng bao gồm :

- Phân cấp và trao quyền giữa các cấp trung ương và tỉnh, và giữa các cấp địa phương để tăng tính sở hữu và tinh thần trách nhiệm;
- Xây dựng và thực hiện cơ chế tổ chức, tài chính và nhân sự cho các cơ quan hành chính và cơ quan sự nghiệp nhằm tách rời hoạt động quản lý hành chính khỏi hoạt động kinh doanh và cung cấp dich vụ công và để làm rõ chức năng và hoạt động của các cán bộ quản lý và nhân viên của các cơ quan cung cấp dịch vụ .

- Chính phủ đang thực hiện Kế hoạch Vi tính hoá quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005 theo quyết định số 112/2001/QD-TTg ban hành ngày 25/7/2002. VIệc áp dung công nghệ thong tin vào việc vận hành các cơ quan nhà nước và việc thành lập một mạng lưới rộng khắp trong bộ máy chính phủ là một trong các thành tố quan trọng trong quá trình hiện đại hoá chương trình hành chính công cộng. Kế hoạch này gắn liền với việc thực hiện CTTT/CCHCC trong giai đoạn 2001-2010 và kế hoạch hiện đại hoá chương trình quản lý hành chính công

- Thông qua khoản vay theo chương trình, ADB cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và nguồn lực tài chính để hỗ trợ việc thực hiện nội dung này. Được sự đồng ý của các bên có liên quan trong khuôn khổ vốn vay theo chương trình, một số biện pháp được thực hiện như hoạt động chuẩn bị đánh giá nhu cầu đào tạo và kế hoạch đào tạo cho các quan chức có liên quan để tăng khả năng quản lý hệ thống ICT.Giai đoạn giải ngân thứ nhất đã được thực hiện nhằm cung cấp nguồn lực tài chính để thực hiên hoạt động này.

Các hoạt động trong tương lai:

- Xây dựng và đề xuất kế hoạch phân cấp quản lý giữa chính quyền địa phương và trung ương để xác định rõ lĩnh vực được trao nhiệm nào thuộc quyền kiểm soát của cấp trung ương và lĩnh vực được trao nhiệm nào thuộc quyền kiểm soát của cấp địa phương.
- Thực hiện các quy đinh về định mức cán bộ phân cấp theo Nghị quyết của chính phủ.
- Tiếp tục sửa đổi Luật tổ chức Hội đồng ND và UBND để trình quốc hội thông qua vào cuối năm 2003.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch hiện đại hoá hệ thống hành chính bao gồm các sáng kiến vi tính hoá và chính phủ điện tử.

IV. Xây dựng và phát triển đội ngũ các bộ,công chức nhà nước

Tiến độ và các hoạt động đang triển khai:

- Các cải cách trong lĩnh vực này tập trung vào nâng cao kiến thức, kỹ năng và khả năng cán bộ, công chức nhà nước và thay đổi cách thức quản lý nhân sự. Những kết quả chính thu được là:

- Xây dựng và giới thiệu hồ sơ và các quy định chuẩn cho việc phân loại và sếp loại các cán bộ và công chức nhà nước trong bộ máy hành chính và các cơ quan cung cấp dịch vụ công.
- Thay đổi cách thức tuyển dụng chủ yếu dựa trên đánh giá và chọn lọc các hồ sơ dự thi của các ứng cử viên xin việc và các hồ sơ hỗ trợ sang việc tuyển dụng chủ yếu dựa vào các cuộc thi tuyển cạnh tranh.
- Tiến hành các hoạt động đào tạo, tái đào tạo và đào tạo nâng cao cho các đối tượng là chuyên gia trẻ, các chuyên gia chính, và các chuyên gia có vị trí tương đương khác;
- Đẩy mạnh tinh thần trách nhiệm của các cán bộ công chức trong việc cung cấp dịch vụ cho người dân.

- Cải thiện hệ thống lương của khu vực công trong khi xây dựng một kế hoạch cải cách lương của khu vực công để trình quốc hội phê duyệt. Tổ chức tham vấn vào tháng 9/2003 tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh để thu thập ý kiến của các bên liên quan nhằm hoàn thành đề xuất xin điều chỉnh chế độ lương trước khi trình lên quốc hội.

- Thành phần "Đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng của cán bộ nhà nước" đã nhận được sự hỗ trợ của ADB thông qua các khoản vay dự án và nguồn vốn để hỗ trợ kỹ thuận. Sau khi hoàn thành các kế hoạch hành động đã thống nhất , khoản vay của cnương trình ADB sẽ có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8.. Đánh giá dự án bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 với sự tham gia của trưởng nhóm phụ trách nhân sự.

- Một nghị định đã được soạn thảo và các bên lien quan đều được hỏi ý kiến nhận xét về cơ chế phân chia trách nhiệm cho các cán bộ lãnh đạo ở các cơ quan của chính phủ. Đây được coi như một biện pháp chống tham nhũng.
- Gần đây, 4 nghị đinh đã được ban hành dưới pháp lệnh sửa đổi về cán bộ và công chức như sau:

    1. Nghị định số114/2003/ND-CP về việc quản lý cán bộ nhân viên ở cấp địa phương
    2. Nghị định số 115/2003/ND-CP quy định về việc sắp sếp công việc cho các cán bộ có kinh nghiệm đang chờ 'điều động chính thức'
    3. Nghị định số. 116/2003/ND-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ,công chức nhà nước ở các cơ quan cung cấp dịch vụ công cộng
    4. Nghị định số. 117/2003/ND-CP hướng dẫn việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ,công chức nhà nước ở các tổ chức nhà nước
    5. Ngh ị đ ịnh s ố. 121/2003/ND-CP về cơ chế chính sách khuyến khích đối với cán bộ và công chức cấp cơ sở

Các hoạt động trong tương lai:

- Thực hiện pháp lệnh sửa đổi về cán bộ và công chức, tiếp tục soạn thảo các nghị định chính ph ủ và các thông tư cấp bộ để thực hiện Pháp lệnh này.
- Tiếp tục tổ chức các khoá đào tạo và nâng cao cho các cán bộ, công chức nhà nước, chú trọng đến việc thực hiện Kế hoạch Phát triển Nhân lực để thúc đẩy quá trình hội nhập vào nền kinh tế quốc tế trong giai đoạn 2003-2005 (do Thủ tướng chính phủ phê duyệt ngày 11/7/2003)
- Thực hiện chế độ lương mới
- Xây dựng các hồ sơ kỹ năng, xác định những kiến thức còn hổng, tiến hành đánh giá nhu cầu đào tạo.
- Tiếp tục cải cách/củng cố chính sách đào tạo và quản lý cán bộ, công chức.

V. **Cải cách tài chính công:**

Tiến độ và các hoạt động đang tiếp diễn

- Thủ tướng chính phủ ra Quyết định số 159/2003/QD-TTG ngày 4/8/2003 về việc áp dụng thí điểm việc khoán chi và cơ cấu nhân sự năm 2003 cho Tổng cục Hải quan.
- Chính phủ ban hành một loạt các cơ chế tài chính như cơ chế tài chính cho các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu; cơ chế khoán chi cho các cơ quan nhà nước để trang trải cho các chi phí vận hành và trả lương cán bộ;cơ chế đấu thầu và cơ chế khoán một số công việc nhất định từ cơ quan nhà nước cho khu vực tư nhân.
  Một năm sau khi ban hành quyết định trao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, 29 trong tổng số 54 Bộ và cơ quan trung ương và 35/ 61 chính quyền địa phương đã trao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu (bao gồm 424 đơn vị trực thuộc các bộ, cơ quan trung ương và 3973 đơn vị địa phương); 3 Bộ và 36/61 địa phương đã mở rộng quy mô thử nghiệm phương thức khoán chi trang trải cho các chi phí vận hành và trả lương cán bộ tại các cơ quan nhà nước (trong đó có 5 cơ quan trung ương và 197 cơ quan

địa phương).Nhiều bộ và các cơ quan trung ương và địa phương đã trao quyền tự chủ ngân sách cho các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu và mở rộng phạm vi thử nghiệm phương thức khoán chi trang trải cho các chi phí vận hành và trả lương cán bộ tại các cơ quan nhà nước. Mặc dù kết quả đạt được mới ở bước đầu nhưng đã mang lại rất nhiều thay đổi tích cực như tạo ra động lực mới để đẩy mạnh huy động nguồn lực, đổi mới và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công cộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng thu nhập và nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ, công chức nhà nước.

- Ngân hàng thế giới và dự án cho vay của DFID đang trong quá trình hỗ trợ chính phủ thực hiện quản lý tài chính công cấp trung ương.
  Các nhà tài trợ như DANIDA, SIDA, NORAD, Hà Lan, SDC, DFID và CIDA đang đóng góp vào Quỹ tín thác của Ngân hàng thế giới để hỗ trợ Bộ tài chính hiện đại hoá quản lý tài chính công trong dự án của Việt nam.

Các hoạt động trong tương lai:

- Mở rộng phạm vi khoán chi để trang trải chi phí vận hành và lương cán bộ v à cơ chế tài chính cho đơn vị hành chính sự nghiệp có thu trên toàn quốc.

B. **<u>Hoạt động Quan hệ đối tác CCHCC</u>**

- Cuộc họp đối tác CCHCC tổ chức vào tháng 6 đã thống nhất về khái niệm Quan hệ đối tác và Cơ chế chia sẻ thông tin. Cơ chế họp đánh giá dự án CCHCC một năm hai lần cũng được củng cố, hướng trọng tâm vào đối thoại cởi mở và chia sẻ thông tin giữa những người tham gia.
- Vai trò điều phối hỗ trợ CTTT CCHCC của Bộ nội vụ đã được đẩy mạnh thông qua việc chia sẻ thông tin, thăm quan thực địa thường xuyên và cải thiện hoạt động giám sát và đánh giá.
- Công tác điều phối và hợp tác giữa các dự án CCHCC đã được cải thiện.
- Báo cáo về các Thông lệ tốt nhất của các dự án CCHCC sẽ được trình các nhà tài trợ đóng góp ý kiến trước khi xuất bản và lưu hành trong cuộc họp của các nhà tài trợ năm nay.

Hiện nay một số dự án mới và các giai đoạn mới của các dự án CCHCC đang được xây dựng:

- Tổ chức SIDA đang trong quá trình làm việc với Bộ nội vụ và tỉnh Quảng trị để chuẩn bị một dự án mới nhằm hỗ trợ Bộ Nội vụ và các tỉnh được lựa chọn trong lĩnh vực quản lý nhân sự đồng thời chuẩn bị cho pha 2 của dự án CCHCC ở Quảng Trị.
- Các dự án CCHCC và quản lý độ thị ở Đồng Hới và Nam ĐInh do SDC hỗ trợ sẽ bước vào pha 3. SDC cũng đang xây dựng một dự án khác ở tỉnh Cao Bằng.
- Finnida đang chuẩn bị cho một dự án xây dựng thể chế ở Huế
- Norad sẽ tiếp tục tài trợ cho giai đoạn 2 của dự án CCHCC ở NInh BÌnh .
- Các chương trình làm việc đã hoàn tất để triển khai khoản vay của ADB cho Bộ nội vụ và OOG. Các cán bộ hỗ trợ kỹ thuật quốc tế đã được tuyển chọn.
- Dự án CCHCC ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bước vào giai đoạn 2 với sự giúp đỡ của UNDP và chính phủ Hà Lan.
- Pha 2 của dự án DANIDA hỗ trợ kỹ thuật cho tỉnh Đắc Lắc đang được xem xét.

C. **Hỗ trợ quá trình thực hiện CPRGS**

- Trong Chiến lược TT/GN của chính phủ, việc đẩy mạnh cải cách hành chính công là một mục tiêu quan trọng được coi là một trong những biện pháp chính để cân bằng sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. CTTT/CCHCC đã chú trọng tới việc nâng cao trách nhiệm và cải tiến cách làm việc của cán bộ, công chức nhà nước để đảm bảo công bằng xã hội và tạo điều kiện cho người dân và các doanh nghiệp tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ công cộng. Chương trình cũng nhận thức được tầm quan trọng của việc công khai hoá, sự tham gia và sự minh bạch trong quá trình lập kế hoạch, ra quyết định và thực hiện ở cấp địa phương. Nhìn chung, CLTT/GN rất chú trọng tới việc quản lý tốt và coi đây là trụ cột chính quyết định việc tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo.
- Tất cả các dư án CCHCC cấp địa phương đã hỗ trợ tích cực chính quyền địa phương thực hiện mô hình "một cửa" gây ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội. Hoạt động của dự án CCHCC chủ yếu tập trung vào việc cải tiến và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công. Một điều đáng chú ý là thành phố Hồ Chí Minh đã đưa tiêu chuẩn ISO 9000 và công nghệ thông tin viễn thông vào một số các đơn vị dịch vụ và hành chính. Những sáng kiến đổi mới này đã giúp xây dựng được các công cụ và cơ chế quản lý mới góp phần tăng hiệu quả làm việc, nâng cao trách nhiệm và sự tham gia vào các lĩnh vực cung cấp dịch vụ quan trọng ở địa phương.
- Việc thực hiện Quy chế dân chủ sửa đổi (79/2003/ND-CP) và Quyết định về hiệp hội (88/2003/ND-CP) đã bắt đầu thúc đẩy dân chủ ở địa phương và phát triển khối phi chính phủ.
- Một số dự án PAR đã tiến hành các khoá tập huấn về tạo thu nhập và việc làm
- 8 nhà tài trợ bao gồm Ngân hàng thế giới, ADB và UNDP đã tiến hành đánh giá quản lý và đói nghèo có sự tham gia ở 10 tỉnh và đưa ra đánh giá của người dân về chất lượng và tính hiệu quả của các hoạt động cung cấp dịch vụ công.
- Bộ NN và PTNT đã tiến hành một cuộc khảo sát định tính và định lượng về nhu cầu dịch vụ của nông dân lượngcung cấp dịch vụ trên phạm vi rộng chiếm khoảng 75% dân số. Trong giai đoạn tiếp theo, Bộ sẽ lên kế hoạch thí điểm một dự án công nghệ thông tin viễn thông vì người nghèp nhằm mục đích cải thiện việc cung cấp dịch vụ công cho người nông dân. .
- Một khảo sát bằng phiếu đang được tiến hành với sự đồng tài trợ của Ngân hàng thế giới và SDC phối hợp cùng Bộ Nội Vụ.

D. Những thách thức và hạn chế trong quá trình thực hiện PAR

Nhìn chung, trong 10 tháng qua, cải cách hành chính công ở Việt nam đã được những kết quả khả quan như đã trình bày ở trên. Mặc dù vậy vẫn còn một số thách thức và hạn chế":

Hệ thống quản lý nhà nước vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu về cách thức quản lý và dịch vụ cung cấp cho người dân. Do đó, tình hiệu quả của hệ thống quản lý nhà

nước vẫn còn hạn chế và cần tiếp tục được tăng cường hơn nữa. Tình trạng này là do một số nguyên nhân chính như sau:

- Chức năng nhiệm vụ của hệ thống quản lý hành chính công trong nền kình tế thị trường chưa được xác định rõ ràng.
- Chưa có hướng dẫn rõ ràng về việc đẩy mạnh phân cấp và phi tập trung.
- Hệ thống thể chế hành chính chưa rõ ràng và chưa hiệu quả; Thủ tục hành chính cồng kềnh, các cán bộ, công chức thiếu kỷ luật.
- Trong môi trường kinh tế mới, chức năng quản lý nhà nước chưa phù hợp. Chính sách tài chính và cơ chế quản lý tài chính áp dụng cho các cơ quan hành chính và các đơn vị cung cấp dịch vụ công chưa đồng bộ.
- Hiệu quả làm việc của các cán bộ còn yếu do thiếu kỹ năng, khả năng và phương pháp làm việc phù hợp.

Định hướng trong tương lai

- Tăng cường thực hiện CTTT/CCHCC ở cấp địa phương chú trọng đén các tình nghèo, kém phát triển.
- Cải thiện môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư và tạo cơ hội nâng cao mức sống .
- Tăng cường các biện pháp truyền thông tới người dân các cấp.
- Tăng cường nâng cao năng lực cấp địa phương (huyện và xã) đồng thời đẩy mạnh công tác điều phối với các nhà tài trợ trong việc phát triển năng lực cho các chính quyền địa phương.
- Tăng nguồn lực tài chính và kỹ thuật để hoàn thiện và nhân rộng mô hình "một cửa"

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

(Tài liệu phục vụ Hội nghị Nhóm tư vấn (CG), tháng 12/ 2003)

I. Bối cảnh:

Năm 2003 là năm mà các bên đối tác tập trung chủ yếu vào hỗ trợ và thực hiện các hoạt động cải cách. Đã diễn ra nhiều cuộc thảo luận giữa Bộ Tài chính và các cơ quan Chính phủ Việt Nam với các nhà tài trợ trong lĩnh vực quản lý tài chính công. Nhiều hỗ trợ đã được tăng cường và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên.

Chương trình tổng thể hiện đại hoá ngành tài chính đã được Lãnh đạo Bộ Tài chính thông qua, đang được hoàn thiện thêm một bước và tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện, làm cơ sở cho sự phối hợp và hỗ trợ của các nhà tài trợ.

II. Quá trình triển khai quan hệ hợp tác trong năm 2003:

1. Các cuộc họp của nhóm công tác do Chính phủ chủ trì đã thường xuyên đánh giá kết quả các hoạt động cải cách trong lĩnh vực quản lý tài chính công dựa trên Chương trình tổng thể hiện đại hoá đã được hoàn thiện do Bộ Tài chính đưa ra bao gồm 6 lĩnh vực: quản lý NSNN, chính sách và quản lý hành chính thuế bao gồm cả hải quản, quản lý DNNN, quản lý nợ quốc gia, quản lý công sản và dự trữ quốc gia, và quản lý giá.
2. Sự phản hồi của các nhà tài trợ: Các nhà tài trợ đã đẩy mạnh sự phối hợp và tăng cường cam kết tài trợ cho việc thực hiện các hoạt động cụ thể của Chương trình tổng thể này. Tuy nhiên, vẫn có ít quan tâm dành cho các lĩnh vực quản lý công sản và dự trữ quốc gia, và quản lý giá.
3. Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật: Bộ Tài chính đang nhận được hỗ trợ kỹ thuật rất quí báu của UNDP, các tổ chức tài chính quốc tế (IMF, WB, ADB), EU, các chính phủ Cộng hoà Liên Bang Đức, Thuỵ Điển, Pháp, Úc, Đan Mạch, Nhật Bản,… Trong năm 2003, Chính phủ và các nhà tài trợ đã tập trung triển khai các hoạt động chính sau:

   - Dự án Cải cách quản lý tài chính công đã được ký kết vào ngày 6/6/2003. Dự án này sẽ hỗ trợ thực hiện một bộ phận quan trọng của Chương trình HĐH ngành tài chính, gồm xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài chính công tích hợp, thực hiện các cải cách quản lý NSNN, và tăng cường quản lý các rủi ro tài khoá. Dự án có thời gian thực hiện 5 năm và tổng kinh phí trên 71 triệu USD (trong đó trên 54 triệu USD vay tín dụng ưu đãi của WB, xấp xỉ 10 triệu USD tài trợ không hoàn lại của Chính phủ Anh, và phần còn lại trên 7 triệu USD là vốn đối ứng của Chính phủ VN). Ngày 7/10/2003, Dự án đã chính thức được khởi động và đi vào hoạt động.
   - Sau một thời gian dài, văn kiện Dự án MDTF đã được thống nhất giữa Bộ Tài chính, WB và 7 nhà tài trợ song phương (Anh, Ca na đa, Đan Mạch, Hà Lan, Na Uy, Thuỵ Sỹ và Thuỵ Điển) với mục tiêu hỗ trợ hoàn thiện và thực hiện Chương trình tổng thể hiện đại hoá ngành tài chính. Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý về nguyên tắc tiếp nhận khoản tài trợ này. Các cơ quan quản lý của Chính phủ đang xem xét dự thảo Thoả thuận Tài chính cho giai đoạn 18 tháng đầu của Quỹ MDTF để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giao Bộ Tài chính chủ trì thực hiện. Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng kế hoạch hành động 6 tháng đầu tiên của Quỹ để có thể triển khai thực hiện ngay sau khi Dự án được chính thức phê duyệt và ký kết.

- Với tinh thần làm việc rất khẩn trương và hiệu quả, ngày 25/9/2003 Dự án "Tăng cường năng lực phân tích chính sách tài chính phục vụ phát triển con người" đã được ký kết giữa Chính phủ và UNDP. Dự án có tổng kinh phí gần 1 triệu USD, thực hiện trong 3 năm bắt đầu từ 01/12/2003 sẽ tập trung vào tăng cường năng lực phân tích chính sách tài chính cho Chính phủ để nâng cao hiệu quả hoạch định và hiệu lực thi hành chính sách trong lĩnh vực quản lý tài chính công.
- Việc thí điểm quản lý theo phương pháp tự kê khai-tự nộp thuế đã có nhiều tiến triển. Ngày 23/9/2003, Chính phủ ban hành Quyết định số 197/2003/QD-TTg về việc thí điểm thực hiện cơ chế cơ sở sản xuất, kinh doanh tự kê khai, tự nộp thuế. Theo Quyết định này, việc thí điểm sẽ được triển khai từng bước từ nay đến năm 2007, bắt đầu triển khai từ ngày 01/01/2004 tại một số cơ sở sản xuất, kinh doanh được lựa chọn trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ninh. Bộ Tài chính và IMF đang xây dựng đề án để hỗ trợ cho công việc này với sự tham gia của một nhóm các nhà tài trợ.
- Nhằm hiện đại hoá lĩnh vực quản lý hải quan, Chính phủ đang xem xét để đưa Dự án Hiện đại hoá hải quan vào danh mục các dự án đề xuất vay vốn WB và Bộ Tài chính đang đề xuất một khoản tài trợ PHRD của Chính phủ Nhật Bản uỷ thác qua WB để thực hiện các công việc chuẩn bị cho dự án này.
- Chương trình hỗ trợ kỹ thuật (EURO-TAPVIET II) của Châu Âu cho Chính phủ Việt Nam đã được ký kết và đang trong giai đoạn chọn thầu tư vấn. Bộ Tài chính đang chuẩn bị các công việc cần thiết đưa Chương trình vào hoạt động để hỗ trợ các lĩnh vực chính sách và quản lý hành chính thuế, quản lý hải quan, quản lý bảo hiểm và kế toán.
- Chính phủ Việt nam và Cộng hoà Liên bang Đức cũng đang thảo luận để triển khai giai đoạn IV của Dự án "Hỗ trợ cải cách ngân sách" nhằm triển khai thực hiện các nội dung của Luật NSNN (sửa đổi).
- Để tiếp tục chương trình hợp tác với Chính phủ Nhật Bản, dự án hỗ trợ kỹ thuật và các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực chính sách và quản lý hành chính thuế đang được thảo luận tích cực để sớm đi đến ký kết chính thức.
- Một đề xuất hỗ trợ kỹ thuật cho việc đưa vào áp dụng các chuẩn mực kế toán công đã được xây dựng và gửi cho WB để đề nghị hỗ trợ tài chính từ Quỹ Hỗ trợ phát triển thể chế (IDF).
- Văn kiện dự án xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách tài chính phát triển khu vực kinh tế dân doanh do Quỹ xây dựng năng lực quốc gia có hiệu quả (CEG) của Chính phủ Austrailia tài trợ đang tiếp tục được hoàn thiện Ngoài ra, các dự án khác như Dự án tăng cường năng lực đào tạo về quản lý tài chính công và thống kê kinh tế do Chính phủ Pháp tài trợ, Dự án tăng cường quản lý nợ nước ngoài do Chính phủ Úc, Thuỵ Sỹ và UNDP tài trợ, Dự án xây dựng khuôn khổ pháp lý và năng lực thể chế cho công tác tái định cư do ADB tài trợ,… vẫn đang được thực hiện theo kế hoạch.
- Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì trong công tác điều phối Quỹ tín thác ASEM và hiện nay đang tổng hợp nhu cầu của phía Việt Nam để xin tài trợ của Quỹ cho giai đoạn tiếp theo. Bản thân Bộ Tài chính cũng đề xuất một khoản tài trợ của Quỹ để tiếp tục hỗ trợ vận hành và giám sát Hệ thống an sinh xã hội đối với người lao động dôi dư do Bộ Tài chính thực hiện.

III. Những kết quả của quan hệ đối tác trong lĩnh vực quản lý tài chính công:

1. Triển khai thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi): Luật NSNN đã được Quốc hội Việt nam thông qua vào tháng 12/2002. Để Luật NSNN sớm đi vào cuộc sống, Bộ Tài chính đã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Luật:

   i) Xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật NSNN, thể hiện những nội dung cải cách của Luật NSNN (Sửa đổi) như:

   – Tăng cường vai trò, quyền hạn của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp trong quyết định và phân bổ ngân sách, và giám sát thực hiện ngân sách.

   – Phân chia lại nguồn thu giữa NSTW và NSĐP theo hướng tăng nguồn thu cho NSĐP và thúc đẩy địa phương phấn đấu để chủ động cân đối ngân sách.

   – Tăng cường tính chủ động, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và đơn vị trong quản lý ngân sách và tài sản Nhà nước; gắn trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách với nhiệm vụ dược giao.

   – Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng ngân sách, gắn đầu tư của ngân sách với hiệu quả kinh tế-xã hội.

   – Thực hiện công, khai minh bạch trong các khâu quản lý NSNN.

   ii) Xây dựng và triển khai thực hiện định mức phân bổ cho năm ngân sách 2004: Định mức phân bổ NSNN mới đã được Chính phủ phê duyệt và được áp dụng từ năm ngân sách 2004 trở đi. Định mức phân bổ ngân sách mới đã thể hiện được các nguyên tắc sau:

   – Đảm bảo kinh phí cần thiết để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng của từng Bộ, cơ quan Trung ương, và từng địa phương; đảm bảo tổng chi ngân sách của từng địa phương không giảm và có tốc độ tăng hợp lý.

   – Đảm bảo phân bổ ngân sách công bằng, hợp lý và công khai giữa Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương. Đảm bảo các tiêu chí và hệ số của các định mức phân bổ cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ tính toán và đễ kiểm tra. Quán triệt yêu cầu tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

   – Đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách cụ thể của Nhà nước đối với từng lĩnh vực, từng vùng. Định mức phân bổ chi ngân sách đối với các địa phương bao hàm đầy đủ dự toán chi của cả 3 cấp ngân sách (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã)

   – Đảm bảo đúng những qui định của Luật NSNN về phân cấp ngân sách giữa NSTW và NSĐP phù hợp với khả năng cân đối NSNN 2004 và các năm sau, trong điều kiện thực hiện cải cách tiền lương và đảm bảo các nghĩa vụ trả nợ;

   iii) Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn thực hiện Luật NSNN cho cán bộ làm công tác quản lý tài chính ngân sách của tất cả các tỉnh, thành phố, các cơ quan đơn vị ở Trung ương nhằm quán triệt và thực hiện đúng các nội dung cải cách của Luật NSNN;

   iv) Xây dựng cuốn sách "Hỏi và đáp về Luật NSNN" để giải đáp một phần các vướng mắc của địa phương, đơn vị khi triển khai thực hiện Luật NSNN (sửa đổi).

2. Về khuyến nghị phân bổ NSNN hướng về người nghèo:

   i) Tăng cường đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn để thực hiện xoá đói giảm nghèo trên diện rộng: NSNN đã đầu tư xây dựng các công trình thuỷ lợi, kiên cố hoá kênh mương cấp I, cấp II; thực hiện kiên cố hoá kênh mương nội đồng đối với các tỉnh ngân sách còn khó khăn nhằm chủ động trong sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp. Hỗ trợ tăng cường cho nghiên cứu giống cây, giống con có giá trị kinh tế và thương mại cao, tăng đầu tư ngân sách đối với công tác khuyến nông, khuyên lâm, khuyến ngư, và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn điền cho nông dân và tạo điều kiện cho người dân có tích luỹ đầu tư phát triển.

   ii) Tăng cường chi ngân sách cho giáo dục, y tế, an sinh xã hội… Bên cạnh đó, thực hiện chính sách ưu đãi về giáo dục cho học sinh và chế độ ưu đãi y tế cho người dân ở các tỉnh nghèo, vùng nghèo: miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên ở miền núi, vùng sâu, hải đảo, học sinh nghèo và có chế độ học bổng cho học sinh dân tộc theo học tại các trường nội trú. Học sinh nghèo vùng xã đặc biệt khó khăn được cấp không sách giáo khoa và vở để đi học. Giáo viên giảng dạy ở miền núi, Tây nguyên, hải đảo, vùng khó khăn được hưởng chế độ ưu đãi cao (mức 35-70%). Trong kế hoạch 2003-2004, thực hiện việc phát hành "Công trái xây dựng trường học, lớp học" nhằm xoá lớp học 3 ca, trường tạm, tranh tre nứa lá ở các cùng khó khăn, qua đó giảm bớt đóng góp của cha mẹ học sinh cho xây dựng trường sở đối với các vùng này. Đảm bảo kinh phí từ nguồn NSNN để xây dựng quỹ "Khám chữa bệnh cho người nghèo". Mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo hoặc thực hiện thanh toán tiền khám, chữa bệnh cho người nghèo trong toàn quốc.

   iii) Tiếp tục dành một phần kinh phí quan trọng của các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện xoá đói giảm nghèo. Trong dự toán ngân sách năm 2003, nguồn vốn bố trí cho mục tiêu này tăng 25% so với năm 2002. Chương trình này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tính chất đột phá trong công cuộc xoá đói giảm nghèo và từng bước phát triển kinh tế - xã hội ở các xã miền núi, vùng sâu vùng xa thông qua đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã nghèo bao gồm: đường giao thông, thuỷ lợi nhỏ, cấp nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, trường học, trạm y tế và chợ vùng cao, xây dựng các khu định canh, định cư cho đồng bào các dân tộc, thực hiện khuyến lâm, khuyến nông, hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất, cho vay vốn, hỗ trợ sản xuất và phát triển các ngành nghề,…

   iv) Với sự nỗ lực của người dân, sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, công tác xoá đói giảm nghèo của Việt nam đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng. Đến nay, tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 15,7% tổng số hộ toàn quốc năm 1996 xuống còn 9,96%.

3. Về công khai, minh bạch ngân sách:

   i) Trong năm qua, công khai NSNN các cấp theo quy định tại Quyết định số 182/2001/QĐ - TTg ngày 20/11/2001 về việc sửa đổi Quy chế công khai tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ đã được triển khai tốt ở các Bộ, cơ quan Trung ương, và các địa phương (tỉnh, huyện và cả các xã) trong cả nước. Công khai ngân

sách đã tạo điều kiện giúp cho người dân có thể kiểm tra và giám sát tốt hơn tình hình thực hiện thu chi ngân sách tại địa phương, cơ sở.

ii) Cùng với công khai NSNN theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã thực hiện công bố lên trang Website trong mạng Internet của Bộ Tài chính (Địa chỉ: www.mof.gov.vn) các nội dung sau:

- Số liệu quyết toán chi NSNN từ năm 1996 - 2000 và năm 2001 theo một số ngành và nội dung chi như nêu trong báo cáo chi tiêu công năm 2000.
- Số liệu về tình hình thực hiện thu chi NSNN theo từng quí.
- Số liệu công khai dự toán Ngân sách năm 2003 và quyết toán năm 2001 theo Quyết định số 182/2001/QĐ-TTg ngày 20/11/2001 về việc sửa đổi Quy chế công khai tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

iii) Để việc công khai ngân sách được triển khai rộng khắp và có nề nếp, điều 13 của Luật NSNN (sửa đổi) cũng đã qui định: "Dự toán, quyết toán, kết quả kiểm toán quyết toán NSNN, ngân sách các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ phải công bố công khai. Quy trình, thủ tục thu, nộp, miễn, giảm, hoàn lại các khoản thu, cấp phát và thanh toán ngân sách phải được niêm yết rõ ràng tại nơi giao dịch"

4. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý NSNN thống nhất, trong đó giao cho Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm về hệ thống kế toán nhà nước:

i) Điều 61 Luật NSNN (Sửa đổi) có qui định: "Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện hạch toán kế toán NSNN; định kỳ báo cáo việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách cho cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan Nhà nước hữu quan"

ii) Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký Quyết định số 130-2003/QĐ-BTC ngày 18/08/2003 về việc "Ban hành chế độ kế toán NSNN và hoạt động Kho bạc Nhà nước" trong đó qui định về chế độ kế toán NSNN và hệ thống chỉ tiêu báo cáo thu chi ngân sách.

IV. Một số nội dung chủ yếu sẽ tập trung triển khai cuối năm 2003 và những tháng đầu năm 2004 trong lĩnh vực quản lý tài chính công:

1. Tiếp tục duy trì quan hệ trao đổi, tham kiến và phối hợp với các bên đối tác liên quan thông qua hoạt động của nhóm công tác Chính phủ-nhà tài trợ.
2. Hoàn tất các thủ tục và công tác chuẩn bị cho các dự án: Quĩ MDTF với 7 nhà tài trợ (đến hết 2003), Thí điểm cơ chế tự kê khai-tự nộp thuế với IMF và các nhà tài trợ song phương (đến hết 2003), Chương trình Euro-TAPVIET II với EU (hết năm 2003), Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách tài chính phát triển khu vực kinh tế dân doanh với Chính phủ Úc (đến hết 2003), Hỗ trợ kỹ thuật và các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực chính sách và quản lý hành chính thuế với Chính phủ Nhật Bản (đến hết 2003).
3. Triển khai thực hiện Dự án "Cải cách quản lý tài chính công" do WB và Chính phủ Anh tài trợ, Dự án "Tăng cường năng lực phân tích chính sách tài chính phục vụ phát triển con người" do UNDP tài trợ và giai đoạn IV Dự án "Hỗ trợ cải cách ngân sách" do Đức tài trợ.
4. Tiếp tục thực hiện theo kế hoạch các chương trình, dự án đang hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài chính công.

5. Chuẩn bị các bước cần thiết để xây dựng Dự án Hiện đại hoá hải quan.
6. Tập trung hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động chủ yếu sau:

- Công bố công khai quyết toán NSNN 2002 và dự toán NSNN 2004 theo quy định và theo cam kết. Tiến hành kiểm tra và yêu cầu các địa phương thực hiện nghiêm chế độ công khai do Thủ tướng Chính phủ quy định.
- Triển khai các nội dung của Luật NSNN (sửa đổi) và tháo gỡ các vướng mắc các địa phương, đơn vị khi thực hiện Luật NSNN (sửa đổi).
- Phối hợp với WB và các nhà tài trợ thực hiện đánh giá chi tiêu công năm 2004. Cuộc đánh giá lần này sẽ nhấn mạnh hơn sự tham gia của các cơ quan Chính phủ và sẽ do Chính phủ và WB cùng tiến hành. Về phía Chính phủ, Bộ Tài chính sẽ là cơ quan đầu mối, chủ trì, các cơ quan khác tham gia. Trong từng ngành/lĩnh vực đánh giá chi tiêu công (Ytế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông vận tải) thì các Bộ ngành đó là cơ quan chủ trì. Đánh giá chi tiêu công lần này cũng sẽ đánh giá cả các chương trình quốc gia như chương trình 135, chương trình Xoá đói giảm nghèo…

V. Chỉ tiêu giám sát nhằm đảm bảo thành công cho quan hệ hợp tác:

1. Hoạt động phối kết hợp tiếp tục được tăng cường thông qua vai trò chủ đạo của Bộ Tài chính.
2. Các nhà tài trợ đáp ứng kịp thời những nhu cầu hỗ trợ của Chính phủ.
3. Đảm bảo cung cấp thông tin từ Chính phủ cho các nhà tài trợ, bao gồm cả việc sử dụng mạng thông tin Website của Bộ Tài chính.

HÀI HÒA HÓA THỦ TỤC VÀ HIỆU QUẢ VIỆN TRỢ

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VÀ SÁNG KIẾN ĐIỀU PHỐI VÀ HÀI HÒA HÓA THỦ TỤC EU CHO VIỆT NAM

Liên minh Châu âu (Các quốc gia thành viên và Ủy ban Châu âu) đã có nỗ lực to lớn trong việc điều phối và hài hòa hợp tác phát triển khắp nơi trên thế giới. Cộng đồng Liên minh Châu âu nhất trí tại Barcelona tháng 3/2002 tiến hành các bước đi cụ thể trong lĩnh vực điều phối chính sách và hài hòa hóa các thủ tục trước năm 2004. Các quốc gia thành viên và Ủy ban Châu Âu ủng hộ nỗ lực của OECD trong việc hài hòa hóa các thủ tục của các nhà tài trợ với mục đích tăng cường tính hiệu quả của viện trợ và giảm chi phí giao dịch. Các quốc gia thành viên EU và Ủy ban quyết định rằng bên cạnh việc xác định một kế hoạch hài hòa toàn cầu, Kế hoạch Hành động nên được xây dựng tại bốn nước thí điểm, trong đó có Việt Nam.

Tháng 5/2003, các đại diện của 12 Quốc gia Thành viên có trụ sở tại Hà Nội đã phối hợp với Việt Nam và Phái đoàn EC nhất trí về một Kế hoạch Hành động Hài hóa hóa và Điều phối.

Kế hoạch Hành động được trình cho Chính phủ và các nhà tài trợ tại Hội nghị Nhóm Tư vấn tài trợ giữa năm tại Sapa tháng 6/2003.

Kế hoạch này xây dựng trên cơ sở những thành công trước đây như Sách Xanh hàng năm về các hoạt động phát triển của EU, định mức chi phí địa phương EU, các tuyên bố chung EU và được cam kết tại các Hội nghị Nhóm Tư vấn vv...

Cần có một phương pháp tiếp cận thực tế, tập trung vào việc điều phối các nỗ lực tại các giai đoạn khác nhau của chu kỳ dự án trong một số ngành nhất định như y tế, giáo dục, thương mại, phát triển khu vực tư nhân và quản trị và tập trung vào một khu vực địa lý, Tây Nguyên. Các nhà tài trợ EU ở Việt Nam tin rằng việc hài hóa hóa các thông lệ sẽ diễn ra sau quá trình hợp tác chặt chẽ để xác định các cơ hội hợp tác chung, đóng góp tài chính chung vvv...

Cần tập trung đặc biệt vào việc đưa ra các biện pháp ngành và hỗ trợ ngân sách. Một lịch trình thực hiện Kế hoạch Hành động vẫn cần phải được xây dựng. Tuy vậy, cũng đã có tiến bộ trong lĩnh vực này. Sự hợp tác chặt chẽ trong việc xác định dự án đang diễn ra ví dụ giữa Ủy ban Châu âu và Bỉ trong lĩnh vực y tế và giữa Ủy ban Châu Âu và Đức trong lĩnh vực phát triển khu vực tư nhân.

LMDG

LMDG hỗ trợ một chuyên gia tư vấn làm việc với BKH&ĐT để xây dựng một dự thảo Kế hoạch hành động về Hài hòa hóa thủ tục tiếp theo Hội nghị Rome vào đầu năm nay. Chính phủ giờ nắm quyền sở hữu Kế hoạch này, và Kế hoạch đã được trình bày cho các nhà tài trợ tại hội thảo về hiệu quả viện trợ tổ chức tháng 10. Một dự thảo đang được một nhóm tài trợ phi chính thức về hài hóa hóa thảo luận , bao gồm các đại diện từ các nhà tài trợ và nhóm tài trợ chính. Dự thảo sẽ được trình bày tại Hội nghị CG tháng 12.

Các chuyên gia LMDG cũng làm việc với MPI để xây dựng một tài liệu khái niệm về xây dựng năng lực cho việc quản lý ODA. Vấn đề này được trình bày tại hội thảo tháng 10 và đã được các nhà tài trợ ủng hộ rộng rãi. Tiến độ xây dựng sáng kiến này không diễn ra nhanh chóng như LMDG và Chính phủ mong muốn.

CLTT&GN tạo cơ sở cho các chiến lược hỗ trợ của tất cả các nhà tài trợ LMDG trong năm 2003. LMDG tiếp tục xây dựng các cơ chế củng cố các hệ thống nòng cốt của chính phủ. Một số thành viên đã tham gia tích cực vào qúa trình đánh giá chi tiêu công và hoan nghênh việc chính phủ thực hiện hoạt động này một cách cởi mở và tập trung.

Qũy tín thác của nhiều nhà tài trợ về quản lý tài chính công đang được vận hành sau một số khó khăn ban đầu. Qũy này tỏ ra là một nguồn lực tài chính linh hoạt cho Bộ Tài chính sử dụng để củng cố hệ thống của mình. Theo đề nghị của BKHĐT, ba nhà tài trợ LMDG đã thuê các chuyên gia về mua sắm tiến hành đánh giá Pháp lệnh mua sắm một cách chi tiết hơn và thảo luận bước tiếp theo trong việc xây dựng một hệ thống mua sắm hiện đại. DPP và LMDG hiện đang chuẩn bị một đề nghị chi tiết hơn cho một dự án kéo dài nhiều năm có thể bắt đầu năm 2004. Dự án này sẽ được điều phối với sự hỗ trợ của các ngân hàng phát triển đa phương nhằm thiết lập các quy định hướng dẫn và một hệ thống thông tin mua sắm và một số tài liệu đấu thầu tiêu chuẩn.

Hai nhà tài trợ thuộc LMDG đã đóng góp vào Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo 2 (TDHHGN) và một số các nhà tài trợ khác đang cân nhắc tham gia vào TDHTGN 3 năm 2004. LMDG coi Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo là một cơ chế hiệu quả để giảm chi phí giao dịch trong cung cấp viện trợ và hỗ trợ tập thể việc thực hiện các yếu tố chủ chốt của CLTT&GN của chính phủ. LMDG sẽ xây dựng cách tiếp cận toàn ngành trong ngành giáo dục trong khuôn khổ Giáo dục cho Tất cả Mọi người với nguồn hỗ trợ tài chính chủ yếu từ ngân sách mục tiêu. Ngoài ra, chúng tôi hy vọng sẽ hỗ trợ cho các chương trình mục tiêu của Chính phủ.

LIÊN HIỆP QUỐC

Năm 2001, Đại hội đồng LHQ kêu gọi đơn giản hóa và hài hòa hóa toàn bộ (ĐGH&HHH) các quy định và thủ tục của LHQ đến năm 2004. Việc đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục nhằm vào việc giảm chồng tréo và chi phí giao dịch cho các chính phủ và LHQ nhằm tăng tính hiệu quả của hỗ trợ phát triển, tăng hợp tác và phối hợp cũng như cải thiện tinh thần trách nhiệm.

Uỷ ban Điều hành của Nhóm Phát triển LHQ (UNDG) đã đi đầu trong quá trình ĐGH&HHH và thúc đẩy một chương trình hoạt động sẽ được hoàn tất vào cuối năm 2004. Chương trình này được nhóm vào ba lĩnh vực 1) hoạch định và xây dựng chương trình và HTGS-ĐG, 2) Thực hiện chương trình bao gồm việc lập kế hoạch chung và các phương thức tài chính và 3) Hài hóa hóa các dịch vụ và quy định chung.

Qúa trình này được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc quan trọng về tính đa dạng trong tình hình của một quốc gia so với nguyên tắc một giải pháp phù hợp với mọi đối tượng, sở hữu quốc gia và xây dựng năng lực quốc gia cũng như nguyên tắc về các điển hình tốt nhất tại các Qũy và Chương trình LHQ nên được sử dụng và áp dụng.

Phần sau đây giới thiệu tổng quan về các sáng kiến và công cụ toàn cầu của LHQ được áp dụng hoặc đang được xây dựng với những chỉ số về tiến độ thực hiện tại Việt Nam.

A. Hài hòa hóa và đơn giản hóa việc xây dựng và lập kế hoạch chương trình

Các công cụ hoạch định chung mang tính chiến lược của LHQ đang được nỗ lực củng cố thông qua hệ thống bảo đảm và hỗ trợ chất lượng được cải thiện cho các sản phẩm và quy trình thuộc Khuôn khổ Hỗ trợ Phát triển LHQ (Khuôn khổ HTPT LHQ) và Khuôn khổ Đánh giá Quốc gia chung (Khuôn khổ ĐGQG). Điều này bao gồm việc xây dựng một khuôn khổ UNDAF tập trung hơn và chiến lược hơn, tập trung vào tối đa khoảng 3-4 lĩnh vực ưu tiên trong một khuôn khổ chung với sự quan tâm đặc biệt vào việc đạt được các kết quả chiến lược. Một phần hoạt động tập trung vào củng cố mối quan hệ giữa khuôn khổ HTPT LHQ , các ưu tiên quốc gia và các quy trình quốc gia, đặc biệt là các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG) và Kế hoạch chiến lược giảm nghèo (PRSPs) và các tài liệu chương trình quốc gia của các cơ quan.

Theo thỏa thuận chung, từ nay Chính phủ phải từ bỏ thực hiện khuôn khổ HTPT LHQ (điều này không phải diễn ra ở tất cả các nước) để củng cố trách nhiệm chung và tính sở hữu quốc gia.

Tình hình tại Việt Nam: thỏa thuận này sẽ có hiệu lực năm 2004. Khi đó Việt Nam sẽ là một nước thí điểm của thế hệ tốt nghiệp Khuôn khổ ĐGQG/khuôn khổ HTPT LHQ tiếp theo

Dựa trên Khuôn khổ HTPT LHQ, mỗi cơ quan phải hoàn thành Tài liệu Chương trình Quốc gia (TLCTQG) bao gồm thỏa thuận 'cấp cao' giữa các cơ quan và chính phủ về chiến lược, kết quả, nguồn lực và đối tác. Ban đầu, TLCTQG sẽ được thông qua và được sử dụng bởi bốn cơ quan UNDG Excom (ở Việt Nam các đại diện các cơ quan đó là UNDP, UNICEF và UNFPA).

Một khi tài liệu TLCTQG đã được thông qua bởi Ban Điều hành, mỗi cơ quan sẽ hoàn tất, trên cơ sở tham khảo với các đối tác quốc gia, các chi tiết của Chương trình Quốc gia, bao gồm việc phân bổ nguồn lực mang tính chỉ định, các hiệp định quản lý trong các Kế hoạch Hành động Hài hòa hóa (KHHĐHHH).

Tình hình tại Việt Nam: một phương thức chung về TLCTQG và KHHĐHHH sẽ được UNDP, UNICEF và UNFPA giới thiệu cho chu kỳ của khuôn khổ HTPT LHQ tiếp theo và được đệ trình cho Ban điều hành UNDG năm 2005.

Ngoài ra, một Kế hoạch đánh giá và giám sát khuôn khổ HTPT LHQ sẽ được xây dựng, theo đó LHQ và các đối tác có thể cùng nhau hoạch định chiến lược 5 năm để giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch chung thông qua các hoạt động giám sát phối hợp và liên kết.

Các hội nghị chiến lược chung sẽ thay thế bốn hội nghị khác với sự tham gia của các đối tác quốc gia. Qua các hội nghị này, các chiến lược sẽ được hoàn tất và việc xác định các đối tác chung và tiêu điểm của chương trình sẽ góp phần xác định cơ hội hợp tác, bao gồm việc hoạch định chương trình chung.

B. Hài hòa hòa và Đơn giản hóa trong suốt Chu kỳ Chương trình

Các mẫu kế hoạch công việc hàng năm và ngân sách hàng năm với chính phủ và các đối tác khác sẽ được giới thiệu cùng với các mẫu Báo cáo tiến độ Chuẩn cho việc báo cáo cụ thể.

Các cơ quan Excom đã nhất trí hài hóa hóa các thủ tục tài chính cấp quốc gia, sử dụng các hướng dẫn CCPOQ về thực hiện ngân sách quốc gia làm nền tảng cơ sở. Những quy định hướng dẫn này nhấn mạnh việc bảo đảm trách nhiệm của đối tác, cũng như tính hiệu quả của việc thực hiện chương trình, sự sở hữu của quốc gia đối với chương trình và xây dựng năng lực. Hài hòa hóa các phương thức chuyển giao nguồn lực sẽ được thực hiện trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính do Chính phủ và LHQ cùng tiến hành. Dựa trên nhận xét của chính phủ và LHQ, khi các cơ quan LHQ hợp tác với đối tác quốc gia tương ứng trong cùng một cấp độ chuyển giao (hoạt động, dự án, chương trình) và cùng một loại nguồn lực (tiền mặt, hàng) sẽ sử dụng cùng một phương thức và thủ tục chuyển giao nguồn lực (ví dụ như việc giải ngân theo thường kỳ, báo cáo tài chính, giám sát và kiểm toán)

Tình hình tại Việt Nam: Trụ sở LHQ sẽ thông báo các thủ tục và hướng dẫn mới về việc thực hiện các biện pháp này vào cuối năm 2003 để áp dụng vào Việt Nam vào cuối năm 2003

Như được quy đề cập trong báo cáo thứ hai về Cải cách LHQ của Tổng thư ký LHQ, việc xây dựng chương trình chung được coi là một cơ hội lớn nhằm tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan nhằm cải thiện mối quan hệ tương tác và phấn đấu đạt các kết quả chung. Tuy nhiên, cho đến nay có một số trở ngại chính trị và thực tế trong vấn đề này. Đã có những nỗ lực làm rõ và đạt được sự nhất trí về định nghĩa chương trình chung và các phương thức lập chươn g trình và tài chính hiệu quả nhất để thực hiện việc lập chương trình chung.

Tình hình tại Việt nam: Dự thảo quy định chung của Trụ sở LHQ về Việc lập kế hoạch chung được chuẩn bị tháng 10/2003,trong đó đưa ra các phương thức tài chính khác nhau nhằm thúc đẩy việc đồng tài trợ các chương trình. UN Việt Nam đã tiến hành hoạt động lập chương trình chung đầu tiên năm 2003 tập trung vào vấn đề Thanh niên

Các thành viên của ExCom UNDG đã nhất trí có các biện pháp cho phép xây dựng hệ thống thông tin về các thông lệ tốt nhất vào năm 2003 nhằm cải thiện khả năng khai thác các bài học rút ra từ việc thực hiện chương trình và sử dụng các bài học này vào việc hoạch định và thực hiện các chương trình tương lai.

Tình hình tại Việt Nam: Tại Hội thảo Toàn cầu UNDG về ĐGH - HHH ở Nairobi tháng 9 năm ngoái, UNCT Việt Nam đã nhất trí thực hiện thí điểm thành phần Quản lý Kiến thức. Điều này bao gồm việc giới thiệu và phát triển cơ sở dữ liệu chung (Devinfo) nhằm chứa đựng các dữ liệu cơ sở cho việc đánh giá, phân tích và báo cáo việc thực hiện MTPTTNK/CLTTGN

C. Các dịch vụ và cơ sở chung

Bên cạnh việc hài hòa và đơn giản hóa các thủ tục lập chương trình, Đại Hội đồng LHQ đã đề nghị Qũy LHQ, các Chương trình và Cơ quan chuyên môn thiết lập các hoạt động dịch vụ chung và giới thiệu các cơ sở chung. Điều này sẽ có thể làm giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh tế dựa trên quy mô, tăng khả năng đàm phán, độ tin cậy và chất lượng dịch vụ, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm lớn hơn cũng như thúc đẩy sự hợp tác, phối hợp và một hình ảnh chung về hệ thống LHQ tại cấp quốc gia. Các nỗ lực dịch vụ chung bao gồm chia sẻ dịch vụ du lịch, mua sắm, quản lý các dịch vụ xây dựng, công nghệ thông tin liên lac (ví dụ VSAT) và mua sắm nhiên liệu.

Tình hình tại Việt Nam: Việt Nam đã đạt được một số tiến bộ trong việc thiết lập các cơ sở chung của LHQ. Hiện tại, năm cơ quan của LHQ đóng tại trụ sở LHQ chính tại Hà nội; UNDP, UNICEF, UNODC, UNIDO và UNV. UNFPA và các cơ quan khác có thể tham gia đóng trụ sợ tại khu vực này vào năm 2004 sau khi Chính phủ Việt Nam phê chuẩn kế hoạch mở rộng xây dựng.

UN Việt nam cũng đã có một số tiến bộ trong việc tổ chức các dịch vụ chung. Một Trung tâm Dịch vụ chung đã được thiết lập, các tiêu chí DSA chung đã được đàm phán và đã có những nước tiến trong việc mua sắm chung.